

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHAN VĂN GIÁP – LƯU HOA SƠN (Đồng Chủ biên)
NGUYỄN THỊ HOÀNG ANH – ĐOÀN KIM CÚC – ĐẶNG TIỀN DUNG – MẠC VĂN HẢI – TRƯƠNG THỊ THU HIỀN
HOÀNG KIM LIÊN – HOÀNG THỊ NHIỆM – LÝ THỊ THUỶ – LÊ THỊ PHƯỢNG – NGUYỄN THỊ MAI QUYÊN

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG

TỈNH
CAO BẰNG
LỚP 10

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH

Mỗi hoạt động trong cuốn *Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Cao Bằng lớp 10* đều được chỉ dẫn bằng một kí hiệu. Thầy cô giáo sẽ hướng dẫn học sinh theo những chỉ dẫn này. Học sinh cũng có thể theo các chỉ dẫn này để tự học.



KHỞI ĐỘNG / MỞ ĐẦU

Gợi mở những vấn đề liên quan đến nội dung chủ đề, tạo hứng thú cho học sinh tìm hiểu bài mới



KHÁM PHÁ / HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI / TÌM HIỂU BÀI ĐỌC

Phát hiện, hình thành các kiến thức, kĩ năng mới



LUYỆN TẬP / THỰC HÀNH

Củng cố kiến thức, rèn luyện kĩ năng theo nội dung, yêu cầu cần đạt của chủ đề



VẬN DỤNG

Vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn cuộc sống

Hãy bảo quản, giữ gìn tài liệu này
để dành tặng các em học sinh lớp sau.

Trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018, nội dung giáo dục địa phương là những vấn đề cơ bản hoặc thời sự về văn hóa, lịch sử, địa lí, kinh tế, chính trị – xã hội, môi trường, hướng nghiệp... của địa phương bổ sung cho nội dung giáo dục bắt buộc chung thống nhất trong cả nước. Ở cấp trung học phổ thông, nội dung giáo dục địa phương là nội dung giáo dục bắt buộc, có vị trí tương đương các môn học khác. nội dung giáo dục bắt buộc, có vị trí tương đương các môn học khác.

Tài liệu giáo dục địa phương cấp trung học phổ thông tỉnh Cao Bằng được xây dựng nhằm trang bị cho học sinh những hiểu biết cơ bản về truyền thống lịch sử, văn hóa, địa lí, đặc điểm kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, góp phần hình thành các năng lực, phẩm chất được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Từ đó học sinh được bồi dưỡng ý thức tự tìm hiểu và vận dụng những nội dung đã được học để góp phần bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa, truyền thống lịch sử của cộng đồng các dân tộc trong tỉnh, đóng góp tích cực trong công cuộc xây dựng, phát triển quê hương, đất nước.

Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Cao Bằng lớp 10 được thiết kế theo lĩnh vực và chủ đề, phục vụ cho việc dạy và học, tổ chức các hoạt động giáo dục trong các trường trung học cơ sở của tỉnh Cao Bằng, với tổng thời lượng là 35 tiết (trong đó 31 tiết dành cho việc giảng dạy các chủ đề, 4 tiết dành cho kiểm tra đánh giá). Việc biên soạn tài liệu được thực hiện theo quy định của Luật Giáo dục và pháp luật liên quan; nội dung, thông tin đề cập tới bảo đảm tính xác thực, khoa học, thể hiện tính sư phạm cao; bám sát mục tiêu đổi mới giáo dục, đào tạo và theo yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của học sinh tương ứng với lớp, cấp học.

Nhóm biên soạn *Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Cao Bằng lớp 10* gồm các chuyên gia, các nhà khoa học; các thầy, cô giáo là cán bộ quản lý, giáo viên cốt cán của tỉnh Cao Bằng. Tài liệu trước khi ban hành đã tiếp thu ý kiến của các cơ quan, các nhà khoa học, cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên cấp trung học phổ thông trong tỉnh thông qua các hội nghị, hội thảo; đồng thời đã được tổ chức dạy thực nghiệm tại một số trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh, được các thầy cô giáo, các em học sinh đánh giá là có tính khả thi và thực tiễn cao.

Tài liệu đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng thẩm định và Bộ Giáo dục và đào tạo phê duyệt. Đây là tài liệu giáo dục địa phương lớp 10 chính thức được sử dụng trong các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Cao Bằng từ năm học 2022 – 2023.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CAO BẰNG

MỤC LỤC

	Trang
Hướng dẫn sử dụng sách	2
Lời nói đầu	3
LĨNH VỰC: CÁC VẤN ĐỀ VỀ VĂN HOÁ, LỊCH SỬ TRUYỀN THỐNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG	5
Chủ đề 1: Tìm hiểu về thời nhà Mạc ở tỉnh Cao Bằng	5
Chủ đề 2: Truyện thơ dân gian tỉnh Cao Bằng	17
LĨNH VỰC: CÁC VẤN ĐỀ VỀ ĐỊA LÍ, KINH TẾ, HƯỚNG NGHIỆP CỦA ĐỊA PHƯƠNG	25
Chủ đề 3: Các nguồn lực phát triển kinh tế tỉnh Cao Bằng	25
Chủ đề 4: Tìm hiểu về hoạt động kinh doanh ở tỉnh Cao Bằng	38
Chủ đề 5: Tìm hiểu mô hình sản xuất một số loại cây ăn quả, cây công nghiệp địa phương	49
LĨNH VỰC: CHÍNH TRỊ – XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG	62
Chủ đề 6: Sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên tỉnh Cao Bằng	62
Chủ đề 7: Bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia tỉnh Cao Bằng	70
Chủ đề 8: Xây dựng nếp sống văn minh, tôn trọng kỉ cương, pháp luật ở tỉnh Cao Bằng	79

**CHỦ ĐỀ
1****TÌM HIỂU VỀ THỜI NHÀ MẠC
Ở CAO BẰNG****Sau chủ đề này, em sẽ:**

- Nêu khái lược xuất xứ, hoàn cảnh nhà Mạc lên Cao Bằng.
- Tìm hiểu đặc điểm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của Cao Bằng thời nhà Mạc.
- Trải nghiệm, giới thiệu được những nét chính về vùng kinh đô nhà Mạc ở Cao Bằng.
- Đánh giá được những đóng góp của nhà Mạc ở Cao Bằng.
- Đề xuất được giải pháp bảo tồn những di sản thời nhà Mạc ở Cao Bằng.



Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm (thế kỉ XVI) đã từng đánh giá rằng: “Cao Bằng tuy tiểu khả dung số thế” (đất Cao Bằng tuy nhỏ bé cũng có thể dung thân được vài đời). Em biết gì về bối cảnh lịch sử đưa đến quan điểm này? Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về vùng đất Cao Bằng thời kì lịch sử cuối thế kỉ XVI – cuối thế kỉ XVII.

**1 Hoàn cảnh nhà Mạc lên Cao Bằng**

Năm 1527, triều Mạc được thành lập. Tuy nhiên, một bộ phận quan lại, tướng lĩnh vì quyền lợi đẳng cấp gắn chặt với triều Lê hàng trăm năm, lại được choàng lên tư tưởng trung quân chính thống nên vẫn không chịu thần phục mà chống lại nhà Mạc nhằm khôi phục triều Lê. Đến những năm 30 của thế kỉ XVI, chính quyền vua Lê được thiết lập lại ở Thanh Hoá (gọi là Nam triều để phân biệt với chính quyền nhà Mạc ở Thăng Long là Bắc triều). Cuộc xung đột Nam – Bắc triều bùng nổ và kéo dài trong 60 năm (1533 – 1592).

Trong 60 năm nội chiến, hai bên đã tiến hành nhiều trận đánh lớn nhỏ, hầu như xảy ra hàng năm. Vùng kiểm soát của hai bên không có ranh giới cố định, nhiều lúc thay đổi, không rõ ràng.

Thế lực nhà Mạc ngày càng suy yếu. Năm 1592, quân nhà Lê tiến ra Bắc, chiếm lại thành Thăng Long. Theo lời khuyên của Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm: “*Cao Bằng tuy tiểu khả dung số thế*” (đất Cao Bằng tuy nhỏ bé cũng có thể dung thân được vài đời), nhà Mạc rút chạy lên Cao Bằng. Tại đây, nhà Mạc chọn vùng trung tâm Hoà An, dựa vào địa thế núi rừng hiểm trở để xây dựng căn cứ, chọn Na Lữ (xã Hoàng Tung, huyện Hoà An ngày nay) làm kinh đô, lập vương phủ ở Cao Bình (xã Hưng Đạo, huyện Hoà An). Một giai đoạn mới trong lịch sử triều Mạc bắt đầu.

TƯ LIỆU 1. Năm 1594, Thái phó Mạc Ngọc Liễn, người đã hết sức phò tá cơ đồ nhà Mạc, trước lúc qua đời đã để lại di chúc cho vua Mạc Kính Cung: “Nay vận khí nhà Mạc đã hết, họ Lê lại trung hưng... Dân ta là người vô tội mà khiến để phải mắc nạn binh đao, ai nỡ lòng nào! Chúng ta nên lánh ra ở nước khác, nuôi dưỡng uy lực, chịu khuất đợi thời, xem khi nào mệnh trời trở lại mới có thể làm được chứ không thể lấy lực chọi lực... Nếu thấy quân họ đến đây, thì chúng ta nên tránh, chớ có đánh nhau với họ, cốt phòng thủ cẩn thận là chính. Lại chớ nên mời người Minh vào trong nước ta mà để dân ta phải lâm than đau khổ, đó là tội lớn không gì bằng...”

(Theo *Đại Việt sử ký toàn thư, Tập 2*, NXB Văn hoá thông tin, 2000, tr. 294)



1. Lời khuyên của Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm gợi cho em suy nghĩ gì về vùng đất Cao Bằng?
2. Khai thác nội dung tư liệu 1, em có đánh giá thế nào về tình thế của triều Mạc vào thời điểm đó?
3. Hãy nêu khái lược hoàn cảnh nhà Mạc lên Cao Bằng cuối thế kỉ XVI.

2 Tình hình Cao Bằng thời nhà Mạc

a) Chính trị

Nhà Mạc ở Cao Bằng hơn 80 năm (1592 – 1677), trải qua 4 đời vua.

Bảng thống kê các đời vua triều Mạc cát cứ tại Cao Bằng

STT	Họ và tên	Thời gian ở ngôi vua
1	Mạc Kính Chỉ (? – 1593)	1592 – 1593
2	Mạc Kính Cung (? – 1623)	1593 – 1623
3	Mạc Kính Khoan (? – 1638)	1623 – 1638
4	Mạc Kính Vũ (? – ?)	1638 – 1677

Tại Cao Bằng, Mạc Kính Cung tiếp tục thiết lập vương triều, xưng vương hiệu là Càn Thống, điều hành chính sự như khi còn ở Long. Nhà Mạc cho tu bổ và sửa chữa thành Na Lữ, thành

Bản Phủ (ở Cao Bình) thành trung tâm chính trị và quân sự của mình; củng cố lực lượng, biến vùng lãnh thổ phía đông bắc ngày càng phát triển về mọi mặt để chống lại nhà Lê.

Dưới thời nhà Mạc, phần lớn các phủ, châu, huyện vẫn được giữ nguyên như trước, do các thổ ti có thế lực cai quản.

Vì muốn duy trì cục diện Nam – Bắc triều ở Đại Việt có lợi cho mình nên nhà Minh (Trung Quốc) đã can thiệp. Triều đình Lê – Trịnh buộc phải chấp nhận sự cát cứ của nhà Mạc ở Cao Bằng, phong cho Mạc Kính Khoan (vua triều Mạc) chức Thái úy Thông Quốc công, quản lý vùng này,...

Lợi dụng mâu thuẫn trong nội bộ chính quyền vua Lê – chúa Trịnh, nhiều lần nhà Mạc đã đưa quân về chiếm lại Thăng Long, nhưng không giữ được lại phải rút lên Cao Bằng.

Năm 1623, chúa Trịnh Tùng chết, nội bộ họ Trịnh diễn ra xung đột gay gắt, chúa Trịnh Tráng buộc phải cùng triều thần đưa vua Lê về Thanh Hóa. Nhân cơ hội này, Mạc Kính Khoan từ Cao Bằng kéo quân về vùng Gia Lâm, uy hiếp kinh thành Thăng Long. Khi chúa Trịnh đưa quân từ Thanh Hóa tiến ra, Mạc Kính Khoan không đương đầu được nên lại phải rút quân.

Năm 1677, triều đình Lê – Trịnh lại đưa quân lên Cao Bằng và đã đánh bật nhà Mạc khỏi kinh đô ở Hoà An.

Mạc Kính Vũ lui quân về thành Phục Hoà (huyện Phục Hoà) cố thủ. Đến năm 1683, Vương triều Mạc ở Cao Bằng bị đánh bại hoàn toàn. Năm 1692, khi Mạc Trí Kính bị bắt, Cao Bằng trở về thuộc quyền quản lý của triều đình Lê – Trịnh.

b) Kinh tế

Về nông nghiệp: Trong khoảng thời gian từ năm 1592 đến năm 1677, nhà Mạc đã thi hành những chính sách tích cực nhằm phát triển kinh tế như: khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, vận động nhân dân địa phương khai phá những cánh đồng lúa ở Trùng Khánh, Thạch Lâm, Quảng Uyên,... đẩy mạnh khai hoang, mở rộng diện tích canh tác ở vùng cao, vùng sinh lầy ven sông, tổ chức đắp đập, kiến tạo các mương, phai cung cấp nước tưới cho đồng ruộng, làm phân xanh cho đất thêm màu mỡ, có luật lệ giữ trâu bò không phá hoại mùa màng, có lịch canh tác từng mùa rõ rệt,...

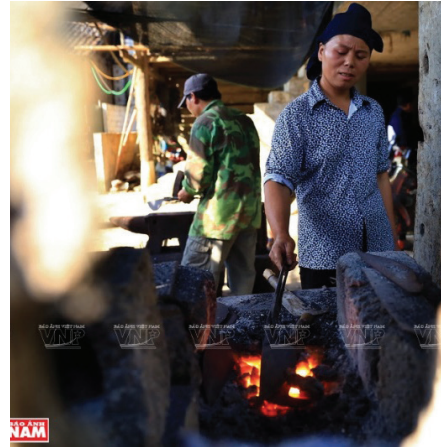


Hình 1. Một trong những cánh đồng lúa ở Trùng Khánh hiện nay

Cùng với việc chú trọng canh tác cây lương thực, triều Mạc còn đẩy mạnh việc phát triển nghề trồng dâu nuôi tằm, trồng bông vải để cung cấp nguyên liệu kéo sợi, dệt tơ lụa,...

Về thủ công nghiệp: phát triển các nghề như rèn đúc lưỡi cày, dao, búa sắc bén, kiếm, vũ khí cho quân đội.

Các lò rèn ở Lũng Chung, Đoàn Thôn (huyện.....) thu hút thợ giỏi từ Trung Quốc, từ miền xuôi lên. Sản phẩm của lò rèn ở Phúc Sen (huyện Quảng Uyên) có tiếng là tốt, búa chặt gỗ nghiêng không sút mẻ.



Hình 2. Xã Phúc Sen (huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng) – nơi có nghề rèn phát triển với lịch sử trên 300 năm

Nghề sản xuất gạch ngói để xây thành lũy, làm đồ gốm cũng được phát triển; ngoài ra còn có các nghề làm giấy bản, giấy làm pháo, đan lát chiếu cói, chiếu nan, làm nón, dệt vải chàm, tơ lụa để tự túc vải may quần áo, dệt thổ cẩm hoa văn đẹp,...

Về thương nghiệp: mở nhiều chợ làng để đẩy mạnh buôn bán tại các địa phương; đẩy mạnh giao lưu buôn bán với Trung Quốc qua các cửa khẩu biên giới,...

Về giao thông: Để mở rộng giao lưu, nhà Mạc tiếp tục mở mang đường sá nối liền Cao Bằng với Lạng Sơn, Bắc Kạn,... mở rộng đường mòn cho xe ngựa đi lại, xây cầu cống để nhân dân giao lưu hàng hoá và phục vụ cho việc vận chuyển vũ khí, lương thực cho các đội quân chiến đấu đóng ở các đồn binh tại nhiều địa phương.

Kinh tế vùng Cao Bằng nói riêng, cả vùng Đông Bắc Đại Việt nói chung phát triển tạo cơ sở hậu cần cho nhà Mạc có đủ thực lực để trụ vững, cầm cự trước chính quyền Lê – Trịnh trong hơn 80 năm.

c) Xã hội

Nhà Mạc quan tâm giảm nhẹ sưu thuế, bớt các hình phạt hà khắc, xử tội nặng các quan chức tham ô, những nhiều, ức hiếp nhân dân. Nhà Mạc còn quan tâm tổ chức nhiều lễ hội,



EM CÓ BIẾT?

Trong dân gian vẫn còn truyền khẩu: Puôn Nhàu háng Nhát, Puôn Bát Lùng Chu, Kín cửa Pơ Hác, Buôn lợn Pác Nậm,...

nơi vua quan và nhân dân cùng chung vui. Sự nghiệp đó nhằm duy trì sự nghiệp lâu dài, bền vững của triều Mạc ở Cao Bằng.

d) Văn hoá, giáo dục

Thời kì nhà Mạc ở Cao Bằng diễn ra sự giao lưu giữa các dân tộc ở phía bắc di cư xuống, ở miền xuôi lên cùng các dân tộc sở tại, đã thúc đẩy sự giao lưu và phát triển về văn hoá ở khu vực này.

TƯ LIỆU 2. Nho giáo được truyền bá mạnh hơn, tiếng Kinh được sử dụng rộng rãi, chữ Nôm cũng được sử dụng trong trường học, được phiên âm theo tiếng Tày – Nùng, nên chữ Nôm Tày xuất hiện. Người Tày, Nùng có chữ viết để phát triển văn hoá của dân tộc mình. Song, quan trọng hơn cả là dành cho các hoàng thân, quan lại, binh lính học để nắm được ngôn ngữ Tày – Nùng nhằm chung sống hoà hợp lâu dài.”

(*Lịch sử Cao Bằng*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr. 275)

Nhiều đền, chùa ở Cao Bằng được xây dựng hoặc trùng tu vào thời kì này như: các chùa Đống Lân, Đà Quận (xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng),... các đền Giang Động (xã Hồng Việt, huyện Hoà An), Quán Triều (thờ Đà Quận công Mạc Ngọc Liễn – danh tướng nhà Mạc ở xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng),...



Hình 3. Chùa Đà Quận



Hình 4. Đôi chuông chùa Đà Quận (được lưu giữ tại chùa Viên Minh và đền Đà Quận) được đúc vào thời Mạc và được công nhân là Bảo vật Quốc gia

Nhà Mạc vẫn duy trì hình thức nghệ thuật cung đình Thăng Long nhưng có bổ sung nhiều nét văn hoá nghệ thuật dân gian địa phương như: đưa kèn, sáo, nhị, đàn tính, sóc nhạ, lượn then, lượn lương, lượn Nàng Hai, múa sông,... phục vụ trong cung đình. Triều đình còn chọn các thanh niên có năng khiếu đàn giỏi, hát hay để truyền dạy văn hoá dân tộc; cải biên, nâng cao các bài hát của bụt, mo, tào,... làm cho đời sống văn hoá ngày càng phong phú; sáng tác các bài thơ có nội dung giáo dục nhân dân chung sống thuận hoà, làm điều thiện, tránh cái ác,...

Khi rút lên Cao Bằng, nhà Mạc vẫn tổ chức thi cử để chọn người hiền tài. Hiện nay dấu vết trường thi thời Mạc vẫn còn được lưu lại tại Hoà An. Trong kì thi Hội năm 1607, người đỗ đầu là Nguyễn Thị Huệ. Bà là vị Tiến sĩ nữ duy nhất trong lịch sử khoa cử phong kiến Việt Nam. Một số người đỗ đạt được trọng dụng, bổ sung vào bộ máy chính quyền Mạc. Một số môn sinh toả ra các vùng trong tỉnh dạy học chữ Hán, chữ Nôm.

Ông Bế Văn Phùng quê ở Bản Vạn (xã Bế Triều, huyện Hoà An) đỗ Tiến sĩ, được vua Mạc phong là quan Tri thiên quản nhạc. Ông thạo về khoa chiêm tinh, sáng tác nhiều tác phẩm chữ Tày, viết cuốn *Tam Nguyên Luận* với 318 câu thơ luận bàn về thời cuộc, sáng tác các điệu then cải biên với cây đàn tính tấu êm dịu, đem lại sự phồn vinh về tri thức cho người dân Cao Bằng. Ông Bế Văn Noong, tức Nông Quỳnh Anh ở Nga Ô (nay là xã Chí Viễn, huyện Trùng Khánh) là tổ sư cây đàn tính tấu hai dây, sáng tác bài *Tứ quý hồng nhan* và nhiều bài hát lượn, then còn lưu đến ngày nay,...



EM CÓ BIẾT?

Nguyễn Thị Huệ quê ở Chí Linh, Hải Dương. Bà đã giả trai để đi thi và đã đỗ đầu trong kì thi Hội. Khi triều đình mở yến tiệc mừng các vị tân khoa, vua Mạc thấy vị Tiến sĩ trẻ này đáng hình như con gái, bèn cho người tìm hiểu và biết được tân Tiến sĩ đích thực là nữ... Nhà vua đã không phạt tội giả trai đi thi mà còn rất quý trọng về gương hiếu học của bà. Bà được vua mời vào cung dạy học cho các phi tần, sau đó cưới làm vợ. Nhân dân địa phương thường gọi bà là Chúa Sao hoặc Ngọc Toàn Hoàng hậu.

TƯ LIỆU 3. Giai đoạn triều Mạc ở Cao Bằng đã tạo dựng được một trật tự xã hội, là một nhà nước có pháp luật, kỉ cương, mở mang dân trí, kinh tế phát đạt... Nhờ vậy, trong khu vực cư trú của người Tày ở miền Bắc, Cao Bằng là nơi có đời sống xã hội và văn hoá phát triển cao nhất, trở thành một trung tâm phồn vinh. Sự tồn tại của nhà Mạc ở Cao Bằng là tất yếu của lịch sử, thời kì nhà Mạc lên đóng đô ở Cao Bằng đã tạo ra sự phát triển vượt bậc về kinh tế - xã hội ở Cao Bằng cũng như các tỉnh miền Đông Bắc. Đồng thời đã để lại nhiều di sản văn hoá cả vật thể và phi vật thể cho các dân tộc.

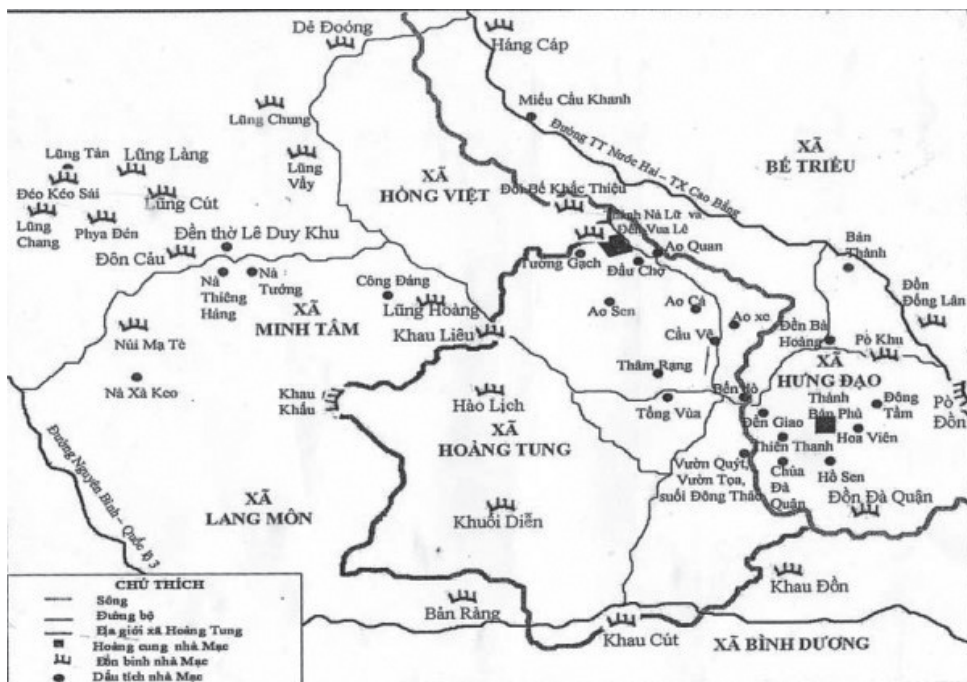


1. Khai thác thông tin trong mục, hãy cho biết nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội ở Cao Bằng thời nhà Mạc.
2. Khai thác tư liệu 3, hãy chỉ ra một số đóng góp chính của nhà Mạc ở Cao Bằng.

3 Vùng kinh đô nhà Mạc ở Cao Bằng

a) Giới thiệu nét chính về vùng kinh đô nhà Mạc ở Cao Bằng

Thời kì đóng đô ở Cao Bằng, nhà Mạc đã tu bổ, sửa chữa các thành đã có trên địa bàn như: thành Na Lữ (nay thuộc xã Hoàng Tung, huyện Hoà An) và thành Bản Phủ (nay thuộc xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng), thành Phục Hoà. Ngoài ra, nhiều thành lũy khác cũng được xây dựng, biến Cao Bằng trở thành một trung tâm chính trị và quân sự ở vùng biên giới Đông Bắc Đại Việt thời bấy giờ.



Hình 5. Sơ đồ khu trung tâm của nhà Mạc ở Cao Bằng, vùng Cao Bình – Na Lữ – Minh Tâm



Hình 6. Đền Vua Lê ở làng Đền, xã Hoàng Tung (Hoà An) từng là cung điện của vua Mạc ở Cao Bằng thế kỉ XVII (Ảnh: Công Hải)

Theo ghi chép, từ thời nhà Đường, An Nam đô hộ Cao Biền đã tổ chức xây thành Đại La (Hà Nội), lại xây cả hai thành Na Lữ và Phục Hoà (Cao Bằng). Việc phát hiện nhiều ngôi mộ cổ có đá khắc ghi bia mộ để tên, địa chỉ, quê quán những người phu dịch xây thành chết ở đây từ thời Hàm Thông (đời Đường Ý Tông – đầu thế kỉ IX) cũng là minh chứng có thể khẳng định hai thành này xây từ đời Đường. (Theo Bế Hựu Cung, *Cao Bằng thực lục*,...). Hay trong sách *Cao Bằng sự tích* (tác giả là Nguyễn Đức Nhã, làm quan thời Pháp ở Cao Bằng, biên soạn năm 1890), có đoạn chép: “Trong hạt có hai thành là thành Phục Hoà ở địa phận xã Phục Hoà, thành Na Lữ ở Thạch Lâm, xây dựng khoảng năm Hàm Thông đời Đường Ý Tông, lúc Cao Biền làm An phủ sứ đô hộ”.

Thành Na Lữ được tu bổ qua nhiều triều đại khác nhau. Khi nhà Mạc lên Cao Bằng đã cho xây lại bằng gạch. Thành có hình gần chữ nhật với tổng diện tích khoảng 37,5 ha, chiều dài khoảng 800 m, chiều rộng khoảng 600 m, thành có 4 cửa.

Thành Bản Phủ thuộc kinh đô Nam Bình, nước Nam Cương thời Thục Phán khi xưa ở Cao Bình (Cao Bằng). Nhà Mạc đã tu bổ thành Vương phủ tại vòng trong của kinh đô cũ Nam Bình và được gọi là thành Bản Phủ hay Vương phủ.

Năm 1845, trong *Cao Bằng ký lục*, Phạm An Phú đã viết: “nay trên đất Vu Thủy hãy còn các tên Hoa Viên, Liên Trì, Xứ Bắc,... đó là chỗ cũ của họ Mạc” hay “phố Cao Bình, tức chỗ cũ của họ Mạc”, những điều đó và qua bài thơ khắc trên chuông lớn của chùa Viên Minh càng thấy rõ việc nhà Mạc đóng Vương phủ tại nơi này.

Tại kinh đô Nam Bình xưa của nước Nam Cương và của nhà Mạc, thành Bản Phủ vẫn còn dấu tích khá rõ nét. Kinh đô Nam Bình gồm có hai vòng thành, để bảo vệ kinh thành, vòng ngoài có chu vi khoảng 5 km, gồm cả một vùng gò đồi thấp, quanh chân đồi được bạt dựng đứng như một bức tường thành, thuận lợi cho việc xây dựng phòng tuyến bảo vệ,... Khi nhà Mạc lên đóng đô đã tu sửa lại và xây dựng thêm một số công trình, trong đó thành

Bản Phủ (thành nội – nơi làm việc của vua) được xây lên cao hơn trên các tường thành cũ từ thời kỳ Thục Phán, thành nằm trên một khu đất bằng phẳng.

Cùng với việc xây dựng lại kinh thành, nhà Mạc còn xây dựng một hệ thống đồn bốt, thành lũy khá dày xung quanh kinh đô và một số điểm biên giới quan trọng, tạo thành một hệ thống bảo vệ kinh thành và bảo vệ biên giới.

Trong thời gian ở Cao Bằng, nhà Mạc không chỉ tu bổ sửa chữa thành Na Lữ, thành Bản Phủ mà còn tu bổ hoặc xây dựng các thành khác tại các vùng hậu cứ để phòng khi có biến như thành Lũng Hoàng, xã Hồng Việt (Hoà An) được xây dựng trên lưng Hoàng thuộc dãy núi Lam Sơn hùng vĩ và hiểm yếu, đến nay tường thành vẫn còn khá rõ. Thành Phục Hoà (huyện Phục Hoà) được xây theo kiểu hình vuông, mỗi chiều khoảng 400 m, gồm hai vòng thành, khoảng cách giữa hai vòng là 80 m. Hiện nay, tường thành phía nam đã bị phá huỷ hoàn toàn. Thành Phục Hoà có 2 cổng chính: Cổng phía Bắc được mở thông ra quốc lộ đi Cửa khẩu Tà Lùng ngày nay, nhân dân thường gọi là Pác Cổng, cổng này được xây theo kiểu hình chữ nhật, rộng 8 m, cao 5 m, gồm hai cánh cổng làm bằng gỗ nghiêng dày rất chắc chắn; cổng thứ hai ở phía Nam, mở thông ra bờ sông. Cả hai cổng đều bị san phẳng từ lâu, hiện nay không còn vết tích.



Hình 6. Dấu tích thành nhà Mạc ở thị trấn Hoà Thuận (huyện Phục Hoà) (Ảnh: Đàm Diện)

Thành cổ Phục Hoà có thể nói là cửa ải ở biên giới, từ thành này, ông cha ta đã ngăn chặn bước tiến của quân phương Bắc xâm lược. Hiện nay, xung quanh vùng này còn nhiều truyền thuyết, giai thoại về các trận đánh của quân và dân ta chống lại các cuộc xâm lược của phong kiến phương Bắc.

Qua nghiên cứu, khảo sát cho thấy, tại Cao Bằng, nhà Mạc đã tu bổ, tôn tạo và xây dựng thêm nhiều thành, đồn lũy, trong đó tu bổ, tôn tạo xây lại thành Bản Phủ, thành Na Lữ, thành

Phục Hoà; xây dựng mới các thành Lũng Hoàng, Lũng Dê, Lũng Tàn, Lũng Páng, Bản Sát và các đồn luỹ: Háng Quang, Vò Bầy, Vò Đuẩn, Khau Lừa, Nà Bưa, Khâu Đồn, Khuổi Diễn, Pha Mò, Khau Liêu, Bằng Ca, chiến luỹ Sông Măng, chiến luỹ Khắc Thiệu.

Các đồn luỹ này đã tạo thành một hệ thống liên hoàn bảo vệ kinh thành khá vững chắc. Chính vì có hệ thống đồn bốt này, năm 1677, quân Lê – Trịnh khi lên đánh nhà Mạc phải mất mấy tháng mới vượt được sông Bằng mà tiến vào đánh thành Bản Phủ, nhà Mạc phải rút sang thành Na Lữ, sau đó lại lên thành Lũng Hoàng (trên núi Lam Sơn), rồi lại bí mật đi xuống thành Phục Hoà cố thủ đến năm 1683 mới chấm dứt hẳn hoạt động triều chính ở Cao Bằng...

Đến nay, những thành cổ mà nhà Mạc xây dựng thời kì đóng đô ở Cao Bằng, một số thành xây dựng bằng đất thì chỉ còn vết tích, nhưng các thành được xây bằng đá vẫn còn dấu vết rất rõ. Kinh đô và các thành cổ ở Cao Bằng thời nhà Mạc vẫn có những giá trị lớn lao trong nghiên cứu lịch sử và các mặt khác như kinh tế, văn hóa, nghệ thuật quân sự... qua các giai đoạn lịch sử, không chỉ của địa phương mà cả Trung ương. Vì vậy cần phải tiếp tục nghiên cứu đầy đủ để góp phần tôn tạo, bảo vệ và phát huy giá trị di tích trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

b) Xây dựng kế hoạch tham quan trải nghiệm tại vùng kinh đô nhà Mạc ở Cao Bằng

Trong dạy học Lịch sử nói chung và dạy học Lịch sử địa phương nói riêng, việc tổ chức các buổi tham quan, học tập tại bảo tàng, nhà trưng bày hoặc di tích lịch sử, văn hoá,... là điều rất cần thiết, giúp học sinh có điều kiện trải nghiệm, tiếp cận trực tiếp với những hiện vật hoặc di tích lịch sử văn hoá của địa phương.

– Hoạt động tham quan, trải nghiệm giúp em:

+ Nâng cao nhận thức về các di sản văn hoá của địa phương thông qua các hiện vật còn được lưu giữ, bảo tồn tại di tích lịch sử - văn hoá hoặc được trưng bày trong bảo tàng/nhà trưng bày.

+ Hình thành và nâng cao ý thức trân trọng, giữ gìn, bảo vệ các di sản văn hoá của địa phương nói riêng và của đất nước nói chung.

+ Góp phần giáo dục kĩ năng, rèn luyện tính chủ động, tích cực, sáng tạo trong học tập môn học.

– Để buổi tham quan trải nghiệm tại vùng kinh đô nhà Mạc ở Cao Bằng đạt hiệu quả cao nhất, cần có sự chuẩn bị chu đáo, kĩ lưỡng dưới sự định hướng của thầy cô giáo. Trong đó, việc xây dựng nội dung, chương trình của buổi tham quan trải nghiệm là yêu cầu không thể thiếu (càng cụ thể càng tốt).

Dưới đây là một số gợi ý mang tính định hướng cho buổi tham quan thực tế:

• Chuẩn bị

– Đối với giáo viên:

Do thời gian có hạn, đối tượng học sinh còn nhỏ, điều kiện vật chất của nhà trường, gia đình nhiều nơi còn hạn hẹp. Vì vậy, giáo viên phải lựa chọn, xác định đúng đối tượng (bảo tàng/nhà trưng bày) sẽ tham quan để giờ học đạt hiệu quả cao nhất.

Bản thân giáo viên là người chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức tham quan nên cần phải hiểu rõ về bảo tàng/nhà trưng bày đó để có thể hướng dẫn, giới thiệu, giảng giải cho học sinh về địa điểm đấy. Cần quan niệm đây là một buổi học tập lịch sử của học sinh tại thực địa chứ không phải buổi tham quan du lịch dã ngoại.

Giáo viên cần liên hệ, hợp đồng với tổ chức, cá nhân quản lí bảo tàng/nhà trưng bày để định thời gian, nội dung công việc số lượng học sinh đến tham quan,... Ngoài ra, giáo viên phải xác định công việc cần phối hợp để hoạt động diễn ra theo đúng kế hoạch, đảm bảo yêu cầu đề ra, từ đó tránh được những sai sót đáng tiếc có thể xảy ra.

Để buổi học lịch sử tại thực địa đạt kết quả tốt, giáo viên cần phải biên soạn giáo án trước, trong đó cần làm rõ:

- + Kế hoạch toàn diện của buổi tham quan (từ khâu chuẩn bị đến tổ chức tham quan và cuối cùng là tổng kết, kiểm tra, đánh giá).

- + Xác định rõ mục đích, yêu cầu, nội dung, trọng tâm, trọng điểm của các hoạt động cụ thể của giáo viên và học sinh trong buổi tham quan.

- + Chuẩn bị câu hỏi cho học sinh trước khi tham quan để định hướng suy nghĩ, tìm hiểu về nơi tham quan có ở địa phương, qua đó, góp phần giáo dục truyền thống, bồi dưỡng lòng tự hào về mảnh đất và con người Cao Bằng cho học sinh.

- + Giáo viên cũng phải dự kiến cả những điều kiện vật chất và tài chính,... để thực hiện những nội dung ấy.

- + Chuẩn bị về phương tiện đưa đón học sinh đi tham qua.

- + Phân công các tổ, nhóm học sinh chuẩn bị các công việc cụ thể.

- *Đối với học sinh:*

- + Các em cần biết về địa điểm tham quan: tên di tích, nắm vững những yêu cầu nội dung cần chú ý khi đi tham quan, kể cả những yêu cầu về kiểm tra, đánh giá kết quả tham quan để có định hướng nhận thức, tìm hiểu rõ ràng. Qua định hướng của thầy cô giáo, các em cần xác định các hoạt động công việc cụ thể của bản thân (nghe gì, xem gì, ghi chép những gì,...).

- + Các tổ, nhóm cần chuẩn bị những đồ dùng, vật dụng cần thiết theo sự phân công của thầy cô giáo.

- *Nội dung tiến hành*

- Tập hợp, chấn chỉnh đội ngũ, ổn định tư thế, tác phong, tạo tâm thế tốt cho buổi tham quan.

- Nghe thầy cô giáo hướng dẫn tham quan các không gian trong các khu di tích, kết

hợp nghe hướng dẫn viên của di tích giới thiệu thuyết minh về các không gian của di tích lịch sử.

- Tổ chức thu thập thông tin qua phỏng vấn, ghi âm, chụp ảnh, quay phim,... hiệu quả.
- Tổ chức các hoạt động khác của học sinh (nếu điều kiện cho phép và phù hợp với nội dung):
 - + Thuyết trình của nhóm hoặc cá nhân;
 - + Làm mô hình từ vật liệu sẵn có, vẽ tranh liên quan đến khu di tích lịch sử,...
 - + Chụp ảnh theo chủ đề sau đó tổ chức trưng bày tại lớp.
- Có thể mời chuyên gia, nhà nghiên cứu, tới tham gia nói chuyện và chia sẻ thêm tại buổi trải nghiệm.
 - *Viết thu hoạch, trưng bày hiện vật được thu thập*
- Tập viết thu hoạch sau buổi tham quan trải nghiệm tại vùng kinh đô nhà Mạc tại Cao Bằng dưới các hình thức khác nhau: bài viết, xây dựng sản phẩm truyền thông.
- Trưng bày và giới thiệu sản phẩm (vào dịp thích hợp).



1. Lập bảng hệ thống/thiết kế sơ đồ tư duy/thiết kế đồ hoạ dạng infographic về tình hình Cao Bằng thời nhà Mạc.

2. Khai thác thông tin trong chủ đề, kết hợp với những hiểu biết thông qua buổi thực tế tham quan trải nghiệm tại vùng kinh đô nhà Mạc tại Cao Bằng, hãy giới thiệu khái lược về vùng kinh đô này. Hiện nay, thực trạng vùng kinh đô nhà Mạc ở Cao Bằng thế nào?



1. Viết thu hoạch sau buổi tham quan trải nghiệm tại vùng kinh đô nhà Mạc tại Cao Bằng dưới các hình thức khác nhau: bài viết giới thiệu hoặc xây dựng sản phẩm truyền thông,...

2. Thông qua thực tế trải nghiệm tại vùng kinh đô nhà Mạc ở Cao Bằng, hãy đề xuất một số giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy giá trị những di sản thời nhà Mạc trên địa bàn tỉnh.

Sau chủ đề này, em sẽ:

- Giới thiệu khái quát về truyện thơ dân gian Cao Bằng và truyện thơ dân tộc Tày.
- Giới thiệu một truyện thơ dân tộc Tày đặc sắc và đọc hiểu một đoạn trích tiêu biểu:
 - Nhận biết, phân tích và đánh giá được một số yếu tố của truyện thơ dân tộc Tày Cao Bằng: đề tài, không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật, ngôn từ và các biện pháp nghệ thuật,...
 - Phân tích và đánh giá được giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản. Phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hoá từ văn bản.
- Tìm hiểu, nghiên cứu hình thức diễn xướng của truyện thơ dân gian Cao Bằng, từ đó thấy được giá trị và sự gắn bó của truyện thơ dân gian với đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân các dân tộc ở Cao Bằng.
- Bồi đắp tình yêu đối với văn học dân gian Cao Bằng, xác định được trách nhiệm của cá nhân, cộng đồng trong việc gìn giữ và phát huy giá trị của văn học dân gian địa phương.



1. *Vượt biển* (Khảm hải) là niềm tự hào của người Tày Cao Bằng nói riêng và dân tộc Tày nói chung. Em nghĩ thế nào nếu được mời đi dự một nghi lễ có diễn xướng *Vượt biển*?

2. Hãy tìm nghe hoặc xem một đoạn diễn xướng *Vượt biển* và thử hát một vài câu theo làn điệu Then.



ĐỌC VĂN BẢN

VƯỢT BIỂN

(Khảm hải)

(Trích)

Vượt biển (Khảm hải) là một truyện thơ dân gian dân tộc Tày có dung lượng tương đối lớn, có bản dài đến trên dưới 1 000 câu thơ. Truyện được lưu truyền rộng rãi ở những vùng

có đồng bào Tày – Nùng sinh sống. Riêng ở Cao Bằng, nhà nghiên cứu văn hoá dân gian Vi Hồng đã từng sưu tầm được nhiều bản *Vượt biển*, trong đó có bản dài đến 700 câu thơ. Trong những buổi lễ cầu hồn, lễ cầu phúc, lễ cúng giải hạn..., bà Then diễn xướng nhiều khúc hát Then, trong đó có *Vượt biển*.

Nội dung tác phẩm kể về hai anh em mồ côi, lúc nhỏ họ rất thương yêu nhau. Lớn lên, người anh lấy vợ rồi trở nên giàu có, nhưng cũng từ đó xa lánh và lạnh nhạt với em trai, bỏ mặc em sống trong nghèo đói, lam lũ và rách rưới. Một lần, người em đi làm xa trở về qua nhà anh. Đến nơi, người anh vắng nhà, chỉ có chị dâu đang quấy conghà1. Chị vốn là người nhân hậu, rất biết thương em. Thấy em chống rách rưới, chị bảo em lên sàn để vá áo lại cho. Chẳng ngờ những ngón tay của chị dâu đang ướt dầu chà đã chạm lên da thịt người em. Khi người anh về, trông thấy dấu ấy, một mực cho rằng em trai đã tăng tịu với vợ mình. Anh ta mài dao mài kiếm giết chết em trai. Người em chết trong oan ức, tủi hờn. Tưởng rằng chết rồi là hết khổ, nào ngờ chết đi thành hồn ma mà linh hồn không nơi nương tựa, bơ vơ. Lúc ấy hồn lại bị các quan slay ở âm phủ bắt làm sa dạ sa đồng – phu chèo thuyền trên biển ma. Mỗi lần vượt biển là phải trải qua một hải trình dài mười hai rán nước, đầy thủy quái, mặt biển réo sôi. Các sa dạ sa đồng lúc thì cất tiếng than hã hừng, lúc thì hối hả gọi nhau chèo gấp. Đến nơi, lúc các slay lên bờ kéo vào chợ Đường Chu (chợ xứ ma của Diêm Vương), kẻ chèo thuyền bị vút lại chông chơ trên bãi cát, để âu sầu nghĩ về chặng đường trở về, nghĩ về tương lai trước mắt mịt mờ.

Đoạn trích nằm ở phần cuối và được đánh giá là đoạn hay nhất của tác phẩm. Nội dung đoạn trích miêu tả những vất vả, gian lao mà sa dạ sa đồng phải vượt qua trên con đường vượt biển, cho thấy tầm vóc lớn lao, ý chí kiên cường của người dân lao động đồng thời thể hiện sâu sắc thế giới quan, nhân sinh quan của người Tày.

Chèo ra rán² thứ nhất

Thấy cá tấ³ vảy mỏng

Đuôi quậ⁴ búng nước sôi

Nước bắn lên lưng trời

Chèo đi rán thứ hai

Hình dung tâm trạng của nhân vật khi thuyền vừa xuất phát.

¹ *Cong*: vật dụng chứa nước hoặc chất lỏng. *Cong chà*: conghà đựng chà. Người Tày thường tự dệt vải và dùng chà để nhuộm. Những việc này đều do bàn tay khéo léo của người phụ nữ Tày thực hiện.

² *Rán*: ghềnh nước hoặc những khúc sông, suối nước chảy xiết, vực sâu nguy hiểm đe dọa những người chèo mảng.

³ *Cá tấ*: tên loài cá biển.

⁴ *Quậ búng*: cá dùng đuôi quẫy nước.

Thấy cá miàng¹ vẩy nhỏ
 Cá từng lũ kéo đi
 Nước ầm ì lắc lư
 Nước sôi to phùng phụt
 Mọi người ngồi cho vững đừng run
 Chèo đi rán thứ ba
 Thuồng luồng nổi phong ba ăn người
 Nước trôi lên như máu
 Ta chèo mau vượt khỏi nơi này
 Chèo đi rán thứ tư
 Nghe tiếng gà dương thế gáy ran
 Nghe tiếng gà dương gian gáy rộn
 Nước biển vỗ ầm ì...
 Chèo đi rán thứ năm
 Nghe tiếng gà mừng trời gáy cao
 Nghe tiếng gà mừng Bân² hỗn độn
 Chèo đi, đừng nấn ná nơi này!
 Chèo đi rán thứ sáu
 Thấy nước vằn mông mốc
 Xé nhau đục vật vờ
 Chèo đi thôi, chèo đi!
 Một người cầm cán dầm cho vững,
 Nước cuộn thác chớ lo
 Biển nổi bão phong ba đừng run đừng rợn
 Chèo đi rán thứ bảy
 Nước ác kéo ầm ầm
 Nơi đây có quỷ dữ chặn đường

 Nơi đây có ngọ lôm³ bủa giăng
 Chực ăn người đi biển

Hình dung sự thay đổi tâm trạng, tư thế của nhân vật so với khi vượt qua hai "rán" đầu tiên.

¹ Cá miàng: tên loài cá biển.

² Mừng Bân: người Tày – Nùng quan niệm về vũ trụ ba tầng trong đó tầng cao nhất là mừng Bân – mừng Trời.

³ Ngọ lôm: quỷ vô hình.

Chục nuốt tảng¹ nuốt thuyền
Mau mau lên lấy tiền, lấy tiền ra thế
Đem vàng bạc ra lễ chuộc thân
Có bạc mới được đi qua
Chèo đi rán thứ tám
Nước đổ xuống âm âm
To hơn bịch đựng lúa, nước xoáy dữ ào ào
Nước thét gào kéo xuống Long Vương
Nhanh nhanh tay chèo sang qua khỏi
Chèo đi rán thứ chín
Trông thấy nước dựng đứng chầm trời
Khấp mặt biển nước sôi gầm réo
Biển ơi, đừng giết tôi
Nước hỡi, đừng lôi lấy thuyền
Đừng cho thuyền lật ngang
Đừng cho tôi bỏ thân chốn này, biển hỡi
Chèo đi rán thứ mười
Thuyền lướt theo nước trời băng băng
Cánh dầm tung bốn góc
Rán lại rán bay đi...
Chèo đến rán mười một
Sóng đuổi sóng xô đi
Nước đuổi về sau lưng
Chèo mau lên, chèo cố
Cho thuyền đến cửa biển ta dừng
Cho thuyền đến bãi cát vàng bình an
Chèo đi rán mười hai
– A ! Bờ biển kia rồi

Tiếng reo thể hiện cảm xúc gì của nhân vật?

Ta chèo mau lên thôi
Chèo mau lên, hỡi người trai trẻ!

Trai trẻ hãy lắng tai
Trai trẻ nghe tôi bảo
Lại đây nghe tôi dạy

Chú ý giọng điệu của quan slay với người chèo thuyền.

¹ Tảng: bè mảng.

– Mau lên ta kéo thuyền vào cạn
 Cùng lôi tảng vào bến
 Kéo thuyền vào bãi cát chói hồng
 Kéo thuyền vào bãi bướm vàng vờn bay!
 – Mời nàng hương¹ hai cô
 Mời em hãy ôm hoa lên bến
 Mời nàng hãy ôm hương hầu slay²
 Quân quan lên “bời bời”³
 Đàn bà cầm nón ra thuyền
 Đàn ông cầm ô lên bến
 Tay trái xách giày hoa ra tảng
 Tay phải xách giày đẹp lên bờ
 Gánh gồng lên rầm rập theo slay
 Bao của quý khiêng lên đi lễ người
 Mười hai rần nước nay đã qua rồi
 Bây giờ mới biết tôi sống sót
 Bình mã slay rầm rập
 Kéo vào chợ Đường Chu⁴
 Sau lưng trở lại tôi

Hình dung cảm xúc, tâm trạng của người chèo thuyền khi bị bỏ lại một mình trên bãi cát.

Ngồi bên bờ biển đất trời mênh mông
 Tự than thân trách phận
 Cay đắng lắm đời sa dạ sa đồng⁵
 Chèo thuyền qua lò than, qua biển
 Nhìn đường về: nước cuộn ầm rung...

(*Vượt biển*, Hoàng Hạc sưu tầm và dịch, in trong tuyển tập *Truyện thơ Tày – Nùng*, tập hai, NXB Văn học, Hà Nội, 1964, tr. 317 – 321)

Trong kho tàng văn học dân gian phong phú của các dân tộc Tày – Nùng, từ những thập niên 60 của thế kỉ XX đến nay đã có rất nhiều truyện thơ được sưu tầm, biên soạn và dịch thuật. Các tác phẩm tiêu biểu có thể kể đến như truyện *Nam Kim – Thị Đan* (bản dịch của Nông Viết Toại, Hà Vũ Khoanh, Hoàng Rạng); truyện *Lưu Đài – Hán Xuân* (bản dịch của Hoàng An Định); truyện *Kim Quế* (bản dịch của Hoàng Tuấn Nam); truyện *Chim sáo* (bản dịch

¹ *Nàng hương*: chỉ các cô gái mang hương hoa hầu các quan cai trị dưới âm phủ.

² *Slay*: quan cai trị cõi âm.

³ *Bời bời*: đông đúc.

⁴ *Đường Chu*: người Tày hay ghép tên các vương triều của Trung Quốc xưa để gán cho nó có một ý nghĩa khác. *Đường Chu* là xứ ma. *Chợ Đường Chu* là chợ âm phủ.

⁵ *Sa dạ sa đồng*: chỉ những người làm phu phen, đẩy tớ cho các slay nơi cõi âm.

của Hoàng An Định); truyện *Đính Quân* (bản dịch của Nông Minh Châu); truyện *Quảng Tân – Ngọc Lương* (bản dịch của Nông Minh Châu); *Trần Châu* (bản dịch của Hoàng Quyết), truyện *Lưu Tương* (bản dịch của Nông Phúc Tước và Bế Sĩ Uông),... Truyện thơ của dân tộc Tày có đặc trưng là cốt truyện giản dị, trình tự không gian và thời gian tuyến tính. Hình tượng nhân vật trong các truyện cũng rất gần gũi với con người trong cuộc sống thường nhật.

Truyện thơ dân gian Cao Bằng được sưu tầm và dịch thuật cho đến nay đều là truyện thơ của các dân tộc Tày – Nùng bởi thế chúng mang đặc trưng của loại hình sáng tác dân gian này. Đó là sự giản dị về ngôn từ và cốt truyện, thể hiện sâu sắc những đặc trưng văn hoá cùng đời sống tinh thần phong phú của nhân dân lao động. Câu chữ của truyện thơ không cầu kì, khó hiểu mà gắn liền với ngôn ngữ của đời sống, đôi khi nô nê, gần gũi như chính lối nói hằng ngày.

Ngày nay, truyện thơ dân gian Cao Bằng còn được lưu truyền trong dân gian dưới nhiều hình thức như lưu truyền cốt truyện, lưu truyền một số câu thơ, đoạn thơ hoặc lưu truyền cả tác phẩm. Điều này được minh chứng bằng việc có nhiều truyện thơ Tày – Nùng đã xuất bản, được sưu tầm chính tại mảnh đất Cao Bằng như truyện *Nam Kim – Thị Đan*, truyện *Vượt biển*, truyện *Lưu Tương*..., điều đó chứng tỏ các tác phẩm vẫn đang “sống” trong dân gian tại địa phương.

Trong một buổi diễn xướng Then, *Vượt biển* luôn được diễn xướng vào lúc đêm khuya, trong không gian vắng lặng và là khúc ca được những người tham dự yêu thích, chờ đón nhất vì tính hào sảng xen lẫn bi tráng của nó. Đặc biệt, nếu hoàn cảnh diễn xướng không cho phép diễn cả mấy trăm câu thì đoạn trích vượt qua mười hai rán nước sẽ luôn là đoạn được ưu tiên.



1. Đoạn trích dùng những hình ảnh và từ ngữ nào để miêu tả các rán nước?
2. Sự miêu tả ấy gợi cho em liên tưởng đến cảnh quan của vùng miền nào? Những liên tưởng ấy có gì khác với những hiểu biết thực tế của em về đại dương?
3. Theo em, “biển” được đề cập trong *Vượt biển* có phải là biển khơi như ta biết? Em lí giải như thế nào về nhan đề *Vượt biển*?
4. Tìm những câu trong đoạn trích cho thấy thân phận của người chèo thuyền.
5. Trong đoạn trích, nhân vật “chàng trai trẻ” đã phải vượt qua mười hai rán nước với muôn vàn khó khăn, nguy hiểm. Hãy kết hợp những hiểu biết của em về hoàn cảnh xuất thân của nhân vật này để nêu suy nghĩ về tầm vóc của người lao động được miêu tả ở đây.
6. Qua đoạn trích, hãy nêu đặc điểm ngôn ngữ của truyện thơ Tày.
7. Đoạn trích có thể được gói gọn thành một câu chuyện, hãy nêu những suy nghĩ của em về cách kể chuyện của tác giả dân gian trong đoạn trích này.



1. Hãy tưởng tượng mình là người chèo thuyền vượt qua mười hai rán nước và viết bài văn kể lại những trải nghiệm, cảm xúc, suy ngẫm của em khi vượt qua chặng đường này.

BÀI VIẾT THAM KHẢO

LÁ THƯ CỦA MỘT SA ĐỒNG

Mẹ kính yêu!

Ngày con đi mẹ ngồi bên sàn mẹ khóc, mẹ thương con biết có trở về. Hôm nay con đã đến Mường Bân, ngồi một mình trên bãi cát, con thương thân tủi phận, và thương mẹ. Con viết thư này kể với mẹ kính yêu về chặng đường con đã vượt qua.

Sau khi từ biệt mẹ, con rời bản bước chân xuống thuyền. Thuyền của slay to lắm và chở rất nhiều vàng bạc, châu báu, vải vóc đến mường Bân. Cùng đi với con còn có nhiều người. Trông họ đa phần cũng khốn khổ như con vậy, áo quần rách rưới, mặt ủ mảy chau. Ngoài ra còn có các slay, các nàng hương và những người đàn bà đẹp hầu cận bên họ nữa. Thuyền từ từ rời đi. Đây là lần đầu con phải đi chèo thuyền nên còn chưa biết gian nguy, chưa thông luồng lạch. Qua rán thứ nhất, nước ở đây chẳng phải nước thường mà là thứ nước sôi ngẫu bọt và nóng bỏng. Dưới nước, từng đàn cá tất vẫy mông quật đuôi búng nước lên tận lưng trời. Chúng con đều phải vất vả tránh né để vượt qua. Lại đến rán thứ hai. Con trông thấy cá miàng vẩy nhỏ kéo đàn kéo lũ. Nước vẫn nóng rát và sôi réo ầm ào. Có tiếng dặn rằng, hãy ngồi cho vững. Bởi chỉ cần run sợ là ngã nhào xuống vũng nước sôi. Qua rồi rán thứ hai, chúng con lại đến rán thứ ba. Nơi này đầy thuồng luồng mẹ ạ. Những con thuồng luồng quẫy nước dậy phong ba, miệng há to chỉ chực ăn tươi nuốt sống chúng con. Nước sôi và đỏ ngẫu như máu. Con nghĩ hẳn đã có biết bao người bỏ mạng nơi này. Chèo đến rán thứ tư, có tiếng gà nơi dương gian gáy sáng. Chúng con chèo miết, đến rán thứ năm. Lúc này, gà mường Bân cũng gáy gọi mặt trời.

Chúng con bị giục chèo nhanh, nhanh nữa. Đến rán thứ sáu, mẹ ơi mẹ biết không? Con trông xuống thấy nước vẫn mông mốc, chẳng biết là có thủy quái gì hay lũ yêu ma? Chúng con được dặn phải cầm cán dầm cho vững. Rồi con chèo đến rán thứ bảy. Ở đây nước thác réo ầm ầm, có quý dữ chực ăn người đi biển, chực nuốt tâng của con. Chúng con phải đem tiền ra thế, đem bạc vàng ra lễ chuộc thân mới mong thoát được. Đến rán thứ tám, ở đây nước to hơn bạch đựng lúa, nước gào kéo xuống tận Long Vương. Nhanh tay chèo qua khỏi, sang đến rán thứ chín, con trông thấy nước dựng chấm trời. Phải vững tay chèo lăm lăm chúng con mới lại vượt qua. Chèo đi rán thứ mười, thuyền lướt theo nước trời bằng bằng. Chèo đến rán mười một, nước vẫn đuối ầm ào sau lưng. Dạ ai cũng nảo nề, lòng thương lòng mỗi một, chèo đi lại chèo đi.

Chèo đến rán mười hai, cuối cùng cũng trông thấy bờ biển. Có tiếng bảo chúng con cố chèo, chèo đến bờ rồi kéo thuyền lên bãi cát. Người nổi người lủ lượt, váy đẹp, giày hoa, binh mã sầm sập kéo vào chợ Đường Chu, bỏ lại mình con ngồi trơ một bóng. Bãi cát dài, con trông đường về nước cuộn găm rung, nghĩ đặng cay đời sa dạ sa đồng, chẳng biết có còn về bên mẹ.

Mẹ ơi!

(Bài làm của học sinh)

2. Bài viết tham khảo được triển khai theo trình tự nào (thời gian hay không gian...)? Tâm trạng của người chèo thuyền được đan cài trong những lời kể ra sao? Có chi tiết nào trong bài viết khiến em thích thú hay cảm động không?

3. Đọc to hoặc diễn xướng theo làn điệu Then một đoạn mà em yêu thích nhất trong đoạn trích *Vượt biển*.

4. Tìm xem một video clip hoặc cùng tham dự một nghi lễ có diễn xướng *Vượt biển* rồi thảo luận về những cảm xúc của mình khi được tiếp xúc với tác phẩm trong chính môi trường diễn xướng. Hãy cùng các bạn chia sẻ xem vũ đạo mà các bà Then thực hiện trong quá trình diễn xướng cung cấp thêm cho các em hình dung gì về con đường vượt biển.



1. Suy tầm và ghi lại một đoạn truyện thơ dân gian được lưu truyền ở chính quê hương em.

2. Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) giới thiệu về truyện thơ dân gian mà em vừa suy tầm được.

CÁC VẤN ĐỀ VỀ ĐỊA LÍ, KINH TẾ, HƯỚNG NGHIỆP CỦA ĐỊA PHƯƠNG

CHỦ ĐỀ 3

CÁC NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ CAO BẰNG

Sau chủ đề này, em sẽ:

- Trình bày được nguồn lực phát triển kinh tế của Cao Bằng (gồm: vị trí địa lí, nguồn lực tự nhiên, nguồn lực kinh tế – xã hội).
- Phân tích và đánh giá được vai trò của các nguồn lực đối với phát triển kinh tế Cao Bằng.
- Phân tích bảng số liệu, biểu đồ, bản đồ về nguồn lực phát triển kinh tế.



Trong những năm gần đây, kinh tế – xã hội của tỉnh Cao Bằng được cải thiện rõ rệt, với mức tăng trưởng GDP hàng năm cao hơn mức tăng trung bình của cả nước. Tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh hơn tốc độ gia tăng dân số, nên đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao. Vậy Cao Bằng đã khai thác các nguồn lực như thế nào để phát triển kinh tế – xã hội?



I. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM LÃNH THỔ TỈNH CAO BẰNG

1 Vị trí địa lí

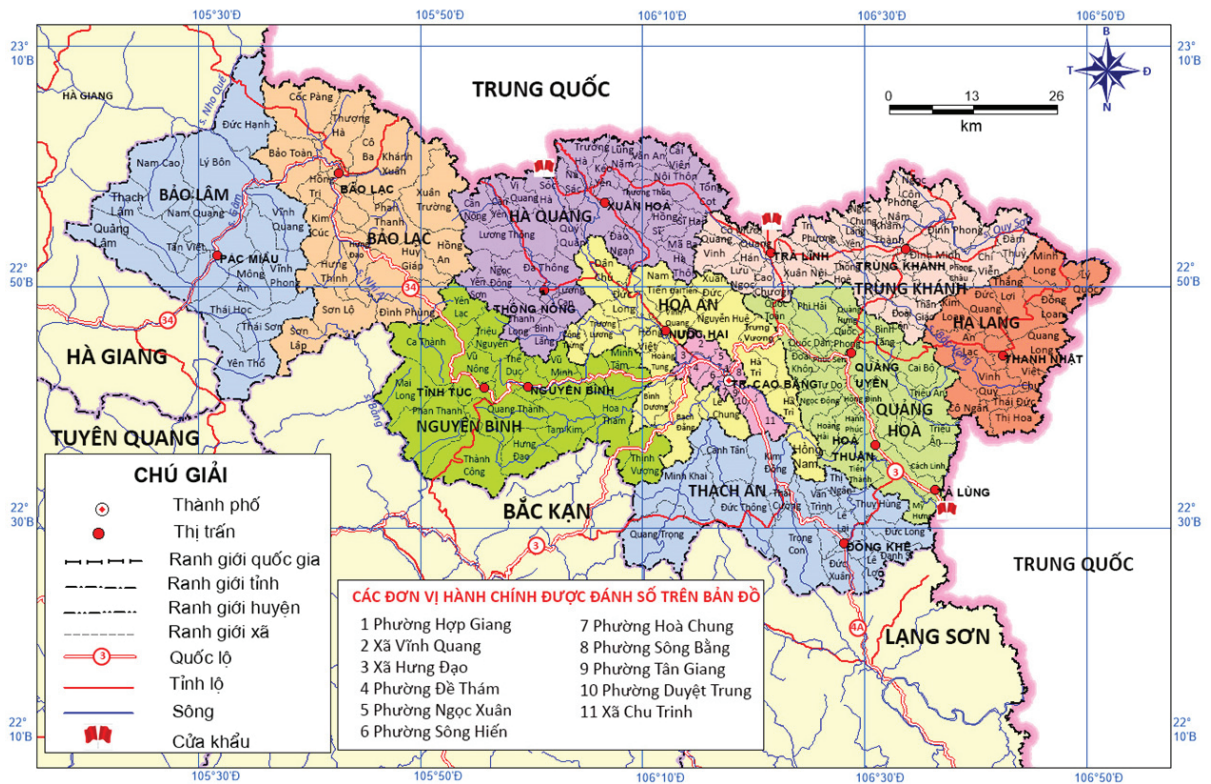
Cao Bằng là một tỉnh miền núi, biên giới thuộc khu vực Đông Bắc của vùng Trung du và miền núi phía Bắc nước ta. Tỉnh có điểm cực bắc ở $23^{\circ}07'12''\text{B}$ (Đức Hạnh – Bảo Lâm); điểm cực nam ở $22^{\circ}21'21''\text{B}$ (Trọng Con – Thạch An); điểm cực tây ở $105^{\circ}16'15''\text{Đ}$ (Quảng Lâm – Bảo Lâm) và điểm cực đông ở $106^{\circ}50'25''\text{Đ}$ (Lý Quốc – Hạ Lang). Tính chiều dài từ đông sang tây khoảng 170 km và từ bắc xuống nam khoảng 80 km.

Tỉnh Cao Bằng có phía bắc và đông giáp tỉnh Quảng Tây – Trung Quốc, phía tây giáp Hà Giang và Tuyên Quang, phía nam giáp Bắc Kạn và Lạng Sơn.

Cao Bằng có vị trí chiến lược đối với việc phát triển kinh tế – xã hội và đặc biệt quan trọng đối với an ninh, quốc phòng.

Tuy nằm xa các trung tâm kinh tế lớn của Bắc Bộ nhưng Cao Bằng là một trong những tỉnh địa đầu án ngữ biên giới phía bắc của Tổ quốc với đường biên giới dài hơn 333 km. Cao Bằng có nhiều cửa khẩu, lối mở biên giới tiếp giáp với Trung Quốc, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao lưu, phát triển kinh tế cửa khẩu. Trong đó có các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính, như: cửa khẩu Tà Lùng (huyện Quảng Hoà), cửa khẩu Trà Lĩnh (huyện Trùng Khánh), cửa khẩu Sóc Giang (huyện Hà Quảng) và cửa khẩu Lý Vạn (huyện Hạ Lang).

Cao Bằng có thể giao lưu với các tỉnh đồng bằng qua quốc lộ 3 (đi qua Bắc Kạn) và quốc lộ 4A (đi qua Lạng Sơn). Tuy nhiên, do địa hình phức tạp, nhiều đèo, nhiều suối, đường giao thông chất lượng chưa cao nên việc tạo ra các mối liên hệ quy mô lớn còn nhiều hạn chế. Hơn nữa, hiện nay việc giao lưu chỉ được thực hiện duy nhất bằng đường bộ cũng ảnh hưởng đến việc phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Cao Bằng.



Hình 3.1. Vị trí địa lý tỉnh Cao Bằng



Dựa vào thông tin và hình 3.1 trong mục 1, hãy:

- Cho biết tỉnh Cao Bằng nằm trong vùng kinh tế nào của Việt Nam. Kể tên các tỉnh, thành phố tiếp giáp với tỉnh Cao Bằng.
- Kể tên các tuyến đường giao thông kết nối Cao Bằng với các tỉnh, thành phố khác.
- Xác định vị trí một số cửa khẩu của tỉnh Cao Bằng.
- Phân tích ảnh hưởng của vị trí địa lý đến sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Cao Bằng.

2 Phạm vi lãnh thổ

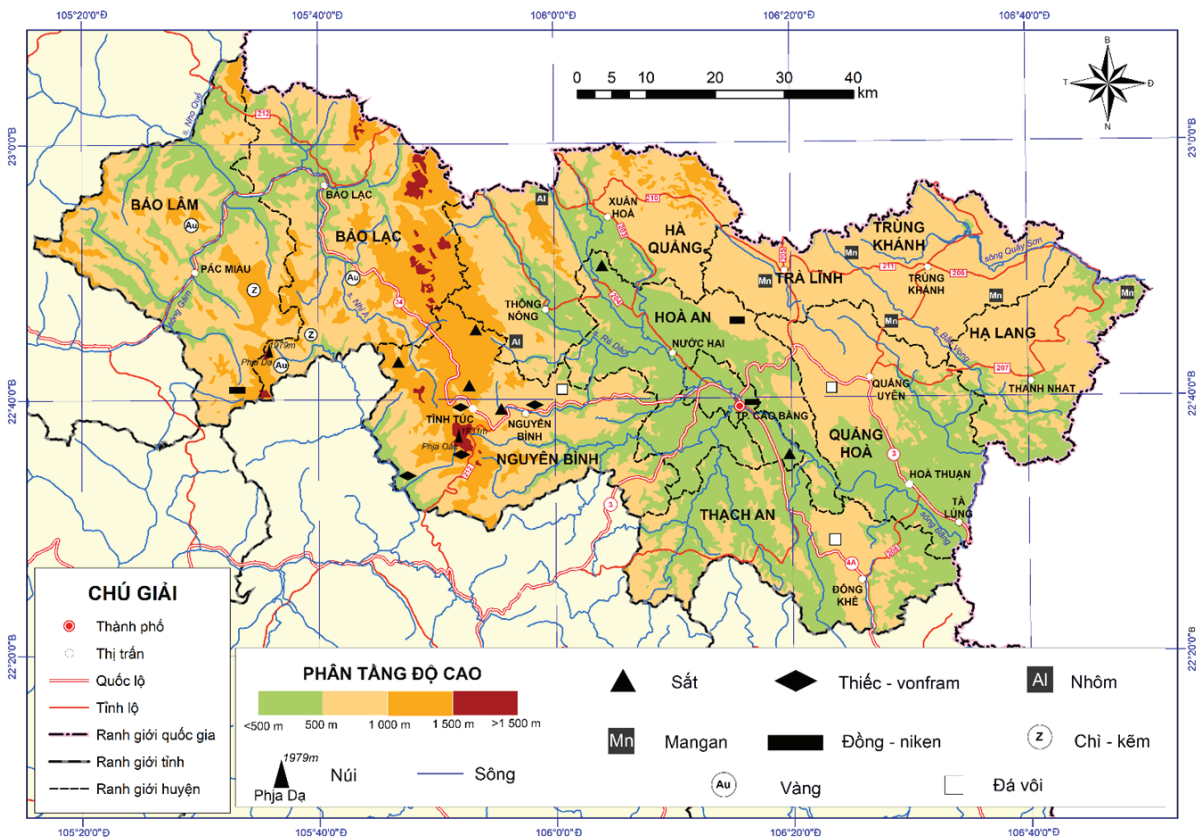
Cao Bằng có tổng diện tích tự nhiên là 6 700,26 km² (năm 2019), đứng thứ 7/15 tỉnh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ (chiếm 6,6% diện tích toàn vùng, chiếm 2,02% diện tích cả nước). Tính đến hết năm 2020, tỉnh Cao Bằng có 10 đơn vị hành chính, bao gồm: 1 thành phố và 9 huyện với 161 xã, phường và thị trấn.



Dựa vào thông tin và hình 3.1, hãy:

- Đọc tên và xác định vị trí các huyện, thành phố của tỉnh Cao Bằng.
- Xác định vị trí địa lí của huyện/thành phố nơi em sống.

II. NGUỒN LỰC TỰ NHIÊN CỦA TỈNH CAO BẰNG



Hình 3.2. Bản đồ tự nhiên tỉnh Cao Bằng

1 Địa hình

Địa hình của tỉnh khá phức tạp, với độ cao trung bình so với mực nước biển trên 300 m, thấp dần từ bắc xuống nam và từ tây sang đông. Địa hình có độ chia cắt mạnh, độ dốc cao, đặc biệt là ở những nơi có nhiều núi đá, có tới 75% diện tích của tỉnh có độ dốc trên 25°. Địa hình của tỉnh được chia thành ba vùng rõ rệt: vùng địa trung, vùng núi đất, vùng núi đá vôi.

Bảng 3.1. ĐẶC ĐIỂM CÁC KHU VỰC ĐỊA HÌNH Ở TỈNH CAO BẰNG

Vùng địa trũng	Vùng núi đất	Vùng núi đá vôi
Có địa hình khá bằng phẳng, bao gồm đồi thấp xen kẽ các cánh đồng tương đối rộng, phân bố chủ yếu ở huyện Hoà An, thành phố Cao Bằng và các xã phía nam huyện Hà Quảng.	Chạy từ phía tây bắc huyện Bảo Lạc, qua huyện Nguyên Bình xuống phía tây nam huyện Thạch An. Là vùng có địa hình chia cắt mạnh, độ dốc lớn, có các đỉnh núi cao gần 2 000 m, như Phja Dạ (Bảo Lâm) 1 980 m, Phja Oắc (Nguyên Bình) 1 931 m.	Chạy từ phía bắc dọc theo biên giới Việt – Trung, vòng xuống phía đông nam của tỉnh, tập trung chủ yếu ở các huyện Hà Quảng, Trùng Khánh, Hạ Lang, Quảng Hoà.



Hình 3.3. Vùng núi đá vôi huyện Trùng Khánh



Hình 3.4. Vùng núi đất huyện Nguyên Bình

Nhìn chung, tỉnh Cao Bằng có địa hình khá đa dạng, bị chia cắt bởi hệ thống sông, suối khá dày, núi đồi trùng điệp, thung lũng sâu,... Sự phức tạp của địa hình tạo ra nhiều tiểu vùng sinh thái đặc thù, cho phép Cao Bằng phát triển đa dạng cây trồng, vật nuôi. Tuy nhiên, đặc điểm địa hình như vậy đã ảnh hưởng lớn đến việc giao lưu phát triển kinh tế – xã hội và đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng cơ sở, đặc biệt là giao thông, đồng thời đã tạo ra sự manh mún đất trong sản xuất nông nghiệp và dễ gây ra hiện tượng rửa trôi, xói mòn đất trong mùa mưa. Các vùng núi đá vôi với nhiều cảnh quan đẹp như thác nước, hang động, núi đá vôi, rừng nguyên sinh thuận lợi để phát triển du lịch sinh thái, tham quan, nghỉ dưỡng.



Dựa vào thông tin và hình ảnh trong mục 1, hãy phân tích ảnh hưởng của đặc điểm địa hình đến sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Cao Bằng.

2 Khí hậu

Cao Bằng có khí hậu nhiệt đới gió mùa, có một mùa đông lạnh. Ngoài ra, khí hậu của tỉnh còn chịu ảnh hưởng của địa hình nên có sự phân hoá thành các tiểu vùng khí hậu.

– Về nhiệt độ

Nhiệt độ trung bình năm quan trắc tại các trạm hầu hết trên 20°C. Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối phần lớn đều dưới 0°C, nhiệt độ tối cao tuyệt đối có thể vượt quá 40°C. Số giờ nắng trung bình/năm của tỉnh từ 1 400 giờ đến 1 600 giờ. Về chế độ nhiệt ở Cao Bằng, có thể chia làm hai mùa rõ rệt. Mùa đông lạnh kéo dài từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau. Phần lớn các huyện có hai tháng nhiệt độ trung bình dưới 15°C.

Bảng 3.2. NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ TRUNG BÌNH THÁNG VÀ NĂM MỘT SỐ TRẠM KHÍ TƯỢNG TỈNH CAO BẰNG NĂM 2020 (đơn vị: °C)

Tháng Trạm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Năm
Bảo Lạc	17,8	17,7	21,5	21,7	28,6	29,3	28,7	27,9	26,8	22,7	20,3	15,7	23,2
Trùng Khánh	15,0	15,1	19,0	18,6	26,2	21,1	27,0	25,9	24,9	19,9	18,0	12,7	20,3
Nguyên Bình	15,3	15,4	19,2	19,3	26,7	27,7	27,2	26,0	25,0	20,8	18,7	13,4	21,2
TP. Cao Bằng	16,7	16,8	20,6	20,6	27,9	29,0	28,6	27,7	26,4	22,1	20,1	15,2	22,6

– Về lượng mưa

Lượng mưa trung bình của tỉnh dao động từ 1 000 đến 1 900 mm. Chế độ mưa phân theo mùa, mùa mưa trùng với mùa gió đông nam từ tháng 5 đến tháng 9, lượng mưa trong mùa mưa chiếm tới 75% lượng mưa cả năm.

Do ảnh hưởng của địa hình, lượng mưa phân bố không đều, có thể phân biệt ba vùng: vùng mưa nhiều: 1 500 – 1 900 mm/năm gồm huyện Nguyên Bình, phía bắc huyện Hà Quảng, phía bắc huyện Quảng Hoà, huyện Hạ Lang. Vùng mưa trung bình: 1 300 – 1 500 mm/năm, gồm các huyện: Hà Quảng, Hoà An, Trùng Khánh. Vùng mưa ít: 1 000 – 1 300 mm/năm, gồm huyện Thạch An, thung lũng Bảo Lạc, phía nam huyện Quảng Hoà.

Với điều kiện khí hậu như vậy, tỉnh Cao Bằng có thể phát triển được cây trồng, vật nuôi ở các vùng khí hậu ôn đới, cận nhiệt đới có giá trị kinh tế cao bao gồm các cây công nghiệp (chè, thuốc lá), cây ăn quả (mận, đào, lê, dứa, cam, quýt, vải, nhãn,...), rau (su hào, bắp cải,...), các loại gia súc, gia cầm,... Tuy nhiên, khí hậu Cao Bằng cũng có những hạn chế gây khó khăn cho sản xuất, đời sống như hiện tượng băng giá, sương muối, lũ quét, hạn hán, mưa đá,... Do vậy, công tác dự báo thời tiết, các biện pháp phòng, tránh, hạn chế thiệt hại do thiên tai gây ra đặc biệt quan trọng.



Dựa vào thông tin, bảng 3.2 trong mục 2, hãy:

- Nêu đặc điểm khí hậu tỉnh Cao Bằng.
- Phân tích ảnh hưởng của khí hậu đến sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Cao Bằng.

3 Tài nguyên nước

Cao Bằng có mạng lưới thủy văn khá dày, phân bố ở hầu khắp các huyện, thành phố trong tỉnh, tuy nhiên mật độ có khác nhau. Sông, suối chảy qua miền núi và cao nguyên nên nước chảy xiết, nhiều thác ghềnh, có tiềm năng thủy điện. Mực nước sông lên xuống theo mùa, mùa mưa nước dồn nhanh xuống các khe núi và thung lũng gây ra lũ ống, lũ quét; mùa khô nước cạn.

Các sông lớn ở Cao Bằng: Sông Bằng có diện tích lưu vực thuộc tỉnh Cao Bằng là 3 377 km²; Sông Bằng chảy qua địa phận tỉnh Cao Bằng dài 110 km với bốn phụ lưu là sông Dẻ Rào, sông Hiến, sông Trà Lĩnh, sông Bắc Vọng; Sông Gâm chảy qua tỉnh Cao Bằng bắt đầu ở xã Khánh Xuân (huyện Bảo Lạc) và kết thúc ở thị trấn Pác Miầu (huyện Bảo Lâm), có diện tích lưu vực là 2 006 km² (kể cả phần sông Năng); Sông Quây Sơn bắt nguồn từ Trung Quốc, chảy qua huyện Trùng Khánh và huyện Hạ Lang với chiều dài 38 km.

Hệ thống hồ ở Cao Bằng chủ yếu là hồ các-xơ như hệ thống hồ Thăng Hen, Đồng Mu. Các hồ có vai trò cung cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất, điều hoà khí hậu, tạo cảnh quan, có thể khai thác để phát triển du lịch.

Tiềm năng nước mặt tỉnh Cao Bằng trung bình năm khoảng 10,5 tỉ m³, trong đó phần từ bên ngoài chảy vào là 5,4 tỉ m³ (Trung Quốc chảy sang là 3,5 tỉ m³, sông Nho Quế chảy từ Hà Giang là 1,9 tỉ m³) và lượng dòng chảy trên tỉnh Cao Bằng đạt 5,1 tỉ m³.



Hình 3.5. Hồ Thăng Hen xã Quốc Toản, huyện Quảng Hoà



Phân tích ảnh hưởng của tài nguyên nước đối với phát triển kinh tế tỉnh Cao Bằng.

4 Tài nguyên đất

Cao Bằng có điều kiện tự nhiên đa dạng nên thổ nhưỡng cũng đa dạng, phức tạp, có thể chia làm ba nhóm chính: đất feralit ở miền đồi núi (chiếm diện tích lớn nhất); đất phát triển trên miền núi đá vôi; đất phù sa ở cánh đồng sông Bằng và thung lũng các sông khác.

– *Đất feralit vàng đỏ và đỏ vàng*: Đất hình thành trên đồi núi thấp dưới 600 m, chiếm phần lớn diện tích trong tỉnh. Đặc tính chung của loại đất này là chua và ít chất dinh dưỡng, ngoài ra còn có đất có thành phần cơ giới từ nhẹ lên trung bình, tầng đất dày, lượng mùn khá cao, thuận lợi cho canh tác. Loại đất này phân bố ở các huyện: Nguyên Bình, Hoà An, Hà Quảng, Thạch An,... Ở vành đai giữa độ cao từ 700 đến 1 500 m hình thành loại đất feralit có mùn, chiếm một diện tích khá lớn ở các cao nguyên biên giới và rải rác một số núi khá cao của tỉnh. Ở độ cao trên 1 500 m, hình thành loại đất mùn núi cao chỉ phát triển trên vài ngọn núi như Phja Dá, Phja Oắc (huyện Nguyên Bình), núi thuộc xã Khánh Xuân (huyện Bảo Lạc).

– *Nhóm đất phát triển trên đá vôi tạo thành đất feralit có màu nâu đỏ*: Đất khá giàu chất dinh dưỡng, kết cấu tốt, có độ pH trung tính hoặc hơi kiềm, đất tơi xốp rất phù hợp cho việc trồng cây công nghiệp và cây ăn quả. Loại đất này phân bố ở hầu hết các huyện trong tỉnh, nhiều nhất là Bảo Lạc, Hà Quảng, Quảng Hoà, Trùng Khánh. Đất đỏ đá vôi là loại đất tốt của tỉnh, hiện nay còn tiềm năng lớn để mở rộng khai thác, song đất có nhược điểm giữ nước kém nên vấn đề xây dựng các công trình thuỷ lợi là cần thiết.

– *Đất phù sa thuộc sông Bằng và thung lũng các con sông nhỏ khác*: Đất chiếm khoảng 10% diện tích toàn tỉnh, hình thành do phù sa các sông, suối bồi đắp các vùng trũng, các vùng hồ và thung lũng các sông, suối. Đất này được cải tạo lâu đời đã trở thành những vùng trồng lúa chính của tỉnh. Đất trồng lúa nước chủ yếu phân bố ở thung lũng sông Bằng kéo dài từ nam Hà Quảng qua Hoà An tới thành phố Cao Bằng, các thung lũng đá vôi và thung lũng của các sông nhỏ ở các huyện Thạch An, Trùng Khánh, Hạ Lang, Quảng Hoà.



1. Trình bày đặc điểm tài nguyên đất tỉnh Cao Bằng.
2. Phân tích ảnh hưởng của tài nguyên đất đến sự phát triển kinh tế của tỉnh.

5 Khoáng sản

Cao Bằng trải qua một quá trình phát triển địa chất lâu dài và phức tạp đã hình thành các mỏ khoáng sản phong phú và đa dạng. Hiện nay, đã phát hiện và thăm dò được nhiều loại khoáng sản khác nhau có giá trị công nghiệp, bao gồm các nhóm nhiên liệu (than), kim loại (sắt, mangan, thiếc, đồng, nhôm, niken,...), các nhóm nguyên vật liệu và các nguồn nước khoáng. Sự phân bố khoáng sản trong tỉnh không đồng đều, các huyện Hoà An, Nguyên Bình và Trùng Khánh là những nơi tập trung nhiều điểm khoáng sản hơn cả.



Hình 3.6. Mỏ sắt Nà Lũng

Ngoài ra tỉnh còn có khoáng sản vật liệu xây dựng. Đá vôi có trữ lượng lớn phân bố nhiều ở phía bắc và đông bắc tỉnh. Đây là nguồn nguyên liệu quan trọng để sản xuất xi măng phục vụ cho công nghiệp xây dựng. Các loại nguyên liệu làm đồ sành sứ, cao lanh có ở Hoà An. Các nhóm nước: nước khoáng ở mỏ muối (phường Tân Giang – thành phố Cao Bằng); các nguồn nước ngầm ở dưới các dãy núi đá vôi, các sông suối.

Nhìn chung, Cao Bằng có khá đầy đủ các loại khoáng sản và tài nguyên, tạo điều kiện thuận lợi cho các ngành công nghiệp địa phương phát triển, đáng chú ý là thiếc, nhôm, mangan.



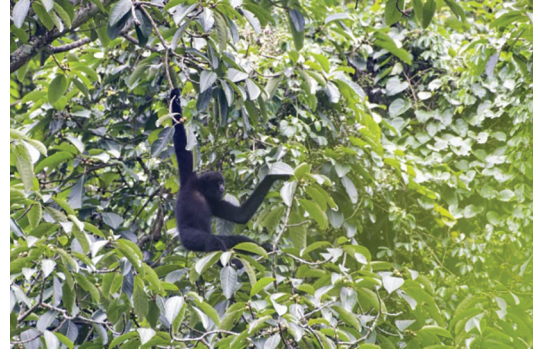
1. Dựa vào hình 3.2, hãy xác định sự phân bố các loại khoáng sản của tỉnh Cao Bằng.
2. Ở huyện/xã của em có loại tài nguyên khoáng sản nào? Tài nguyên đó được sử dụng vào những hoạt động sản xuất nào?

6 Sinh vật

Theo số liệu thống kê năm 2019, diện tích đất lâm nghiệp tỉnh Cao Bằng là 508 930 ha, chiếm 75,96% diện tích tự nhiên, chủ yếu là rừng tự nhiên, phần lớn là rừng nghèo và rừng mới phục hồi. Rừng ở Cao Bằng có nhiều loại cây quý hiếm có giá trị kinh tế cao cũng như giá trị nghiên cứu khoa học, đã phát hiện được 27 loài thực vật quý hiếm ghi trong Sách đỏ Việt Nam như cầu ích, bồ cốt toái, dẻ tùng sọc trắng, hoàng đàn, thông pà cò, ngũ gia bì gai,... Hệ thống động vật rừng khá phong phú, theo kết quả điều tra cho thấy ở Cao Bằng có khoảng 196 loài, trong đó có một số loài quý hiếm như: khỉ mặt đỏ, cu li lớn, vượn đen, vọc đen má trắng, cáo lửa, sói đỏ, gấu ngựa, rái cá, báo hoa mai, hươu xạ, sơn dương, tê tê, sóc bay,...



Hình 3.7. Rừng ở Phja Đén, huyện Nguyên Bình



Hình 3.8. Vườn Cao Vít (Nguồn: Nguyễn Hữu Thọ)

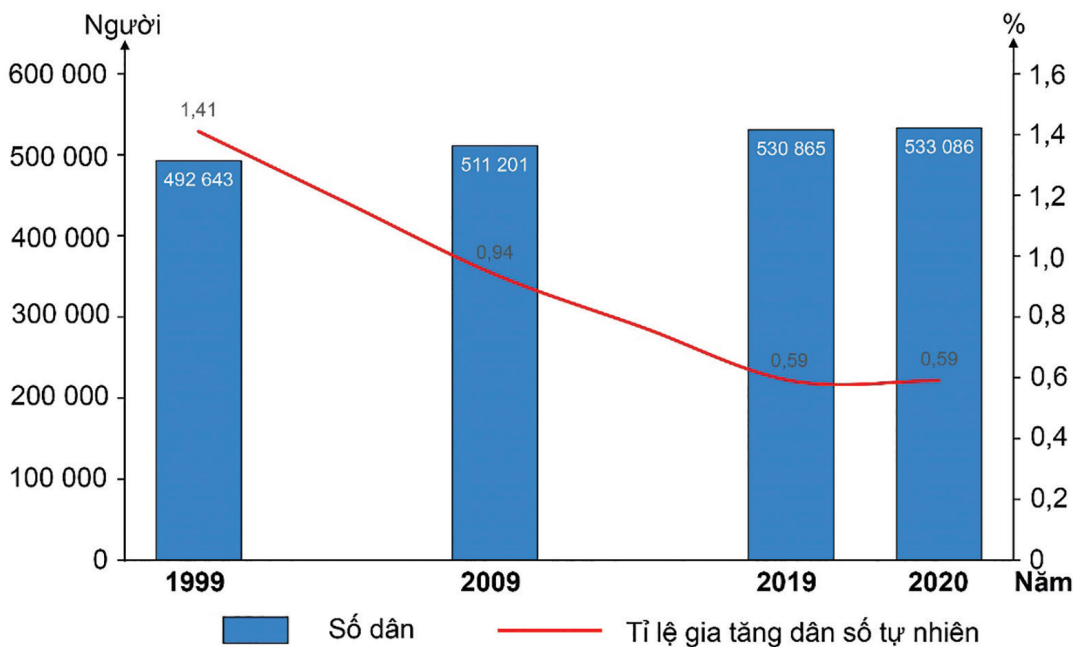


Tài nguyên rừng có vai trò như thế nào đối với tỉnh Cao Bằng?

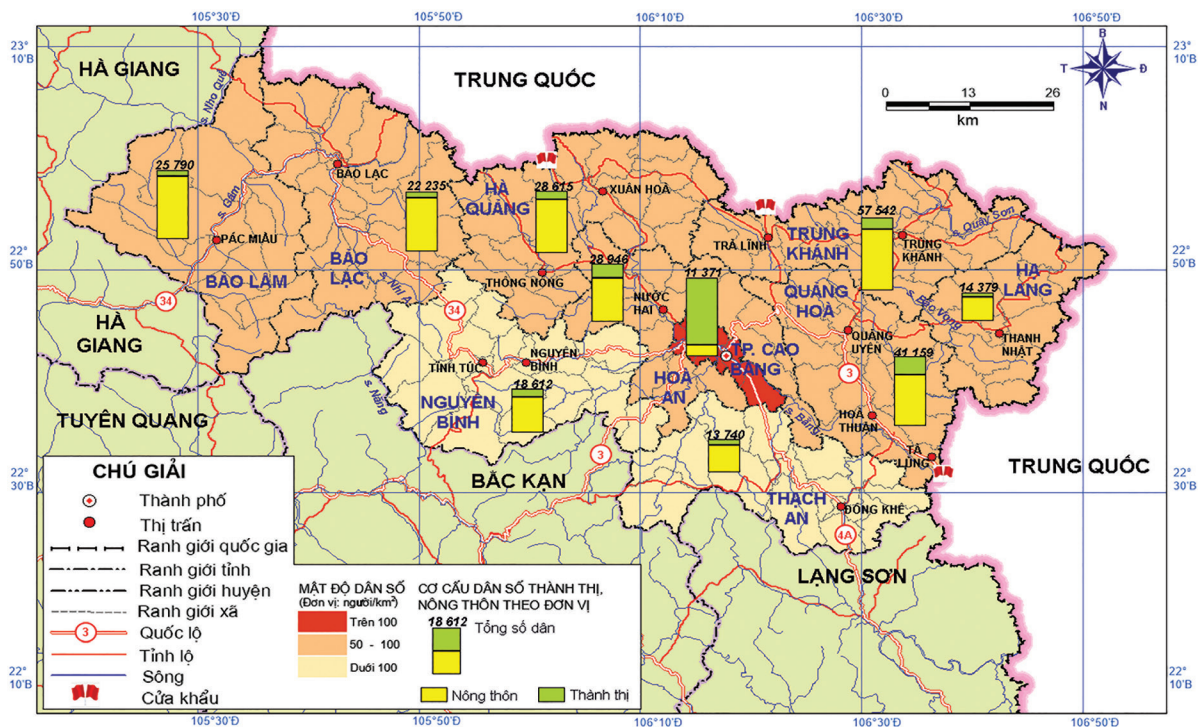
III. NGUỒN LỰC KINH TẾ – XÃ HỘI TỈNH CAO BẰNG

1 Dân số và nguồn lao động

Năm 2020, số dân tỉnh Cao Bằng là 533 086 người. So với các tỉnh trong vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ thì Cao Bằng có dân số ít thứ ba toàn vùng, chỉ nhiều hơn Bắc Kạn, Lai Châu.



Hình 3.9. Quy mô dân số và tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên tỉnh Cao Bằng giai đoạn 1999 – 2020



Hình 3.10. Bản đồ dân cư tỉnh Cao Bằng năm 2020

Năm 2020, Cao Bằng có mật độ dân số trung bình là gần 80 người/km², khá thưa thớt so với mức trung bình của cả nước, phân bố dân cư không đồng đều giữa các huyện, giữa thành thị và nông thôn. Cao Bằng là khu vực có sự đa dạng về bản sắc văn hoá dân tộc thiểu số được thể hiện qua ẩm thực, trang phục, lễ hội, tập quán,... Theo Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, địa bàn tỉnh Cao Bằng có 27 dân tộc cùng sinh sống. Sự đa dạng này là lợi thế đặc biệt để phát triển kinh tế, nhất là đối với ngành nông nghiệp và du lịch.

Cao Bằng là tỉnh có nguồn lao động dồi dào, được bổ sung hằng năm. Năm 2020, lực lượng lao động tỉnh Cao Bằng là 348 989 người, chiếm gần 65,5% dân số, trong đó có 345 914 người đang làm việc trong các ngành kinh tế. Lao động Cao Bằng có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp và một số lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp truyền thống. Lực lượng lao động ở Cao Bằng chủ yếu là lao động chưa qua đào tạo, số lao động đã qua đào tạo chiếm tỉ lệ thấp. Chất lượng lao động có xu hướng tăng lên.

Bảng 3.3. TỈ LỆ LAO ĐỘNG ĐANG LÀM VIỆC ĐÃ QUA ĐÀO TẠO CỦA TỈNH CAO BẰNG GIAI ĐOẠN 2010 – 2020

Năm	2010	2015	2020
Tỉ lệ (%)	16,71	18,8	21,8

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Cao Bằng các năm)

Nguồn lao động dồi dào là cơ sở tốt để thúc đẩy kinh tế – xã hội địa phương phát triển, thu hẹp khoảng cách, chênh lệch về phát triển với các tỉnh trong vùng cũng như cả nước. Để nâng cao trình độ chuyên môn, kĩ năng nghề nghiệp của lao động, cần chú trọng công tác đào tạo, đào tạo lại để người lao động có kiến thức phù hợp với lĩnh vực mình đang làm.



1. Trình bày đặc điểm dân cư và nguồn lao động của tỉnh Cao Bằng.
2. Dân cư và nguồn lao động có vai trò như thế nào đối với kinh tế – xã hội tỉnh Cao Bằng?

2 Nguồn vốn

Nguồn vốn đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế – xã hội của một lãnh thổ. Trong những năm gần đây, tỉnh Cao Bằng đã tăng đầu tư cho các lĩnh vực cơ sở hạ tầng (đường giao thông, trường học, cơ sở y tế,...) và mua sắm trang thiết bị, máy móc sản xuất.

Bảng 3.4. VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CAO BẰNG
(THEO GIÁ HIỆN HÀNH), GIAI ĐOẠN 2015 – 2020

(Đơn vị: tỉ đồng)

Năm	2015	2018	2020
Tổng số vốn	6 851,8	9 171,7	10 510,6
– Vốn trong nước:	6 851,8	9 162,1	10 510,1
+ Vốn khu vực Nhà nước	3 465,2	4 735,2	6 804,3
+ Vốn khu vực ngoài Nhà nước	3 386,6	4 426,9	3 705,8
– Vốn khu vực đầu tư trực tiếp của nước ngoài	0	9,6	0,5

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Cao Bằng năm 2020)



Dựa vào bảng 3.4, hãy nhận xét sự thay đổi vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2015 – 2020.

3 Cơ sở vật chất hạ tầng

Cao Bằng là một tỉnh miền núi, địa hình bị chia cắt, giao thông khó khăn, để phát triển kinh tế, mở rộng sự giao lưu kinh tế của tỉnh với các địa phương khác cũng như nước láng giềng, cần đầu tư xây dựng hệ thống giao thông liên tỉnh, liên huyện đồng bộ. Trong những năm qua và trong tương lai, Cao Bằng ngày càng nâng cấp hệ thống giao thông. Tỉnh đã cải tạo và nâng cấp đường tỉnh 206 (đoạn Quốc lộ 3 – Thác Bản Giốc); đường 207 (đoạn Quảng Hoà – Hạ Lang), đường tỉnh 208 (thị trấn Đông Khê, huyện Thạch An – xã Cách Linh, xã Triệu Ấu, huyện Quảng Hoà – xã An Lạc, thị trấn Thanh Nhật, xã Đức Quang, huyện Hạ Lang – xã Chí Viễn, huyện Trùng Khánh); đường tỉnh 216, đường giao thông liên xã Chí Thảo – Tự Do – Ngọc Động – Hạnh Phúc, huyện Quảng Hoà,... Đến năm 2020, toàn tỉnh

có 5 663 km đường bộ, trong đó quốc lộ 714 km, tỉnh lộ 1 030,6 km, đường đô thị 30,7 km, đường liên huyện 1 402,2 km, đường xã, thôn khoảng 3 200 km. Hệ thống giao thông đảm bảo thông suốt, đáp ứng nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hoá của nhân dân.

Về mạng lưới điện, hiện nay 100% số xã và 89,19% hộ gia đình được sử dụng điện lưới quốc gia. Trên địa bàn tỉnh có 1 khu công nghiệp và 10 cụm công nghiệp.



Dựa vào hình 3.10, hãy xác định các quốc lộ, tỉnh lộ của tỉnh Cao Bằng và phân tích ảnh hưởng của các tuyến đường này đến sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.

4 Chính sách phát triển kinh tế – xã hội

Chính sách phát triển kinh tế – xã hội đúng đắn là nhân tố thúc đẩy khai thác có hiệu quả các nguồn lực khác và định hướng sự phát triển của tỉnh Cao Bằng. Các chính sách phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Cao Bằng được xác định trên cơ sở đánh giá những thế mạnh kinh tế về nông nghiệp, công nghiệp, du lịch của tỉnh, đồng thời có các biện pháp nhằm tháo gỡ những khó khăn, yếu kém của tỉnh. Các định hướng chủ yếu là:

- Khai thác và phát huy hiệu quả lợi thế so sánh của tỉnh về phát triển du lịch, dịch vụ bền vững, từng bước đưa du lịch Cao Bằng trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.
- Xây dựng một số nhà máy sơ chế, chế biến xử lý, đóng gói, kho bảo quản lạnh và các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hoá tập trung. Tăng cường đầu tư ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại, cơ giới hoá và tin học hoá vào quá trình sản xuất; chú trọng thâm canh, chuyên canh, nâng cao chất lượng và giá trị các loại cây đặc sản như cây thạch đen, dong riềng, các cây dược liệu và cây ăn quả như lê, dẻ, cam, mận,...
- Đẩy mạnh phát triển sản xuất công nghiệp theo hướng bền vững, thân thiện với môi trường, khuyến khích đầu tư mở rộng quy mô, đa dạng hoá các loại hình thương mại.
- Tăng cường đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế – xã hội và hạ tầng đô thị đáp ứng yêu cầu phát triển.
- Nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên, bảo vệ môi trường, thúc đẩy đổi mới, sáng tạo, đẩy mạnh việc ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống.



Trình bày các định hướng phát triển kinh tế – xã hội quan trọng của tỉnh Cao Bằng.



1. Lập bảng thể hiện nguồn lực tự nhiên tỉnh Cao Bằng theo mẫu sau:

NGUỒN LỰC TỰ NHIÊN TỈNH CAO BẰNG

Nguồn lực	Đặc điểm	Ảnh hưởng

2. Vẽ sơ đồ thể hiện các nguồn lực kinh tế – xã hội của tỉnh Cao Bằng.



Đóng vai người kêu gọi đầu tư, hãy giới thiệu nguồn lực phát triển du lịch tỉnh Cao Bằng trước các nhà đầu tư du lịch.

CHỦ ĐỀ 4

TÌM HIỂU VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Ở CAO BẰNG

Sau chủ đề này, em sẽ:

- Kể được tên một số hoạt động kinh doanh tại Cao Bằng (sản xuất, thương mại, dịch vụ,...).
- Trình bày được những hoạt động chủ yếu, khó khăn, thuận lợi, triển vọng phát triển của một hoạt động kinh doanh ở địa phương.
- Trải nghiệm một số bước trong quy trình của ít nhất một hoạt động kinh doanh tại địa phương mà em thích.
- Xây dựng dự án kinh doanh một lĩnh vực tại địa phương mà em thích.



Tỉnh Cao Bằng là tỉnh có nhiều tiềm năng, thế mạnh để phát triển kinh tế. Trong những năm gần đây, nhờ khai thác có hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh mà các hoạt động kinh doanh của tỉnh phát triển tương đối đa dạng.

Theo em, hoạt động kinh doanh nào của tỉnh Cao Bằng trong những năm gần đây đang giữ vai trò chủ lực? Vì sao?



I. CÁC NGÀNH NÔNG – LÂM – THỦY SẢN

1 Kể tên một số hoạt động kinh doanh thuộc lĩnh vực nông – lâm – thủy sản ở Cao Bằng



Hình 4.1. Trồng rau tại xã Hồng Đại, Phục Hoà



Hình 4.2. Chăn nuôi bò ở xã Quang Thành, Nguyên Bình



Hình 4.3. Kinh doanh buôn bán tại phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng



Hình 4.4. Dịch vụ sửa chữa xe máy tại phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng



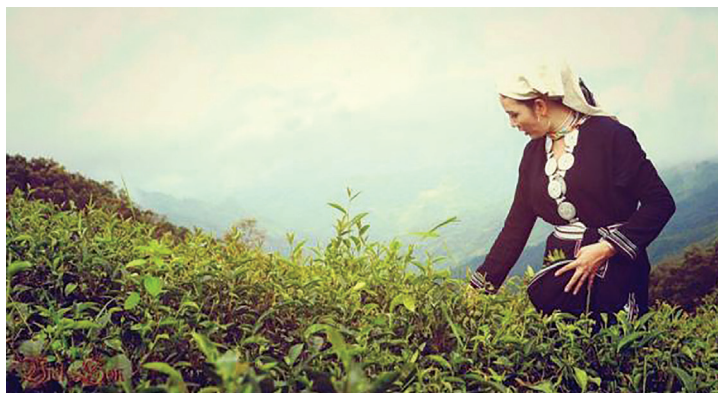
1. Em hãy kể tên các hoạt động kinh doanh trong các bức ảnh trên.
2. Ngoài ra, em còn biết các hoạt động kinh doanh nào khác thuộc lĩnh vực nông – lâm – thủy sản ở Cao Bằng?

2 Tìm hiểu những hoạt động chủ yếu, khó khăn, thuận lợi, triển vọng phát triển của một số hoạt động kinh doanh thuộc lĩnh vực nông – lâm – thủy sản ở Cao Bằng

a. Nông nghiệp

* Trồng trọt

Cao Bằng có điều kiện đất đai, khí hậu khá thuận lợi cho hoạt động trồng trọt. Do đó, hoạt động trồng trọt được coi là ngành chính trong sản xuất nông nghiệp của tỉnh. Toàn tỉnh hiện có 94 724 ha đất chuyên sản xuất nông nghiệp, trong đó trồng trọt chiếm tỉ trọng 56,3%. Các loại cây được trồng nhiều như lúa, ngô, dược liệu, chè Ô Long, hoa quả đặc sản ôn đới, thuốc lá, trúc sào, hồi,... Những năm gần đây, tỉnh đã mạnh dạn chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo xu hướng tăng dần diện tích các loại cây có giá trị kinh tế như thuốc lá, mía, trúc sào,... và giảm dần diện tích các loại cây trồng có giá trị kinh tế thấp. Tập trung phát triển các loại cây ăn quả đặc sản, như: dẻ Trùng Khánh, chanh leo, quýt Trà Lĩnh, lê vàng Thạch An, lê vàng Đông Khê, mận máu Bảo Lạc,...



Hình 4.5. Trồng chè ở Nguyên Bình

Tỉnh Cao Bằng luôn thực hiện tốt các chính sách thu hút đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; tiếp tục triển khai các chương trình dự án có trọng tâm trọng điểm đi đôi với việc quan tâm quy hoạch vùng sản xuất; xác định các cây trồng mũi nhọn, tập trung đầu tư công nghệ và chuyển giao khoa học kĩ thuật; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư ổn định và lâu dài.

Tuy nhiên, các hoạt động trồng trọt ở Cao Bằng còn phải đối mặt với nhiều khó khăn như: địa hình đồi núi chia cắt mạnh, thường xuyên chịu tác động của thiên tai; diện tích đất canh tác hạn chế, người dân còn thiếu tư liệu sản xuất; đồng bào dân tộc còn nhiều hủ tục, tập quán, thói quen canh tác lạc hậu; trình độ dân trí của người dân tại địa bàn các xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi còn thấp, năng lực của cán bộ cơ sở còn hạn chế; tình trạng thiếu nước sản xuất, sinh hoạt còn phổ biến; quy mô sản xuất tại các xã còn manh mún, nhỏ lẻ; năng suất, sản lượng một số cây trồng chưa cao; sản phẩm nông nghiệp mang tính tự cung, tự cấp còn phổ biến; việc ứng dụng khoa học – công nghệ, thay đổi tập quán canh tác, áp dụng giống cây trồng, vật nuôi mới vào sản xuất tuy đã được cải thiện song còn nhiều hạn chế,...

** Chăn nuôi*

Hoạt động kinh doanh thuộc lĩnh vực chăn nuôi ở Cao Bằng khá phát triển và giữ vai trò quan trọng đối với kinh tế của tỉnh. Các hoạt động chăn nuôi phổ biến là nuôi gà, bò, lợn, trâu. Chăn nuôi gia cầm theo quy mô trang trại phát triển tại các huyện: Hoà An, Hà Quảng, Trùng Khánh và thành phố Cao Bằng. Phát triển đàn trâu tại các huyện: Trùng Khánh, Quảng Hoà, Hạ Lang, Hà Quảng, Thạch An và phát triển đàn bò tại các huyện: Hà Quảng, Nguyên Bình, Bảo Lạc, Bảo Lâm, Quảng Hoà, Hoà An,...

Tỉnh Cao Bằng đã ban hành nhiều chính sách khuyến khích phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm như: Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách đặc thù hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 – 2025, định hướng phát triển giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn tỉnh,... Cùng với đó, Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của tỉnh còn đẩy mạnh việc hỗ trợ, hướng dẫn người dân kĩ thuật chăn nuôi, chăm sóc, phòng dịch cho đàn vật nuôi.



Hình 6. Nuôi lợn Lang Đông Khê ở xóm Nà Lặng, xã Trọng Con, Thạch An

Dù mang lại giá trị kinh tế cao, tạo việc làm cho nhiều lao động, song việc phát triển chăn nuôi, đặc biệt là phát triển các mô hình trang trại, gia trại vẫn còn nhiều hạn chế. Hầu hết các hộ chăn nuôi theo hướng tự phát, phân tán, quy mô nhỏ lẻ, hiệu quả và hệ số quay vòng chăn nuôi thấp. Cùng với đó, con giống chưa được người dân quan tâm đúng mức nên phần nhiều lựa chọn giống gia súc, gia cầm năng suất thấp, các hộ chăn nuôi tự ý tái đàn bằng các loại giống mua từ các chợ, điểm buôn bán hoặc thương lái thu gom từ nhiều nơi, không rõ nguồn gốc, dễ lây lan dịch bệnh.



1. Em hãy nêu các hoạt động kinh doanh chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp ở Cao Bằng.
2. Các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp ở Cao Bằng hiện nay có những thuận lợi và khó khăn gì?
3. Em hãy trình bày những hoạt động chủ yếu, khó khăn, thuận lợi và triển vọng phát triển của một hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp ở địa phương mà em biết.

b. Thủy sản

Tỉnh Cao Bằng có hơn 50 hồ thủy lợi, thủy điện và tự nhiên cùng với hệ thống sông, suối khá phong phú, đa dạng; trong đó có 5 hệ thống sông lớn với chiều dài hơn 321 km, bao gồm sông Bằng, sông Hiến, sông Quây Sơn, sông Gâm, sông Bắc Vọng. Do vậy, các hoạt động kinh doanh nuôi trồng thủy sản trên các hồ, sông, suối rất đa dạng, phong phú, trong đó có nhiều loài cá quý, hiếm như cá chiên, anh vũ, trắm xanh, lăng chấm, bống,...



Hình 4.7. Nuôi cá tầm tại xóm Bản Hoàng, xã Trường Hà, Hà Quảng

Để thúc đẩy các hoạt động kinh doanh thủy sản theo hướng nâng cao giá trị, bền vững, góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân, tỉnh đã tập trung nguồn lực đầu tư hạ tầng, đẩy mạnh chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ cho người dân và có các cơ chế,

chính sách hỗ trợ phù hợp. Mặc dù ngành thủy sản của tỉnh đã có bước phát triển nhưng để phát triển bền vững, các cơ sở kinh doanh cần phải giải quyết nhiều khó khăn, thách thức như vấn đề về quy hoạch, tình trạng ô nhiễm nguồn nước, việc thẩm lậu giống thủy sản từ Trung Quốc, một số cơ sở còn sử dụng thuốc cấm trong nuôi trồng thủy sản, nhiều cơ sở kinh doanh còn nhỏ bé, manh mún, phân tán, sản phẩm mang tính tự cấp, tự túc,...



1. Ở Cao Bằng hiện nay có những hoạt động kinh doanh chủ yếu nào trong lĩnh vực thủy sản?
2. Nêu những thuận lợi, khó khăn và triển vọng phát triển của hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản ở Cao Bằng.

c. Lâm nghiệp

Là một tỉnh miền núi, diện tích tự nhiên rộng, mật độ dân cư thưa thớt, tỉnh Cao Bằng có rất nhiều tiềm năng để phát các hoạt động kinh doanh lâm nghiệp. Diện tích tự nhiên của tỉnh trên 670 nghìn ha, trong đó diện tích rừng và đất lâm nghiệp chiếm trên 90% với hơn 547 nghìn ha. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có hơn 16 000 ha rừng trồng (phòng hộ và sản xuất), tập trung chủ yếu ở các huyện: Hoà An, Thạch An, Nguyên Bình,...



Hình 4.8. Trồng rừng ở huyện Hoà An

Để phát triển ngành lâm nghiệp, tỉnh Cao Bằng đang thực hiện các cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo điều kiện cho các hoạt động kinh doanh lâm nghiệp gắn với chính sách giảm nghèo nhanh và bền vững. Đặc biệt là việc thực hiện giao khoán bảo vệ rừng, giao đất, giao rừng, cho thuê rừng, chi trả dịch vụ môi trường rừng, hỗ trợ trồng rừng và phát triển kinh tế lâm nghiệp. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền và kí cam kết bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng với các chủ rừng và các doanh nghiệp đóng trên địa bàn,... Tuy nhiên, các hoạt động kinh doanh lâm nghiệp ở Cao Bằng còn gặp nhiều khó khăn do địa hình chia cắt mạnh, việc vận chuyển cây con và xuất cây cũng gặp nhiều trở ngại do giao thông hạn chế, kéo theo đó là chi phí vận chuyển tăng; người dân chưa nhận thức cao về ý nghĩa, tầm

quan trọng cũng như hiệu quả kinh tế từ rừng đem lại, chưa “mặn mà” với công tác trồng rừng. Mặt khác, công tác thiết kế và thẩm định trồng rừng chưa kịp thời nên ảnh hưởng đến việc triển khai phủ xanh đồi trọc,...



1. Hãy nêu nhận xét của em về hoạt động lâm nghiệp ở tỉnh Cao Bằng.
2. Theo em, hoạt động kinh doanh lâm nghiệp ở tỉnh Cao Bằng có những khó khăn, thuận lợi và triển vọng phát triển như thế nào?

II. CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP, TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP

1 Kể tên một số hoạt động kinh doanh thuộc các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở Cao Bằng



Hình 4.9. Khai thác quặng sắt tại mỏ Nà Lũng



Hình 4.10. Sản xuất bánh khảo tại phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng



Hình 4.11. Sản xuất phôi thép tại Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng



Hình 4.12. Làm miến dong ở Nguyên Bình



1. Em hãy kể tên các hoạt động kinh doanh trong các bức ảnh trên.
2. Ngoài ra, em còn biết các hoạt động kinh doanh nào khác trong các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở Cao Bằng? Nêu những điều em biết về hoạt động kinh doanh đó.

2 Tìm hiểu những hoạt động chủ yếu, khó khăn, thuận lợi, triển vọng phát triển của một số hoạt động kinh doanh thuộc các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở Cao Bằng

a. Công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản

Cao Bằng có nguồn tài nguyên khoáng sản rất đa dạng và phong phú, thuận lợi cho các hoạt động kinh doanh thuộc lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản. Với 142 mỏ và điểm quặng cùng 22 loại khoáng sản khác nhau, trong đó có những mỏ quy mô lớn tập trung nhiều ở các huyện Trà Lĩnh, Trùng Khánh, Hạ Lang,... với trữ lượng và chất lượng tốt. Trong đó, quặng sắt có trữ lượng 50-60 triệu tấn, mangan 6-7 triệu tấn, bauxit (Nhôm) khoảng 200 triệu tấn, ngoài ra còn có vàng và thiếc,... Đặc biệt, quặng mangan đáp ứng nhu cầu công nghiệp làm pin và luyện kim của cả nước. Những khoáng sản mang tầm chiến lược trong nền kinh tế quốc dân và quốc phòng gồm: thiếc, vonfram, vàng, chì, kẽm, uran ở Nguyên Bình, antimon ở Thạch An, Nguyên Bình và các loại nguyên vật liệu phục vụ cho các ngành phân bón, gốm sứ, vật liệu xây dựng,... được phân bố ở các huyện: Hoà An, Trùng Khánh, Quảng Hoà. Trong đó, có những loại khoáng sản có tiềm năng lớn, giá trị kinh tế cao đã và đang được khai thác phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh với trữ lượng, chất lượng và quy mô của các nhóm khác nhau.

Với tiềm năng khoáng sản sẵn có của địa phương, tỉnh đã có các chính sách khuyến khích thu hút các nhà đầu tư đến khai thác và chế biến khoáng sản. Đồng thời, để hạn chế tình trạng khai thác, mua bán, vận chuyển trái phép các loại khoáng sản nhất là sắt, mangan nguyên khai, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có các quyết định để ưu tiên sản xuất trong nước, đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp, nhất là ngành công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản trở thành một trong những ngành mũi nhọn trong phát triển nền kinh tế tỉnh nhà.

Tuy nhiên, các hoạt động kinh doanh thuộc lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản còn gặp nhiều khó khăn như: các cơ sở khai thác khoáng sản chủ yếu quy mô hoạt động nhỏ, phần lớn trình độ chuyên môn cũng như kiến thức về môi trường của các chủ giấy phép còn hạn chế; chưa thực sự chủ động đầu tư, cải tạo công trình hoặc bổ sung thêm các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác khoáng sản;...



1. Vì sao nói hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản ở Cao Bằng rất phong phú?
2. Nêu những thuận lợi, khó khăn và triển vọng phát triển của hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản ở Cao Bằng.

b. Các ngành tiểu thủ công nghiệp truyền thống

Cao Bằng là một trong những tỉnh có các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp truyền thống rất phong phú, đa dạng. Từ xa xưa với những lợi thế về

điều kiện tự nhiên cùng đức tính cần cù, chịu khó của người dân, nhiều ngành nghề tiểu thủ công nghiệp đã được hình thành và phát triển như nghề dệt thổ cẩm Luống Nọi (còn gọi là Lũng Nọi, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng), nghề làm hương Phia Thấp, nghề rèn Phúc Sen, nghề làm đường phen, nghề làm giấy bản đều ở huyện Quảng Hoà, nghề thêu thổ cẩm ở xã Hoa Thám và nghề làm miến dong ở huyện Nguyên Bình, nghề chạm khắc bạc của người Dao,... Các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp truyền thống đã góp phần tạo công ăn việc làm, đem lại thu nhập ổn định, nâng cao đời sống cho người dân và đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế – xã hội ở địa phương.



Hình 4.13. Làm đường phen Phục Hoà

Từ nhiều năm nay, các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp truyền thống ở Cao Bằng luôn được nhân dân và chính quyền địa phương quan tâm giữ gìn, bảo tồn, phát huy; các hợp tác xã, làng nghề được tạo điều kiện để phát triển, mở rộng sản xuất, tạo ra những sản phẩm độc đáo, mang đậm bản sắc của từng địa phương. Những làng nghề truyền thống và nghề truyền thống được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận đã được hưởng các chính sách khuyến khích và được hỗ trợ kinh phí để đầu tư, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị máy móc.

Bên cạnh những thuận lợi, việc phát triển các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp truyền thống ở tỉnh Cao Bằng vẫn còn những khó khăn nhất định, như: quy mô sản xuất nhỏ, công nghệ sản xuất chậm được đổi mới. Sản phẩm của nghề còn đơn điệu, ít có sự thay đổi về mẫu mã nên sức cạnh tranh thấp. Những người làm nghề tiểu thủ công nghiệp, nghề truyền thống đa số là người trung niên, người già và phụ nữ do thanh niên ở các làng có xu hướng tìm những công việc có thu nhập cao hoặc làm việc với máy móc, không thích làm những công việc thủ công, đòi hỏi sự tỉ mỉ, kiên trì.



1. Em hãy kể tên các nghề thủ công truyền thống hiện có ở Cao Bằng.
2. Nêu những thuận lợi, khó khăn và triển vọng phát triển của hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp truyền thống ở Cao Bằng.



Lập và thực hiện kế hoạch trải nghiệm một số bước trong quy trình của một hoạt động kinh doanh tại địa phương mà em thích.

*** Mục tiêu**

- Lập được kế hoạch trải nghiệm một hoạt động kinh doanh mà bản thân quan tâm ở địa phương.
- Thực hiện được trải nghiệm hoạt động kinh doanh theo kế hoạch đã lập.
- Trình bày được kết quả trải nghiệm hoạt động kinh doanh ở địa phương.

*** Cách thực hiện**

Bước 1. Cá nhân lập kế hoạch trải nghiệm hoạt động kinh doanh mà em quan tâm ở địa phương

- + Xác định mục tiêu trải nghiệm nghề: Trải nghiệm một số bước trong quy trình của một hoạt động kinh doanh tại địa phương mà em thích.
- + Xác định thời gian, địa điểm trải nghiệm hoạt động kinh doanh: một buổi (4 tiết); địa điểm ở gần nơi em sống.
- + Xác định nội dung, nhiệm vụ, cách thức tiến hành trải nghiệm hoạt động kinh doanh: ba nội dung cần thực hiện là tham quan, phỏng vấn người lao động và làm một số bước của hoạt động kinh doanh. Các nhiệm vụ đặt ra cần phải đảm bảo thực hiện được mục tiêu trải nghiệm hoạt động kinh doanh. Với mỗi nội dung, nhiệm vụ hoạt động, các em cần thảo luận xác định cụ thể cách thức tiến hành để đưa vào kế hoạch trải nghiệm hoạt động kinh doanh.
- + Xác định phương tiện thực hiện: giấy, bút, phiếu phỏng vấn, dụng cụ lao động,...

Bước 2. Lập kế hoạch trải nghiệm hoạt động kinh doanh ở địa phương theo nhóm

Những HS cùng chọn một hoạt động kinh doanh lập thành một nhóm trải nghiệm. Sau đó, nhóm trưởng và thư kí nhóm tập hợp kế hoạch trải nghiệm hoạt động kinh doanh của các cá nhân trong nhóm thành một bản kế hoạch chung của nhóm. Trong bản kế hoạch chung cần phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.

Bước 3. Trình bày kế hoạch trải nghiệm hoạt động kinh doanh em quan tâm ở địa phương

- Đại diện các nhóm HS trình bày bản kế hoạch trải nghiệm hoạt động kinh doanh của nhóm và nghe góp ý, bổ sung.
- Nhận xét, đánh giá chung kết quả lập kế hoạch trải nghiệm hoạt động kinh doanh của các nhóm.

Bước 4. Thực hiện kế hoạch trải nghiệm hoạt động kinh doanh

Cách thức thực hiện:

– Các nhóm triển khai công việc, liên hệ với hộ gia đình hoặc cơ sở sản xuất đang làm hoạt động kinh doanh mà nhóm quan tâm để tham quan, phỏng vấn và tham gia làm một số công việc của hoạt động kinh doanh. HS khi đến liên hệ cần trình bày rõ ràng mục đích, yêu cầu của việc trải nghiệm hoạt động kinh doanh và hỏi người đại diện những điều các em cần chuẩn bị cho việc trải nghiệm hoạt động kinh doanh cũng như dụng cụ, phương tiện lao động, bảo hộ lao động,...

– Kết hợp tham quan, phỏng vấn và làm một số công việc của hoạt động kinh doanh khi trải nghiệm nghề trong một buổi.

Lưu ý khi tham quan, trải nghiệm:

+ Lắng nghe và thực hiện việc tham quan theo sự hướng dẫn của người đại diện cơ sở kinh doanh.

+ Trong quá trình tham quan, chú ý tìm hiểu, quan sát những hoạt động của người lao động và những nhiệm vụ chủ yếu của hoạt động kinh doanh; cách thức người lao động sử dụng các thiết bị, dụng cụ lao động; những điều kiện đảm bảo an toàn và sức khỏe nghề nghiệp cho người lao động; điều kiện làm việc, những khó khăn, thuận lợi của nghề.

+ Ghi tóm tắt nội dung tìm hiểu, quan sát được theo nhiệm vụ được phân công. Nếu có điều kiện, có thể dùng điện thoại thông minh để chụp ảnh những hoạt động tiêu biểu của hoạt động kinh doanh.

– Phỏng vấn người lao động: Thu thập thông tin về hoạt động kinh doanh HS quan tâm. Những HS được giao nhiệm vụ phỏng vấn người lao động có thể xin phép được phỏng vấn khi tham quan hoặc khi có điều kiện thuận lợi. Chú ý lắng nghe và ghi nhanh những thông tin thu thập được qua phỏng vấn.

– Làm một số công việc của hoạt động kinh doanh: Kiểm tra sự chuẩn bị phương tiện, dụng cụ cần thiết để làm một số công việc của hoạt động kinh doanh. Sau đó, nghe và quan sát đại diện hộ gia đình hoặc cơ sở sản xuất hướng dẫn thực hiện một số công việc của hoạt động kinh doanh và làm theo.

**** Báo cáo kết quả trải nghiệm nghề ở địa phương***

– Từng thành viên trình bày các sản phẩm trải nghiệm nghề bản thân đã thực hiện được và những điều đã thu nhận được qua trải nghiệm nghề theo nhiệm vụ được phân công.

– Các nhóm thảo luận nội dung, cách trình bày sản phẩm chung của nhóm. Cần đưa những hình ảnh, số liệu, thông tin thuyết phục vào bài trình bày của nhóm.

– Đại diện các nhóm trưng bày sản phẩm và trình bày kết quả trải nghiệm hoạt động kinh doanh.

– GV Nhận xét chung về báo cáo trải nghiệm hoạt động kinh doanh của các nhóm và tuyên dương, khen ngợi những nhóm có báo cáo sinh động, hấp dẫn và thể hiện được đầy đủ nội dung cơ bản theo mục tiêu đã xác định.



Xây dựng dự án kinh doanh một lĩnh vực tại địa phương mà em thích theo gợi ý sau:

- Tên mặt hàng kinh doanh
- Mô tả sản phẩm/dịch vụ kinh doanh
- Mục tiêu của dự án
- Đề xuất thị trường mục tiêu (Ai sẽ là khách hàng lí tưởng?)
- Đối thủ cạnh tranh và điểm khác biệt của dự án
- Dự đoán tài chính (Số vốn cần thiết để triển khai dự án và việc sẽ sử dụng nó như thế nào để sinh lợi)
- Người hỗ trợ (nếu có)

CHỦ ĐỀ 5

TÌM HIỂU MÔ HÌNH SẢN XUẤT MỘT SỐ LOẠI CÂY ĂN QUẢ, CÂY CÔNG NGHIỆP Ở ĐỊA PHƯƠNG

Sau chủ đề này, em sẽ:

- Giới thiệu các loại cây ăn quả, cây công nghiệp điển hình của tỉnh Cao Bằng.
- Phân tích vai trò, giá trị kinh tế của các mô hình sản xuất cây ăn quả, cây công nghiệp ở tỉnh Cao Bằng và địa phương em.
- Trình bày được thực trạng và điều kiện phát triển mô hình trồng một số loại cây điển hình ở địa phương (quýt, hạt dẻ, lê, chè, chanh leo, thuốc lá, trúc, mía,...).
- Nêu được quy trình sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến sản phẩm từ các loại cây trồng trên.



Tỉnh Cao Bằng có điều kiện đất đai, khí hậu thuận lợi cho việc phát triển nông, lâm nghiệp. Cao Bằng đã và đang tiếp tục triển khai nhiều giải pháp nhằm thực hiện hiệu quả hơn nữa việc phát triển mô hình sản xuất cây ăn quả, cây công nghiệp. Vậy Cao Bằng có những cây ăn quả, cây công nghiệp nào là điển hình? Mô hình trồng cây ăn quả, cây công nghiệp có vai trò và giá trị kinh tế như thế nào?



Hình 5.1. Lê Đông Khê – một loại quả đặc sản của Cao Bằng



I. TÌM HIỂU MÔ HÌNH SẢN XUẤT MỘT SỐ LOẠI CÂY ĂN QUẢ ĐIỂN HÌNH Ở CAO BẰNG

1 Vai trò, giá trị kinh tế và thực trạng phát triển một số loại cây ăn quả điển hình

Cao Bằng có khí hậu được chia thành hai vùng riêng biệt, đối với vùng cao á nhiệt đới (có độ cao từ 800 – 1 300 m) thường được trồng một số loại dược liệu quý và trồng hoa quả đặc sản vùng ôn đới; ở vùng thấp, tập trung phát triển những giống cây ăn quả địa phương có giá trị kinh tế cao.

Hiện nay, Cao Bằng đang tập trung phát triển các loại cây ăn quả đặc sản như cây dẻ Trùng Khánh, lê và quýt Trà Lĩnh, lê vàng Thạch An, mận máu Bảo Lạc, chanh leo, cam Trưng Vương, bưởi Phục Hoà,... Diện tích trồng cây ăn quả đang tăng lên như diện tích trồng cây dẻ Trùng Khánh có khoảng 200 ha, tổng diện tích trồng lê khoảng 123 ha,...

Cao Bằng đã phối hợp với Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên triển khai nghiên cứu nhiều đề tài phục tráng, bảo tồn và phát triển các loại cây ăn quả có giá trị kinh tế cao. Các dự án đã tập trung xây dựng vườn ươm, vườn bảo tồn nguồn gene gốc, tìm phương pháp diệt trừ sâu bệnh, hướng dẫn cách phòng trừ sâu bệnh. Sau khi đề tài nghiên cứu thành công, các đơn vị thực hiện đề tài nhằm chuyển giao công nghệ nhân giống cây sạch bệnh, tập huấn kỹ thuật trồng, thâm canh cho người dân. Nhiều dự án đã có kết quả, góp phần bảo tồn, lưu giữ được nguồn gene cây cam, quýt đầu dòng của địa phương; phục tráng và phát triển nguồn giống cây sạch bệnh, có khả năng chống chịu tốt, góp phần đa dạng hoá cơ cấu cây trồng của địa phương. Đối với các giống cây ăn quả như cam, quýt Hoà An, quýt Trà Lĩnh, Cao Bằng đã triển khai ứng dụng công nghệ sinh học để bảo tồn và phát triển nguồn giống đảm bảo tiêu chuẩn, theo đó năng suất đã tăng lên rõ rệt như năng suất cam tăng từ 12,5 tấn/ha lên 22 tấn/ha, năng suất quýt tăng từ 10 tấn/ha lên 15 tấn/ha, thu nhập tăng 1,4 lần. Việc ứng dụng công nghệ trong bảo quản đã giúp kéo dài thời gian, từ đó sản phẩm cam, quýt được đảm bảo chất lượng tốt, thuận lợi cho lưu thông sản phẩm. Qua nghiên cứu khảo sát điều kiện thổ nhưỡng, định hướng về phát triển cây quýt tỉnh Cao Bằng có khả năng mở rộng đến 10 000 ha.

Để phát triển cây ăn quả bền vững, Cao Bằng đã có chính sách khuyến khích chuyển đất đồi thấp, vườn tạp kém hiệu quả sang trồng cây ăn quả; ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách, lồng ghép các chương trình, dự án, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển trồng trọt. Cao Bằng cũng chú trọng việc quản lý, kiểm soát chặt chẽ, xây dựng lộ trình, làm mô hình chuyển đổi cây trồng đạt hiệu quả kinh tế cao, làm cơ sở để lựa chọn những cây trồng phù hợp với thực tế sản xuất của địa phương và nhân rộng các mô hình hiệu quả. Đồng thời, cũng phối hợp với các cơ quan chuyên môn tăng cường tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản cho người dân ở các vùng trồng và thâm canh cây ăn quả tập trung.

Nhờ các biện pháp đó, người dân có điều kiện tập trung sản xuất, liên kết, đưa cơ giới vào sản xuất, tăng năng suất và giá trị kinh tế. Một số mô hình trồng cây ăn quả quy mô lớn đã áp dụng kỹ thuật canh tác mới như trồng mật độ cao để tận dụng đất. Đến nay, tại một số huyện trong tỉnh đã bước đầu hình thành được các vùng cây ăn quả tập trung, ứng dụng công nghệ cao, có sự liên kết bao tiêu sản phẩm, xây dựng những giải pháp cụ thể, phù hợp, phối hợp với các cấp, ngành để chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, quy hoạch vùng trồng và lựa chọn các loại cây ăn quả theo hướng sản xuất hàng hoá. Đồng thời quan tâm, chú trọng đẩy mạnh công tác đầu tư, xúc tiến thương mại, xây dựng nhãn hiệu sản phẩm bằng việc tham gia các hội chợ, tổ chức diễn đàn trao đổi kinh nghiệm sản xuất, tuyên truyền, quảng bá thương hiệu; động viên, khuyến khích người dân tìm kiếm đối tác, mở rộng thị trường mới, tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị, doanh nghiệp tham gia vào quá trình thu mua, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm cho người trồng. Tăng cường huy động các

nguồn lực đầu tư nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng, phát huy tối đa lợi thế, từ đó nâng cao giá trị cho sản phẩm, mang lại nguồn thu nhập ổn định cho người dân. Phát triển cây ăn quả có giá trị kinh tế cao là một trong những hướng đi phù hợp giúp nâng cao đời sống cho người dân, tăng hiệu quả kinh tế cho địa phương.

Đề án nông nghiệp thông minh tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2020 – 2025 đã được phê duyệt nhằm hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp, trong đó quy hoạch các vùng để ổn định sản xuất, xây dựng vùng nông nghiệp thông minh ứng dụng công nghệ cao phù hợp với cây trồng, vật nuôi có tiềm năng là thế mạnh của tỉnh, đáp ứng các tiêu chuẩn kĩ thuật VietGAP, hữu cơ,...



Nêu một số giá trị kinh tế của cây ăn quả ở Cao Bằng. Trình bày một số giải pháp Cao Bằng đã làm nhằm phát triển cây ăn quả.

2 Một số cây ăn quả điển hình và quy trình sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến

a. Cây lê

Cây lê là cây ăn quả đặc sản của Cao Bằng, có giá trị kinh tế cao, có khả năng cạnh tranh trên thị trường đối với những sản phẩm cùng loại về chất lượng và giá cả. Cây lê được trồng chủ yếu ở các huyện Thạch An, Trà Lĩnh, Bảo Lạc, Nguyên Bình, Hà Quảng. Lê trồng ở huyện Nguyên Bình, Bảo Lạc được đánh giá là có chất lượng cao hơn ở các vùng trồng khác.

Năm 2012, lê vàng Đông Khê lọt vào danh sách 50 đặc sản trái cây nổi tiếng nhất Việt Nam do Tổ chức Kỷ lục Việt Nam bình chọn. Cùng với cây lê truyền thống của địa phương, Cao Bằng cũng đã triển khai trồng giống lê Tai Nung Đài Loan tại huyện Nguyên Bình; cây sinh trưởng, phát triển tốt, phù hợp với điều kiện đất đai, khí hậu của địa phương, được phát triển ở quy mô sản xuất hàng hoá nếu được đầu tư một cách hợp lí. Diện tích trồng lê khoảng 100 ha, tuy nhiên sản lượng lê chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường, cây trồng dễ thoái hoá. Vì vậy, Cao Bằng đã có dự án điều tra, đánh giá thực trạng sản xuất, kĩ thuật thâm canh các giống lê; tuyển chọn cây đầu dòng; tập huấn chuyển giao kĩ thuật trồng, ghép cải tạo, bảo quản,... góp phần mở rộng sản xuất, nâng cao năng suất và chất lượng nhằm đáp ứng được nhu cầu của thị trường trong nước.

*** Thời vụ trồng, thu hoạch và bảo quản**

Lê thường được trồng bằng phương pháp nhân giống vô tính như ghép mắt, ghép cành. Thời vụ ghép lê có thể diễn ra quanh năm, trừ những tháng mưa nhiều. Lê có thể trồng ở nhiều loại đất nhưng loại đất thích hợp nhất cho sự sinh trưởng, phát triển của cây và cho năng suất cao là đất màu mỡ, có độ ẩm cao như ở ven đồi, khe núi. Cây lê được trồng vào vụ xuân (tháng 2 – 3) khi đã có mưa ẩm và cây chưa lên lá.



Hình 5.2. Thu hoạch lê

Lê được thu hoạch khoảng tháng 7 – 8. Khi quả bắt đầu chín là lúc vỏ quả chuyển màu xanh vàng. Nếu vận chuyển quả đi xa, cần thu hái sớm hơn. Khi hái cần nhẹ nhàng, không làm dập nát hoặc xây xước vỏ quả. Quả hái xong cần đặt vào thùng gỗ hoặc hộp cứng để vận chuyển tránh bị dập nát. Bảo quản quả ở nơi khô ráo, thoáng mát.

b) Hạt dẻ

Huyện Trùng Khánh có đất trồng đủ điều kiện thổ nhưỡng để chuyển đổi thành vùng nguyên liệu tập trung chuyên canh cây dẻ, vì vậy cây dẻ được trồng tập trung tại đây. Hạt dẻ Trùng Khánh được thị trường ưa chuộng và đã được cấp chỉ dẫn địa lý. Cao Bằng đã có dự án đầu tư trồng và chế biến hạt dẻ tại huyện Trùng Khánh giúp tăng giá trị cây dẻ.



Hình 5.3. Quả dẻ

*** Thời vụ trồng, thu hoạch và bảo quản**

Cây dẻ có thể nhân giống bằng hạt hoặc bằng phương pháp ghép mắt. Phương pháp ghép mắt thường cho cây trồng khỏe, sớm ra quả, năng suất cao, chất lượng tốt nên được áp dụng nhiều. Cây dẻ là cây ưa sáng, thường được trồng vào tháng 11 – 12 hoặc tháng 2 – 3 dương lịch. Thời điểm này, thường có mưa phùn, tạo điều kiện cho cây dẻ nhanh hồi phục bộ rễ, cây khỏe, sinh trưởng nhanh.

Vào cuối mùa thu, khoảng cuối tháng 9, đầu tháng 10 hằng năm là thời điểm thu hoạch hạt dẻ. Khi quả chín, vỏ quả có màu xám hoặc vàng xám; vỏ có thể có khía nứt để lộ hạt ra ngoài (vỏ hạt có màu nâu), quả có thể tách vỏ và hạt rơi xuống đất.

Thu hoạch hạt dẻ rất dễ, có thể dùng tay hái, phơi để tách vỏ lấy hạt hoặc đợi hạt rụng rồi nhặt về, bảo quản hạt ở nơi thoáng mát.

Hạt dẻ có nhiều cách chế biến khác nhau để cung cấp cho thị trường như rang hạt (giữ được màu sắc, hương vị trong thời gian khoảng 3 tháng), xay bột hạt dẻ (giữ được màu sắc, mùi vị trong thời gian khoảng 5 tháng),... Hạt dẻ còn có thể được bảo quản tươi mà không qua chế biến.

c. Chanh leo

Tỉnh Cao Bằng có khí hậu mát mẻ, thổ nhưỡng phù hợp để trồng cây chanh leo. Sau nhiều năm thực hiện chủ trương chuyển đổi cơ cấu cây trồng, năm 2017, Hợp tác xã An Thịnh – huyện Trùng Khánh đã đưa cây chanh leo vào trồng thử nghiệm. Đến nay, cây chanh leo đã được mở rộng diện tích tại một số huyện trong tỉnh và cho năng suất cao, có đầu ra ổn định trong khi chi phí đầu tư không quá lớn. Hiện toàn tỉnh có khoảng gần 200 ha chanh leo.



Hình 5.4. Chanh leo

Cây chanh leo được một số huyện như Trùng Khánh, Thạch An, Quảng Hoà đưa vào trồng đại trà và đang là bước tiến trong phát triển nông nghiệp thông minh ở Cao Bằng, mang lại nguồn thu nhập ổn định cho người dân. Bên cạnh đó, cũng đã có tập đoàn lớn đầu tư, cung cấp giống, chuyển giao khoa học, cam kết bao tiêu sản phẩm. Nếu như trước đây, chanh leo chỉ là cây trồng sử dụng làm nước giải khát, quy mô hộ gia đình thì nay đã dần trở thành cây trồng có tiềm năng. Đặc biệt, sản phẩm chanh leo của An Thịnh đã được xuất khẩu sang Pháp, khẳng định sản phẩm chanh leo đáp ứng đủ các yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn châu Âu.

*** Thời vụ trồng, thu hoạch và bảo quản**

Chanh leo có thể trồng quanh năm, tuy nhiên, thời điểm thích hợp nhất là cuối tháng 11 và tháng 1 năm sau. Có thể trồng cây bằng cách gieo hạt hoặc trồng bằng cây con. Hạt tươi nảy mầm nhanh và chắc hơn so với hạt khô.

Cây chanh leo cho thu hoạch sớm, chỉ từ 5 – 6 tháng sau khi trồng. Hoa sẽ héo sau khi nở một tuần và bắt đầu quá trình tạo quả. Giai đoạn từ khi hoa trở đến tạo quả rồi chín sẽ mất khoảng 60 – 90 ngày. Thời vụ thu hoạch kéo dài trong khoảng 2 tháng. Để đạt năng suất cao nhất thì chỉ nên khai thác cây chanh leo khoảng 2 – 3 năm, sau đó cần cải tạo lại đất để trồng mùa tiếp theo.

Khi thu hoạch cần dùng kéo cắt cẩn thận, không làm xây xước vỏ. Chanh leo có thể sử dụng quả trực tiếp hoặc chế biến thành nhiều sản phẩm khác nhau đáp ứng nhu cầu của thị trường.

d. Quýt

Quýt là loại cây ăn quả đặc sản của Cao Bằng, được trồng một số huyện như Hoà An, Trà Lĩnh, Nguyên Bình, Thạch An,... Tuy nhiên, quýt Trà Lĩnh là giống quýt nổi tiếng được trồng từ lâu đời, cho năng suất và chất lượng cao hơn so với các địa phương khác, được thị trường rất ưa chuộng bởi vị ngọt thơm đặc trưng, độ chua ít, hàm lượng các chất dinh dưỡng cao, quả bóng đẹp, mọng nước. Những năm gần đây, nhiều hộ dân đã đầu tư cải tạo vườn tạp, chuyển đổi diện tích cây trồng ngắn ngày kém hiệu quả sang trồng quýt, mang lại hiệu quả kinh tế cao, góp phần tích cực trong việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở địa phương.



Hình 5.5. Quýt Trà Lĩnh

Hiện tại, huyện Trà Lĩnh đã quy hoạch vùng sản xuất quýt theo hướng hình thành vùng sản xuất chuyên canh, tập trung; nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ khoa học – kĩ thuật từ khâu phục tráng giống đến thu hoạch, bảo quản sản phẩm theo hướng sản xuất sạch, sản xuất hữu cơ, đáp ứng nhu cầu phát triển sản phẩm bền vững. Để phát huy giá trị của sản phẩm quýt Trà Lĩnh, Sở Khoa học và Công nghệ đã triển khai dự án “Xây dựng, quản lí và phát triển nhãn hiệu tập thể quýt Trà Lĩnh” cho sản phẩm quýt Trà Lĩnh. Việc thực hiện đề tài tạo hành lang pháp lí hỗ trợ nông dân huyện Trà Lĩnh khẳng định sản phẩm thương hiệu quýt của

địa phương, cùng với việc quảng bá danh tiếng và thiết lập thị trường tiêu thụ ổn định nhằm tăng diện tích, nâng cao thu nhập cho nông dân, giúp bảo tồn, lưu giữ được nguồn gene. Quýt được phục tráng và phát triển nguồn giống cây sạch bệnh, có khả năng chống chịu tốt, góp phần đa dạng hoá cơ cấu cây trồng. Các đề tài nghiên cứu đã giúp chuyển giao công nghệ nhân giống sản xuất cây có múi sạch bệnh và tập huấn kĩ thuật trồng mới, thâm canh và phòng trừ sâu bệnh hại trên cây quýt cho cán bộ địa phương và người trồng nhằm giúp nâng cao sản lượng.

*** Thời vụ trồng, thu hoạch và bảo quản**

Quýt có thể trồng quanh năm, nếu trồng trong mùa nắng phải đảm bảo chế độ nước tưới. Quýt thường được trồng bằng cành chiết, cành ghép.

Quýt được thu hoạch vào dịp cuối năm. Quả chín kéo dài từ tháng 10 đến tháng 12 dương lịch. Để có quýt chất lượng tốt, mẫu mã đẹp bán dịp Tết, người trồng quýt thường căng bạt cho cây để tránh mưa và sương giá giúp quả chín đồng loạt.

Trước đây, việc tiêu thụ quýt chủ yếu là tự vận chuyển ra các chợ bán lẻ, nhưng từ khi Cục Sở hữu trí tuệ – Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ năm 2017, quýt Trà Linh được nhiều người biết đến. Nhờ đó, việc tiêu thụ quýt thuận lợi hơn, thị trường đầu ra tương đối ổn định giúp nâng cao đời sống cho người trồng.

e. Cam

Cam Trưng Vương là một trong những cây trồng đặc hữu của huyện Hoà An. Những năm gần đây, cây cam Trưng Vương được bảo tồn, phục tráng và mở rộng diện tích, đem lại thu nhập đáng kể cho người dân địa phương.

Cao Bằng đã triển khai đề tài “Ứng dụng công nghệ để phục tráng và phát triển sản xuất cam, quýt theo hướng sản xuất hàng hoá” với mục tiêu phát triển vùng sản xuất cam, quýt đặc hữu: cam Trưng Vương, quýt Hà Trì, quýt Trà Linh, quýt Hoa Thám (Nguyên Bình), quýt Trọng Con (Thạch An) theo hướng sản xuất hàng hoá, góp phần chuyển đổi cơ cấu cây trồng, tạo ra sản phẩm cam, quýt có năng suất cao, chất lượng tốt, nâng cao thu nhập cho người dân. Đề tài đã điều tra quy hoạch vùng chuyên canh sản xuất cam, quýt; phục tráng bảo tồn nguồn gene; nhân giống và phát triển sản xuất cam Trưng Vương, quýt Hà Trì, quýt Trà Linh; cải tạo các vườn cam, quýt cũ; chuyển giao công nghệ và kĩ thuật thâm canh cây có múi cho địa phương và tập huấn cho người dân, giúp phục tráng và phát triển giống cam, quýt đặc sản, mở ra việc phát triển cây có múi chất lượng cao của tỉnh lên hàng nghìn ha.



Hình 5.6. Cam Trưng Vương

*** Thời vụ trồng, thu hoạch và bảo quản**

Thời điểm trồng cam thích hợp nhất là vào cuối mùa khô đầu mùa mưa (tháng 4 – 5) hoặc trồng vào cuối mùa mưa (tháng 9 – 10) nếu có điều kiện tưới nước. Cam thường được nhân giống bằng hạt, chiết cành hoặc ghép cành. Cây trồng bằng cành chiết sẽ nhanh ra quả nhưng tuổi thọ kém, bộ rễ yếu. Cây ghép có tuổi thọ lâu, bộ rễ phát triển tốt, cây có sức sống tốt hơn. Cây trồng bằng hạt sẽ lâu ra quả và năng suất thường kém hơn.

Cam Trưng Vương có hương vị thơm ngon, quả đẹp. Cam chín và được thu hoạch vào dịp Tết nên thuận lợi cho việc tiêu thụ sản phẩm. Khi thu hoạch cần tránh làm xây xước vỏ quả.

g. Bưởi

Bưởi được trồng ở một số huyện của Cao Bằng với nhiều loại bưởi khác nhau. Trong đó, huyện Phục Hòa có điều kiện khí hậu, đất đai phù hợp với yêu cầu sinh thái của giống bưởi ở đây, do đó cây bưởi dễ trồng, dễ chăm sóc. Bưởi Phục Hòa là cây đặc sản có chất lượng tốt của huyện Phục Hòa, thời kỳ sai quả ổn định có thể kéo dài 40 – 50 năm, sản lượng một cây có thể đạt 150 – 180 quả. Cao Bằng đã triển khai đề tài “Điều tra, tuyển chọn, nhân giống và phát triển bưởi Phục Hòa, Cao Bằng” do Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên thực hiện từ năm 2008 – 2011, đã tuyển chọn được các cây bưởi tốt ở vùng Phục Hòa sử dụng để sản xuất cây giống sạch bệnh và trồng ra vườn sản xuất với số lượng lớn. Bưởi Phục Hòa đã được trồng nhân rộng ở một số địa bàn như huyện Hoà An, thành phố Cao Bằng,...



Hình 5.7. Bưởi Phục Hòa

*** Thời vụ trồng, thu hoạch và bảo quản**

Bưởi được trồng quanh năm nhưng thường được trồng vào đầu mùa mưa để giảm công sức và nước tưới, thời điểm trồng thích hợp nhất vào tháng 5 – 6. Bưởi được trồng bằng cành chiết hoặc cành ghép. Bưởi chỉ được hái khi đã chín và nên hái khi có nắng đều. Thời điểm bưởi chín để thu hoạch trong khoảng thời gian gần Tết, nếu không thu hoạch bưởi sẽ rụng. Nếu để bưởi rụng, quả dễ bị dập, trầy xước vỏ dẫn đến nhanh bị hỏng.

h. Mận

Huyện Bảo Lạc là vùng đất trồng nhiều loại mận như mận thếp, mận máu, mận chín sớm, mận tam hoa,... trong đó, mận máu là loại cây trồng có giá trị kinh tế cao và được thị trường ưa chuộng. Mận máu khi chín có màu đỏ sẫm bắt mắt, vỏ nhẵn bóng, vị ngọt đậm, mọng nước, hàm lượng vitamin rất cao. Mận máu Bảo Lạc được người tiêu dùng ưa chuộng.



Hình 5.8. Mận máu Bảo Lạc

Mận là cây có hiệu quả kinh tế cao nhưng quá trình trồng mận gặp khó khăn vì giống bị thoái hoá, chất lượng suy giảm. Để khắc phục tình trạng đó, Cao Bằng đã có đề tài nhằm nghiên cứu, phục tráng và phát triển giống mận đặc sản giúp bảo tồn, phát triển và mở rộng quy mô canh tác giống mận bản địa thành vùng sản xuất hàng hoá có năng suất cao, sản lượng ổn định, chất lượng tốt, cung cấp nguồn thực phẩm sạch cho thị trường trong nước và hướng đến xuất khẩu, góp phần xoá đói giảm nghèo, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân địa phương.

Cao Bằng đã áp dụng khoa học và công nghệ phục vụ mục tiêu phát triển nông nghiệp nông thôn nói chung và mục tiêu phát triển cây ăn quả đặc sản của Cao Bằng nói riêng; chú trọng phát huy những kết quả nghiên cứu đạt được, phát huy tiềm năng về khí hậu, địa lí, đất và ứng dụng tiến bộ khoa học tiên tiến trong phát triển sản xuất hàng hoá các cây ăn quả đặc sản nhằm chiếm lĩnh thị trường nội địa và phục vụ mục tiêu xuất khẩu trong tương lai.



1. Kể tên một số loại cây ăn quả điển hình ở Cao Bằng.
2. Nơi em sống có những loại cây ăn quả điển hình nào? Nêu một số đặc điểm về tình hình phát triển, thu hoạch, bảo quản một loại cây ăn quả?

II. TÌM HIỂU MÔ HÌNH SẢN XUẤT MỘT SỐ CÂY CÔNG NGHIỆP ĐIỂN HÌNH Ở CAO BẰNG

1 Vai trò, giá trị kinh tế và thực trạng phát triển cây công nghiệp điển hình

Trồng trọt là ngành chính trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp của Cao Bằng. Cao Bằng đã thực hiện cơ cấu lại cây trồng, có sự chuyển dịch theo xu hướng tăng dần diện tích các loại cây có giá trị kinh tế như thuốc lá, mía, trúc sào, ... và giảm dần diện tích các loại cây trồng có giá trị kinh tế thấp. Khí hậu ở tỉnh Cao Bằng được chia thành hai vùng riêng biệt, ở vùng cao hơn được đầu tư trồng các loại cây dược liệu quý như chè Ô Long, hoa quả đặc sản ôn đới; ở vùng thấp tập trung phát triển những giống cây ăn quả địa phương có giá trị kinh tế cao, thuốc lá nguyên liệu, cây trúc sào, ...

Nhằm phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, toàn diện và bền vững, Cao Bằng hướng tới đổi mới tổ chức sản xuất, nâng cao hiệu quả mô hình kinh tế hợp tác, thực hiện tốt chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác, tạo mọi điều kiện về tiếp cận vốn vay tín dụng, đất đai, liên kết, liên doanh trong sản xuất gắn với thị trường. Đặc biệt chú trọng đến sản xuất, chế biến các sản phẩm nông nghiệp an toàn gắn với xây dựng thương hiệu, quảng bá sản phẩm. Ngoài ra, Cao Bằng đã hình thành một số vùng trồng giống cây chủ lực như vùng trúc tại huyện Nguyên Bình, Bảo Lạc; vùng mía nguyên liệu tại các huyện Phục Hoà, Hà Lang, Quảng Uyên, Thạch An; vùng sắn ở huyện Trùng Khánh, Quảng Uyên, Hòa An, Nguyên Bình, Thạch An.

Cao Bằng hướng đến phát triển mạnh các cây công nghiệp hàng năm như tăng diện tích trồng cây thuốc lá lên 6 000 ha, tập trung chủ yếu ở 6 huyện Hoà An, Hà Quảng,

Trùng Khánh, Thông Nông, Trà Lĩnh, Nguyên Bình và vùng phụ cận là thành phố Cao Bằng, Quảng Uyên, Thạch An, Phục Hoà, Hạ Lang; đầu tư thâm canh và mở rộng diện tích trồng cây mía lên khoảng 3 000 ha,... Cao Bằng tập trung xây dựng vùng chuyên canh cây nguyên liệu, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến gắn với cơ sở chế biến, vùng sản xuất nguyên liệu măng trúc, đồ thủ công mỹ nghệ,...

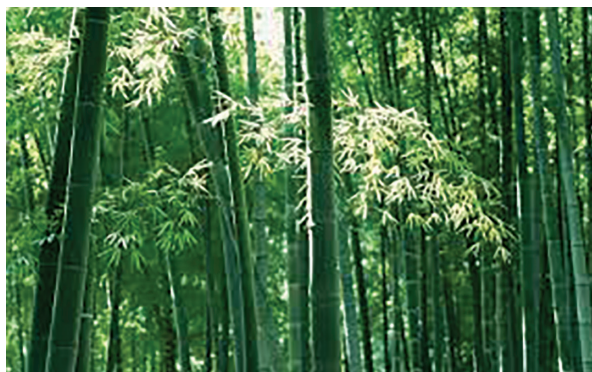
Ngoài giá trị kinh tế, cây công nghiệp còn đóng góp vào bảo vệ môi trường sinh thái, tăng độ che phủ rừng, giữ đất, giữ nước,... góp phần bảo tồn và phát triển sự đa dạng các nguồn gene cây bản địa. Cao Bằng đã có các chương trình, dự án nhằm hỗ trợ kinh phí cây giống, hướng dẫn các hộ gia đình quy trình trồng, chăm sóc, thu hoạch với mục tiêu mở rộng diện tích. Trong quá trình thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp, bên cạnh việc hỗ trợ sản xuất, Cao Bằng cũng quan tâm, tạo điều kiện hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư, liên kết với người dân để sản xuất và bao tiêu sản phẩm. Bước đầu đã có một số doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển chè hữu cơ tại khu vực Nguyên Bình, thu mua trúc cho người dân Bảo Lạc,...

Cao Bằng triển khai các chương trình khởi nghiệp nhằm khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới sáng tạo; hỗ trợ thành lập các tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Bên cạnh đó, Cao Bằng cũng tập trung xây dựng, quản lý và phát triển thương hiệu; xây dựng, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm hàng hoá, dịch vụ góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, thúc đẩy hình thành liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; tiếp tục hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học trong và ngoài nước trên lĩnh vực nghiên cứu, chuyển giao và đào tạo nhân lực; xây dựng và thực hiện hiệu quả kế hoạch hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ, gắn với các chương trình khoa học công nghệ để phục vụ phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.

2 Một số cây công nghiệp điển hình và quy trình sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến

a. Cây trúc

Cây trúc được trồng nhiều tại các huyện Nguyên Bình, Bảo Lạc, Thông Nông, Hoà An. Diện tích trồng trúc ở Cao Bằng khoảng 3 500 ha, mỗi năm khai thác trên 150 ha. Cây trúc ở Cao Bằng có đặc điểm thân thẳng, to, tròn đều, mắt ít nổi, dễ uốn nên được các cơ sở sản xuất ưa chuộng. Cây trúc là một trong những loại cây trồng mũi nhọn mang lại giá trị kinh tế rất cao.



Hình 5.9. Cây trúc ở huyện Nguyên Bình

*** Thời vụ trồng, thu hoạch và bảo quản**

Trúc được trồng bằng hom (đoạn thân). Trúc thường được trồng từ khoảng tháng 11 – 12 để ra rễ ổn định trước lúc ra măng. Sau 3 – 5 năm thì có thể lấy gỗ.

Thân trúc được sử dụng với nhiều mục đích như làm đồ thủ công, mỹ nghệ, làm cần câu, làm giấy, sào nhảy cao, đan màn, làm chiếu, đóng bàn ghế,... Các sản phẩm được sản xuất từ cây trúc Cao Bằng như chiếu màn trúc, bàn ghế,... đã có mặt tại nhiều tỉnh, thành phố trong nước và trở thành mặt hàng xuất khẩu. Trong số sản phẩm làm từ cây trúc thì chiếu trúc vàng của Cao Bằng là một trong những sản phẩm không chỉ nổi tiếng, được ưa dùng trong nước mà còn được xuất khẩu sang thị trường các nước Đông Âu. Năm 2019, Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ) đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý cho cây trúc và chiếu trúc tỉnh Cao Bằng.



Hình 5.10. Một số sản phẩm làm từ cây trúc Cao Bằng

b. Cây mía

Mía được trồng ở một số huyện của Cao Bằng như Quảng Hoà, Trùng Khánh, Thạch An. Tuy nhiên, huyện Quảng Hoà là vùng trồng mía nguyên liệu lớn nhất. Ở đây có điều kiện tự nhiên thuận lợi, chủ yếu là địa hình bằng phẳng, phù hợp cho trồng cây mía. Trong nhiều năm qua, mía là nguồn cung cấp nguyên liệu chính cho nhà máy đường của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.

Cây mía là một trong những cây trồng chủ lực góp phần giảm nghèo, cho hiệu quả kinh tế cao đối với địa phương. Để đảm bảo thuận lợi cho việc thu hoạch và vận chuyển, Cao Bằng đã đầu tư bê tông hoá con đường tới các cánh đồng mía giúp vận chuyển mía nguyên liệu thuận lợi, góp phần giảm chi phí, tăng giá trị kinh tế.



Hình 5.11. Ruộng mía ở huyện Quảng Hoà

*** Thời vụ trồng, thu hoạch và bảo quản**

Vụ trồng mía chính khoảng tháng 1 – 4, vụ trồng phụ khoảng tháng 9 – 11. Mía được trồng bằng các đoạn thân (hom).

Khi lá mía sít lại, ngả vàng, phần ngọn ngắn lại là mía đã chín, có thể tiến hành thu hoạch. Ngoài ra cũng có thể dùng máy kiểm tra độ chín của mía.

Để thu hoạch mía giống, dùng dao sắc chặt cả cây, giữ nguyên bẹ lá trên thân mía rồi bó lại thành bó và được vận chuyển nhanh đến nơi trồng.

Thu hoạch mía nguyên liệu: chặt sát gốc cây, không dập gốc, róc sạch rễ và lá. Sau khi thu hoạch cần vận chuyển đến nơi tiêu thụ trong vòng 24 giờ. Mía chưa được đưa vào nhà máy cần phải được che phủ nhằm đảm bảo giữ được lượng đường cao nhất.

c. Cây chè

Chè là cây trồng có từ lâu đời và gắn liền với đời sống lao động, sản xuất của người dân. Ngoài chè xanh, Cao Bằng có nhiều loại cây trồng có thể chế biến thành các sản phẩm chè uống bổ dưỡng như chè đắng, chè dây, giảo cổ lam,... Bên cạnh lợi ích kinh tế, các loại cây này còn mang yếu tố xã hội, gắn với vùng sâu, vùng cao của tỉnh. Cao Bằng đã xác định trồng và sản xuất sản phẩm chè là hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp, hiệu quả, góp phần nâng cao thu nhập, ổn định đời sống cho người dân.



a) Mô hình nhân giống chè mới chất lượng cao tại xã Vân Trình (Thạch An)



b) Người dân xóm Đoòng Pán 1, xã Độc Lập (Quảng Hoà) thu hoạch chè vụ thu

Hình 5.12. Một số mô hình trồng chè ở Cao Bằng

Cao Bằng cũng có các đề tài, dự án về phát triển đa dạng cây chè và các sản phẩm từ chè. Từ kết quả của các công trình nghiên cứu đã cho ra đời hàng loạt sản phẩm chè chất lượng và uy tín trên thị trường như chè dây, chè đắng “khổ tinh trà”, chè giảo cổ lam; chè Ô Long, chè xanh Phja Đén, chè Kolia, chè Thị Ngân, Bạch hạc Ô long, chè xanh Ô long, Long Tỉnh, Bát Tiên,...

Chè đắng mọc tự nhiên ở nhiều huyện như Thạch An, Trà Lĩnh, Hạ Lang; chè có dược tính quý mà chè đắng nơi khác khó sánh được và từng được mệnh danh là “vương trà” của đất Cao Bằng.

Hiện nay, bà con đồng bào dân tộc Mông, Dao đỏ, Dao tiền, Tày, Nùng đều tập trung trồng cây chè vì chè vừa có đơn vị thu mua mà giá trị lại cao hơn cây màu khác. Sau quá trình nghiên cứu về điều kiện thổ nhưỡng, đã có doanh nghiệp tham gia đầu tư vào trồng chè tại Phja Đén theo hướng hữu cơ, nâng cao giá trị sản xuất cây trồng địa phương.

*** Thời vụ trồng, thu hoạch và bảo quản**

Thời gian trồng chè tốt nhất là tháng 8 – 10 khi có mưa ngâu hoặc có thể trồng vào tháng 2 – 3 khi có mưa xuân. Chè được trồng bằng hạt.

Sau khi trồng được 18 tháng có thể thu hái, thời điểm thu hái thường vào 6 tháng cuối năm. Chè là cây trồng lâu năm, có thể sinh trưởng và phát triển tốt trong 30 – 40 năm.

Chè thu hoạch bằng cách hái búp. Búp chè sau khi thu hoạch xong dễ bị giảm chất lượng do các quá trình sinh hoá xảy ra trong tế bào. Vì vậy, sau khi thu hoạch cần phải vận chuyển nhanh về khu vực chế biến trong vòng 15 giờ. Nếu chưa kịp chế biến ngay thì cần bảo quản nơi thoáng mát, rải chè thành từng lớp mỏng và vẩy nước thường xuyên cho lá chè tươi lâu, không ủ đọng hay nén chặt, nhất là khi vận chuyển để tránh làm dập lá chè.

Chè được chế biến thành nhiều loại như chè đen, chè xanh, chè đỏ, chè vàng, chè hoà tan,... Dựa vào các đặc trưng, đặc điểm, yêu cầu của sản phẩm khác nhau mà quy trình kĩ thuật chế biến khác nhau.

d. Cây thuốc lá

Cao Bằng có điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng phù hợp để trồng cây thuốc lá. Một số huyện như Hoà An, Hà Quảng, Thông Nông,... đã tập trung chuyển đổi cơ cấu cây trồng sang trồng cây thuốc lá theo hướng sản xuất hàng hoá. Cây thuốc lá đã trở thành thế mạnh trong phát triển nông nghiệp, góp phần giảm nghèo ở địa phương.



Hình 5.13. Vườn cây thuốc lá ở huyện Hoà An

Từ năm 1994 đến nay, được sự quan tâm của Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam và các Bộ ngành, Viện Kinh tế Kỹ thuật thuốc lá đã triển khai thực hiện tại Cao Bằng trong suốt thời gian dài với nhiều đề tài, dự án nghiên cứu các vấn đề như giống, kĩ thuật canh tác, hái sấy và phân cấp thuốc lá nguyên liệu, cũng như đưa các tiến bộ kĩ thuật vào thực tế sản xuất thuốc lá nguyên liệu, duy trì đầu tư lâu dài tại các vùng thuốc lá nguyên liệu, tạo vùng thuốc lá nguyên liệu chất lượng cao tại Cao Bằng. Nhiều giống mới được chọn tạo và được trồng toàn bộ vùng nguyên liệu trên diện tích khoảng 3 000 – 4 000 ha/năm, với sản lượng hằng năm từ 7 000 – 8 000 tấn/năm, cho doanh thu mỗi năm hàng trăm tỉ đồng.

Bên cạnh việc tập trung phát triển vùng thuốc lá nguyên liệu, Cao Bằng còn tiến hành xây dựng các trạm thu mua để tạo điều kiện thuận lợi cho nông dân trong khâu bao tiêu sản phẩm, nâng cao thu nhập cho người dân, góp phần xóa đói giảm nghèo và làm giàu từ cây thuốc lá.

Tuy nhiên, về lâu dài, khi thực hiện Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá và việc thực hiện các văn bản quy định của Luật sẽ làm giảm tỉ lệ người hút thuốc, nên nhu cầu sản lượng thuốc lá nguyên liệu cung cấp cho các nhà máy sẽ giảm, làm giảm diện tích canh tác. Trước những dự báo đó, Cao Bằng đã có những định hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng có giá trị kinh tế, phù hợp với mục tiêu xây dựng vùng nông nghiệp thông minh phát triển các loại cây đặc sản đặc hữu theo hướng hàng hoá gắn với chế biến như định hướng phát triển các loại cây gia vị (như gừng, nghệ, ớt hữu cơ,...) thay thế và hướng tới xuất khẩu.

*** Thời vụ trồng, thu hoạch và bảo quản**

Cây thuốc lá được trồng vào hai vụ.

Vụ xuân: gieo hạt từ tháng 11 đến tháng 2; trồng cây con trong tháng 1, 2, chậm nhất sang đầu tháng 3.

Vụ đông: gieo hạt vào cuối tháng 8 đến đầu tháng 9, trồng cây con vào tháng 10.

Khi lá chuyển xanh sang vàng đều, lông rụng, mặt lá ít dính, gân lá màu trắng sữa, lá giòn, dễ gãy thì tiến hành thu hoạch. Có thể thu hoạch làm nhiều đợt. Sau khi thu hoạch nên xếp riêng các lá có cùng kích cỡ, không để lá thành đồng, lá nên được sấy ngay.



Kể tên một số cây công nghiệp điển hình ở Cao Bằng. Nơi em sống có cây công nghiệp nào?



1. Nêu giá trị kinh tế và thực trạng phát triển một số cây ăn quả điển hình ở Cao Bằng.

2. Nêu giá trị kinh tế và thực trạng phát triển một số cây công nghiệp điển hình ở Cao Bằng.



Tìm hiểu một loại cây ăn quả/cây công nghiệp được trồng phổ biến tại nơi em sống, viết nội dung ngắn gọn về một số thuận lợi và khó khăn gặp phải đối với nghề trồng cây ăn quả/cây công nghiệp đó.

CÁC VẤN ĐỀ VỀ CHÍNH TRỊ – XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG

CHỦ ĐỀ 6

SỬ DỤNG BỀN VỮNG TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN TỈNH CAO BẰNG

Sau chủ đề này, em sẽ:

- Trình bày và đánh giá được tác động của thực trạng khai thác tài nguyên thiên nhiên đến môi trường tự nhiên của địa phương.
- Nêu được một số giải pháp sử dụng bền vững các loại tài nguyên thiên nhiên của địa phương.
- Viết được báo cáo về thực trạng khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên ở địa phương em.



Trong quá trình phát triển kinh tế – xã hội hiện nay, tỉnh Cao Bằng phải đối mặt với các vấn đề về ô nhiễm môi trường, suy giảm tài nguyên thiên nhiên. Vì vậy, vấn đề sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên tỉnh Cao Bằng được đặt ra rất cấp thiết. Vậy tác động của việc khai thác tài nguyên thiên nhiên đến môi trường tự nhiên tỉnh Cao Bằng như thế nào? Cần có những giải pháp gì để sử dụng bền vững các loại tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường của tỉnh Cao Bằng?



1 Tác động của việc khai thác tài nguyên thiên nhiên đến môi trường tự nhiên tỉnh Cao Bằng

a. Đối với tài nguyên đất

Hiện nay, việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất cùng các hoạt động phát triển kinh tế – xã hội như: sản xuất công nghiệp (đặc biệt là khai thác khoáng sản), sản xuất nông nghiệp, các bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt, kho tồn lưu hoá chất bảo vệ,... đã gây nhiều tác động đến môi trường đất.

Nhìn chung môi trường đất trên địa bàn tỉnh còn tồn tại một số vấn đề như: tồn dư hoá chất bảo vệ thực vật tại năm kho lưu giữ thuốc bảo vệ thực vật trong điều kiện kho thuốc đã xuống cấp; thoái hoá đất đã và đang diễn ra rất sâu sắc ở hầu hết các loại đất trong tỉnh; nước thải công nghiệp, nước thải chăn nuôi chưa qua xử lý, nước thải từ hoạt động khai thác khoáng sản không được xử lý, nước thải sinh hoạt của các khu dân cư, rác thải sinh hoạt chưa qua xử lý.

Chất lượng môi trường đất có dấu hiệu bị suy giảm. Môi trường đất tại các bãi chôn lấp chất thải rắn đều có hàm lượng kim loại nặng vượt ngưỡng cho phép. Các hoạt động sản xuất như khai thác khoáng sản, sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, chăn nuôi,... không được xử lý hoặc xử lý không triệt để làm ô nhiễm, suy thoái đất, giảm màu mỡ và khả năng canh tác của đất. Quá trình thoái hoá đất đã và đang diễn ra sâu sắc ở hầu hết các loại đất trong tỉnh, phản ánh rõ ở tầng đất mỏng vùng đồi, núi. Tình trạng khô hạn có xu thế gia tăng trong điều kiện khí hậu bán ẩm, độ che phủ thực vật thưa thớt, địa hình dốc và chia cắt, nhất là địa hình các-xtơ với những khối núi đá vôi đồ sộ ở Cao Bằng.



Dựa vào thông tin trong mục a, hãy:

- Nêu thực trạng suy thoái tài nguyên đất ở tỉnh Cao Bằng.
- Trình bày nguyên nhân dẫn đến tình trạng suy thoái đất ở tỉnh Cao Bằng.

b. Đối với tài nguyên nước

Hiện trạng môi trường nước: Tỉnh Cao Bằng có mật độ sông, suối 0,47km/km² với gần 1 200 sông, suối; tổng chiều dài 3 175 km thuộc bốn lưu vực sông lớn: sông Bằng Giang, sông Gâm, sông Quây Sơn, sông Bắc Vọng. Kết quả quan trắc cho thấy nhìn chung chưa có vấn đề ô nhiễm nghiêm trọng xảy ra đối với nguồn nước.



Hình 6.1. Rác thải sinh hoạt làm ô nhiễm nguồn nước

Đối với nguồn nước mặt: Các chỉ tiêu môi trường nước mặt tại đầu nguồn các con sông đều đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, chất lượng nước tại đầu nguồn các con sông còn khá tốt. Tuy nhiên, nồng độ các chất ô nhiễm có chiều hướng tăng lên dần về hạ lưu các con sông, nơi tập trung đông dân cư và các cơ sở công nghiệp. Đặc biệt, tại những đoạn sông được cấp phép khai thác, nạo vét cát, cuội, sỏi và những đoạn sông tiếp nhận nguồn nước thải từ hoạt động khai khoáng thì độ đục cao hơn trên thượng nguồn rất nhiều lần. Nồng độ các chất ô nhiễm tại sông, suối cũng khác nhau. Một số con sông không chảy qua địa phận thành phố, thị trấn hoặc không tiếp nhận nguồn nước thải từ các hoạt động khai khoáng thì vẫn còn khá trong sạch. Trái lại, tại một số sông, suối như sông Thể Dục, sông Hiến, đoạn sông Bằng Giang tại khu vực thành phố,... có nồng độ một số chất ô nhiễm vượt Quy chuẩn Việt Nam. Chất lượng nước tại ao, hồ, suối nhỏ trên địa bàn tỉnh còn khá tốt, cá biệt tại một số hồ lớn trong những năm gần đây cho thấy đã có biểu hiện đáng ngại về vấn đề ô nhiễm. Tuy nhiên, có thời điểm chất lượng nước đã có dấu hiệu ô nhiễm nhẹ độ đục và ô nhiễm hữu cơ. Nước thải sinh hoạt gây ảnh hưởng ô nhiễm đến nguồn nước chủ yếu là các khu tập trung dân cư. Phần lớn nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư bị ô nhiễm BOD5 và sunfua. Chỉ riêng khu dân cư như thị trấn Pác Miầu, thị trấn Bảo Lạc, thị trấn Trùng Khánh và thị trấn Nước Hai – Hoà An có chất lượng khá tốt, các chỉ tiêu phân tích nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn so sánh. Hàm lượng BOD5 trong nước thải sinh hoạt vượt quy chuẩn từ 1,2 đến 3,2 lần tại các điểm lấy mẫu ở các khu dân cư như: Khu dân cư thị trấn Thanh Nhật, huyện Hạ Lang; khu dân cư thị trấn Xuân Hoà, huyện Hà Quảng; khu dân cư thị trấn Nguyên Bình; khu dân cư thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hoà; khu dân cư tổ 8 phường Sông Bằng, thành phố Cao Bằng. Hàm lượng S_2 vượt quy chuẩn từ 1,2 đến 1,3 lần trong nước thải tại khu dân cư thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hoà; khu dân cư thị trấn Đông Khê. Tỉnh Cao Bằng đã xây dựng hai hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt đô thị tập trung tại thị trấn Thanh Nhật, huyện Hạ Lang và thị trấn Nước Hai, huyện Hoà An, còn lại các khu dân cư, đô thị khác chưa được đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung, ngoại trừ nước thải từ nhà vệ sinh của các gia đình. Tại các vùng nông thôn có hiện tượng gây ô nhiễm từ nước thải sinh hoạt cục bộ tại chỗ. Nước thải bệnh viện cũng là vấn đề cần quan tâm, vì đây là nguồn nước thải nguy hiểm, cũng là nguồn gây các bệnh truyền nhiễm cho cộng đồng. Ngoài ra, tỉnh Cao Bằng hiện chưa có một bãi chôn lấp rác thải nào có hệ thống xử lý, thu gom nước rác thải và đây là một trong những nguy cơ lớn gây ô nhiễm nghiêm trọng nguồn nước ngầm của tỉnh. Các chỉ tiêu phân tích nước thải đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn hiện hành cho thấy hệ thống xử lý nước thải tại các trung tâm y tế cũng như bệnh viện hoạt động tương đối tốt, đảm bảo hiệu quả xử lý.

Đối với nguồn nước ngầm: Phần lớn nguồn nước dưới đất chưa bị ô nhiễm, có thể dùng trực tiếp cho sinh hoạt. Nguồn nước ngầm của tỉnh chưa diễn ra những vấn đề nghiêm trọng về ô nhiễm, tuy nhiên, trong một số năm gần đây lượng nước ngầm đang có dấu hiệu suy giảm và suy giảm nhanh, dẫn đến tình trạng vào mùa khô, một bộ phận người dân vốn sử dụng nước ngầm để sinh hoạt bị thiếu nước. Nguyên nhân một phần là do tình trạng khai thác khoáng sản và chặt phá rừng đã làm biến dạng và mất đi nguồn nước. Nguồn nước dưới đất trên địa bàn tỉnh có thể bị ảnh hưởng bởi một số nguồn: dư lượng của phân bón mà con người sử dụng cho cây trồng, các hoá chất diệt cỏ, trừ sâu trong nguồn nước ngầm,

hoạt động khai thác khoáng sản, nước thải tuyển rửa quặng ngấm tự nhiên xuống đất hoặc theo các hang các-xtơ xuống tầng nước ngầm, nước rỉ rác ngấm ra từ các bãi chôn lấp rác không hợp vệ sinh,... Giai đoạn 2016 – 2020, chất lượng nước dưới đất còn khá tốt, phần lớn các chỉ tiêu phân tích ở các đợt quan trắc đều đảm bảo quy chuẩn. Tuy nhiên nước dưới đất cũng đã có dấu hiệu ô nhiễm, điều này cho thấy nguồn nước ngầm đã bị xâm nhập bởi các nguồn ô nhiễm trên bề mặt.



Dựa vào thông tin trong mục b, hãy:

- Nhận xét thực trạng ô nhiễm môi trường nước ở tỉnh Cao Bằng.
- Cho biết nguyên nhân dẫn đến ô nhiễm môi trường nước ở tỉnh Cao Bằng.

c. Đối với tài nguyên rừng

Trong giai đoạn 2015 – 2020, công tác bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh Cao Bằng đã đạt nhiều kết quả đáng ghi nhận, diện tích rừng có xu hướng tăng. Tuy nhiên, tổng diện tích rừng tăng chủ yếu nhờ các chương trình và dự án trồng rừng phủ xanh đất trống đồi trọc, diện tích rừng tự nhiên lại có xu hướng giảm nhẹ.



Hình 6.2. Một hệ sinh thái rừng ở tỉnh Cao Bằng

Quy hoạch, quản lý vùng đệm còn những thiếu sót như chưa xác định được rõ ranh giới, quy mô vùng đệm, chưa có quy định rõ về đầu tư vùng đệm. Đầu tư cho bảo tồn đa dạng sinh học còn nhiều hạn chế. Quá trình chuyển đổi sang kinh tế thị trường đã tác động mạnh tới suy nghĩ của người nông dân, thúc đẩy họ áp dụng nhiều giống, loài mới có năng suất và chất lượng mà thị trường yêu cầu. Quá trình này cũng là mối đe dọa lớn cho những giống, loài canh tác truyền thống đã thích nghi lâu đời với khí hậu và thổ nhưỡng địa phương, có nhiều tính di truyền quý nhưng bị lãng quên vì không đáp ứng được thị trường trước mắt.

Ngoài ra, nhu cầu của thị trường đối với các tài nguyên sinh vật (động thực vật hoang dã, gỗ và các lâm sản ngoài gỗ) làm gia tăng sức ép đối với tài nguyên rừng và đa dạng sinh học. Tình trạng khai thác, sử dụng bất hợp pháp các loài động vật, thực vật như hiện nay đặt ra nhiệm vụ bảo vệ đa dạng sinh học chung của tỉnh Cao Bằng là rất cấp bách.



Dựa vào thông tin trong mục c, hãy nêu những vấn đề cần giải quyết đối với tài nguyên rừng và đa dạng sinh học ở tỉnh Cao Bằng.

d. Đối với tài nguyên khoáng sản

Cao Bằng là tỉnh có nguồn tài nguyên khoáng sản khá phong phú, đa dạng (199 mỏ, điểm mỏ và 22 loại khoáng sản), với một số loại khoáng sản có giá trị về tiềm năng trữ lượng, chất lượng như: quặng sắt (phân bố trên địa bàn các huyện: Hoà An, Nguyên Bình, Bảo Lạc và thành phố Cao Bằng), quặng mangan (phân bố trên địa bàn các huyện: Trùng Khánh, Hạ Lang), quặng nhôm – bauxit (phân bố trên địa bàn các huyện: Hà Quảng, Nguyên Bình, Quảng Hoà), chì – kẽm (phân bố trên địa bàn các huyện: Bảo Lạc, Bảo Lâm), khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (đá, cát sỏi, đất san lấp),...

Tại thời điểm năm 2021, trên địa bàn tỉnh Cao Bằng có 37 giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực: nhóm khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có 27 giấy phép; nhóm khoáng sản kim loại có 7 giấy phép (vàng, sắt, mangan, đồng – niken); 3 giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (sắt, thiếc).

Việc đem máy móc vào khai thác sử dụng nước để tuyển quặng đã hạn chế được thất thoát khoáng sản. Nhưng việc dùng nước để tuyển quặng thải ra lượng nước thải lớn trong khi các đập chắn, bãi chứa lại hạn chế, không đủ dung tích chứa. Thực tế cho thấy ở mỏ quặng mangan Khau Liêu, Tả Than đã từng xảy ra “vỡ đập”, khối lượng lớn đất bùn, cát bị nước cuốn vào đất trồng lúa của nông dân. Một số đám ruộng đã không thể canh tác, số canh tác được năng suất cũng đã giảm xuống rõ rệt.



Hình 6.3. Một điểm khai thác quặng ở tỉnh Cao Bằng

Ở các đoạn sông có hoạt động khai thác cát gây ô nhiễm môi trường nước, ảnh hưởng đến dòng chảy, môi trường sống của các loài thủy sinh. Các khu vực khai thác khoáng sản cũng làm đi mất diện tích đáng kể lớp phủ rừng, làm gia tăng hiện tượng sạt lở đất vào mùa mưa.

Các điểm mỏ khoáng sản ở Cao Bằng thường có trữ lượng nhỏ và trung bình, nhiều mỏ được khai thác từ thời Pháp thuộc, nay đã cạn kiệt và dừng hoạt động (mỏ thiếc Tĩnh Túc, Cao Bằng), nên cần có các biện pháp để khai thác sử dụng hiệu quả tài nguyên khoáng sản.



Dựa vào thông tin trong mục d, hãy cho biết hoạt động khai thác khoáng sản tác động như thế nào đến môi trường tỉnh Cao Bằng.

2 Giải pháp sử dụng bền vững các loại tài nguyên thiên nhiên tỉnh Cao Bằng

– Đối với tài nguyên khoáng sản:

+ Áp dụng công nghệ tiên tiến thân thiện với môi trường, sử dụng tổng hợp và tiết kiệm tài nguyên, gắn liền với các cơ sở, dự án chế biến sâu.

+ Bảo vệ chặt chẽ các khu vực khoáng sản cần bảo vệ, không để xảy ra tình trạng khai thác khoáng sản trái phép, không để xảy ra hiện tượng sử dụng khoáng sản sai mục đích.

+ Việc khai thác và chế biến khoáng sản và khoáng chất phải phù hợp với tiềm năng và trữ lượng tài nguyên khoáng sản đã điều tra thăm dò, đảm bảo yêu cầu phát triển bền vững và phải hài hoà lợi ích địa phương, doanh nghiệp, dân cư trong vùng khai thác.

+ Phát triển hướng tới việc quy hoạch sắp xếp các hoạt động khai thác, chế biến tập trung nhằm nâng cao độ thu hồi khoáng sản, đảm bảo loại bỏ những cơ sở chế biến lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường, dừng cấp phép hoạt động những mỏ có quy mô nhỏ, phân tán không đảm bảo hiệu quả, gây ô nhiễm môi trường, không gắn với cơ sở chế biến.

– Đối với tài nguyên nước:

+ Bảo vệ hệ mặt nước các sông trên địa bàn; duy trì, bảo vệ diện tích mặt nước các ao, hồ, sông ngòi; xây dựng một số hồ điều hoà khu vực. Sử dụng tiết kiệm nguồn nước theo hướng tái sử dụng, tuần hoàn,... đảm bảo nhu cầu thực tế trong các hoạt động sản xuất và đời sống.

+ Hạn chế việc khai thác trái phép nguồn nước ngầm trong các hộ gia đình và các khu dân cư. Với nguồn nước ngầm đã có dấu hiệu ô nhiễm cần có biện pháp khoanh vùng hoặc đầu tư hệ thống cung cấp nước sạch đạt tiêu chuẩn. Kiểm soát chặt chẽ việc xả trực tiếp các nguồn nước thải vào các sông ngòi.

+ Hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải ở khu vực đô thị và nông thôn hiện hữu. Đối với khu vực phát triển đô thị mới cần xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải đồng bộ. Nước thải khu dân cư nông thôn: khuyến khích các hộ dân sử dụng hố xí tự hoại và hố xí hợp vệ sinh để đảm bảo vệ sinh môi trường.

+ Xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt quy mô nhỏ cho hệ thống nhà hàng, khách sạn trong khu vực để xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra môi trường. Đối với tất cả các công trình xây dựng mới phải có bể tự hoại trước khi xả ra hệ thống thoát nước. Các công trình đã xây dựng buộc phải đấu nối với hệ thống nước thải.

– Đối với tài nguyên rừng và đa dạng sinh học:

+ Tổ chức bảo vệ nguyên vẹn các hệ sinh thái rừng; các nguồn gen động thực vật rừng quý, hiếm, các đặc sản rừng, cảnh quan thiên nhiên trong khu vực bảo tồn. Xây dựng hành lang kết nối với các Vườn quốc gia, Khu bảo tồn và kết nối các khu vực trong Khu bảo tồn. Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào quản lý đa dạng sinh học.

+ Phát triển rừng trên cơ sở trồng mới, phục hồi rừng và thực hiện các dự án khuyến nông, khuyến lâm để phát triển vùng đệm.



Hình 6.4. Cao Bằng bảo vệ môi trường để phát triển du lịch bền vững

+ Tổ chức các hoạt động dịch vụ khoa học (nghiên cứu, giảng dạy, thực tập,...) chuyển giao kỹ thuật, giáo dục hướng nghiệp lâm nghiệp. Cần định hướng phát triển du lịch theo hướng bền vững, tập trung vào các loại hình, sản phẩm như du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch nông nghiệp, du lịch cộng đồng – làng nghề, du lịch thông minh.

+ Thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục phổ cập cho nhân dân về ý thức bảo vệ rừng; phòng cháy, chữa cháy rừng; phòng trừ sâu bệnh hại; thực hiện các quy trình trồng rừng, chăm sóc rừng,...

– Đối với tài nguyên đất: Thiết lập cảnh báo khu vực có nguy cơ sạt, trượt lở,... Xây dựng kế hoạch tu bổ, bảo dưỡng, nâng cấp hệ thống taluy chống sạt lở tại các khu vực có nguy cơ lũ quét và sạt lở đất. Ngăn ngừa, khắc phục ô nhiễm tại các khu tồn lưu hoá chất bảo vệ thực vật và trong canh tác nông nghiệp.



1. Đọc thông tin trong mục 2, hãy lập sơ đồ thể hiện các giải pháp bảo vệ môi trường và sử dụng bền vững các loại tài nguyên thiên nhiên tỉnh Cao Bằng.
2. Hãy kể tên một số biện pháp em và gia đình có thể thực hiện để góp phần bảo vệ môi trường và sử dụng bền vững các loại tài nguyên thiên nhiên tỉnh Cao Bằng.



Lập bảng thể hiện thực trạng, nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường đất, nước, suy giảm tài nguyên rừng, đa dạng sinh học và các giải pháp khắc phục.



Thu thập tài liệu và viết báo cáo về thực trạng khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên ở địa phương em.

Sau chủ đề này, em sẽ:

- Giới thiệu được về đường biên, mốc quốc giới của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cao Bằng.
- Đánh giá được những thuận lợi, khó khăn của tỉnh Cao Bằng khi có đường biên giới tiếp giáp với Trung Quốc (về kinh tế, chính trị, xã hội,...).
- Trình bày được những biện pháp bảo vệ biên giới quốc gia của tỉnh Cao Bằng.
- Thực hành hoạt động tham quan đồn biên phòng hoặc tổ chức ngoại khoá tìm hiểu về đường biên, mốc quốc giới (nếu có).
- Liên hệ trách nhiệm của công dân, học sinh trong việc tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia.



Biên giới quốc gia có vị trí quan trọng về kinh tế, chính trị, xã hội quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ biên giới quốc gia, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, các lực lượng vũ trang các cấp, các ngành mà trực tiếp là cấp uỷ, chính quyền và nhân dân khu vực biên giới.

Em hãy kể tên các xã, huyện của tỉnh Cao Bằng tiếp giáp Trung Quốc và cho biết một số việc làm của cơ quan, tổ chức và nhân dân nơi đây đã thực hiện để xây dựng mối quan hệ hoà bình, hữu nghị.



1 Khái quát về đường biên, mốc giới của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cao Bằng

Em hãy đọc các thông tin sau để trả lời câu hỏi:

1. Biên giới quốc gia Việt Nam gồm 4 bộ phận cấu thành: Biên giới quốc gia trên đất liền; Biên giới quốc gia trên biển; Biên giới quốc gia trong lòng đất; Biên giới quốc gia trên không.

Về biên giới đất liền, Việt Nam tiếp giáp với ba nước Trung Quốc, Lào, Campuchia. Với Trung Quốc, Việt Nam có đường biên giới đất liền dài khoảng 1 406 km, tiếp giáp giữa 7 tỉnh của Việt Nam là: Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn và Quảng Ninh với tỉnh Vân Nam và khu tự trị dân tộc Choang – Quảng Tây của Trung Quốc. Với Lào, Việt Nam có đường biên giới trên đất liền dài khoảng 2 340 km, kéo dài suốt 10 tỉnh của Việt Nam là: Điện Biên, Sơn La, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam và Kon Tum. Với Campuchia, Việt Nam có chung đường biên giới trên đất liền dài khoảng 1 137 km, đi qua 10 tỉnh của Việt Nam là: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Đồng Tháp, An Giang và Kiên Giang.



Hình 7.1. Mốc số Không – Ngã 3 Đông Dương
(Mốc giao điểm đường biên giới ba nước Việt Nam – Lào – Campuchia)

(Nguồn: bienphong.com.vn)

2. Cao Bằng là tỉnh miền núi biên giới ở phía Đông Bắc của Tổ quốc, có đoạn biên giới tiếp giáp với khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây – Trung Quốc dài 333,125 km, với 634 mốc quốc giới (469 mốc chính và 165 mốc phụ). Khu vực biên giới của tỉnh có 43 xã, 3 thị trấn thuộc 9 huyện biên giới, có 575 xóm hành chính, trong đó có 157 xóm sát biên, có 25 480 hộ/111 776 khẩu. Sau khi sáp nhập đơn vị hành cấp xóm, xã, huyện còn có 37 xã, 3 thị trấn thuộc 7 huyện biên giới, có 391 xóm hành chính, trong đó có 118 xóm sát biên, có 27 918 hộ/117 228 khẩu thuộc 7 dân tộc chính là Tày, Nùng, Mông, Dao, Kinh, Sán Chỉ, Lô Lô. Là địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng về kinh tế, chính trị, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại¹.

¹ Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg, ngày 09 – 01 – 2015 của Thủ tướng Chính phủ “về việc tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới”, giai đoạn 2015 – 2020, Ban Chỉ đạo phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia tỉnh Cao Bằng, ngày 13 – 4 – 2020.



Hình 7.2. Mốc giới 836 được cắm tại khu vực Thác Bản Giốc (Đàm Thuỷ, Trùng Khánh, Cao Bằng)

(Nguồn: thanhnien.vn)



1. Em hãy cho biết về biên giới đất liền, Việt Nam tiếp giáp với quốc gia nào. Hãy nêu cụ thể về chiều dài đường biên giới và các tỉnh của Việt Nam tiếp giáp với quốc gia đó.
2. Cao Bằng có bao nhiêu km chiều dài đường biên giới và cột mốc biên giới với Trung Quốc?

2 Một số thuận lợi, khó khăn của tỉnh Cao Bằng khi có đường biên giới tiếp giáp với Trung Quốc

Em hãy quan sát hình ảnh kết hợp với đọc thông tin dưới đây để trả lời câu hỏi:



Hình 7.3. Cửa khẩu quốc tế Tà Lùng Thị trấn Tà Lùng, huyện Phục Hoà

(Nguồn: caobang.gov.vn)



Hình 7.4. Tiết mục múa “Mời Nàng Hai”
Đoàn Nghệ thuật Tĩnh Tây (Trung Quốc)

(Nguồn: caobang.gov.vn)

Việt Nam và Trung Quốc là hai quốc gia xác lập vùng biên giới từ rất sớm. Trải qua nhiều năm đàm phán giữa hai nước, đường biên giới được xác định một cách rõ ràng bằng việc phân giới cắm mốc. Thông qua việc kí kết các văn kiện pháp lí quan trọng về biên giới

lãnh thổ, đặc biệt là Hiệp ước về biên giới trên đất liền Việt Nam – Trung Quốc (gọi tắt là Hiệp ước 1999), đặt nền tảng quan trọng cho việc xây dựng đường biên giới hoà bình, hữu nghị và ổn định lâu dài giữa hai nước. Việc hoàn thành phân giới cắm mốc góp phần xây dựng một đường biên giới hoàn chỉnh, chính quy, hiện đại và bền vững; tạo tiền đề vững chắc để xây dựng biên giới Việt – Trung hoà bình, ổn định, hữu nghị, hợp tác; tạo thuận lợi cho công tác quản lí biên giới sau này, có ý nghĩa chiến lược đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam. Đặc biệt, về kinh tế, mối quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện Việt Nam – Trung Quốc góp phần tăng cường sự tin cậy giữa hai bên; là cơ hội mới để mở rộng giao lưu hữu nghị, tăng cường hợp tác kinh tế, thương mại,... giữa hai nước, đặc biệt là các địa phương hai bên đường biên giới. Cũng nhờ vậy mà tình hình chính trị ở Cao Bằng được ổn định, tạo điều kiện phát triển kinh tế – xã hội. Dọc tuyến biên giới tiếp giáp Trung Quốc, ở Cao Bằng có một số mỏ khoáng sản, nhiều nhất là sắt, phân bố ở Hoà An, Thạch Lâm, Bảo Lạc, thị xã Cao Bằng,... tạo điều kiện phát triển công nghiệp khai thác. Các dân tộc thiểu số ở hai bên biên giới có quan hệ sắc tộc, dòng họ, hôn nhân qua lại với nhau, do đó có chung một số đặc điểm về dòng tộc, văn hoá. Tính đa dạng về sắc tộc cũng như mối quan hệ thân thiết giữa các cộng đồng dân tộc ở đây đã tạo cho khu vực biên giới có tính đa dạng về văn hoá, là một trong những điều kiện thuận lợi để phát triển khu vực biên giới thành khu vực hợp tác và hữu nghị.

Tuy nhiên, các địa phương ở khu vực biên giới vẫn bị các thế lực thù địch, phản động đẩy mạnh hoạt động chống phá khiến tình hình chính trị ở đây trở nên phức tạp. Bên cạnh đó, địa hình nhiều đồi núi cao, chia cắt mạnh, nên cơ sở hạ tầng vùng biên giới kém phát triển. Người dân biên giới thường làm kinh tế nghề rừng, chăn nuôi và trồng cây công nghiệp với công nghệ lạc hậu và phụ thuộc lớn vào địa hình; di cư tự do, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, dịch bệnh diễn biến phức tạp; tội phạm về ma tuý, tội phạm xuyên quốc gia, xuyên biên giới, tình trạng xuất, nhập cảnh trái phép, buôn lậu, gian lận thương mại tiếp tục gia tăng với nhiều thủ đoạn tinh vi, khó kiểm soát,... đã tác động, ảnh hưởng trực tiếp đến chủ quyền lãnh thổ và công tác quản lí, bảo vệ biên giới quốc gia của Đảng bộ, các cấp, các ngành và nhân dân Cao Bằng.



1. Em hãy cho biết những thuận lợi và khó khăn của tỉnh Cao Bằng khi có đường biên giới tiếp giáp Trung Quốc.
2. Hãy kể những thay đổi trong hoạt động phát triển kinh tế – xã hội ở địa phương em khi hai nước Việt Nam và Trung Quốc kí kết các văn bản pháp lí về chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.

Một số biện pháp bảo vệ biên giới quốc gia của tỉnh Cao Bằng

Em hãy đọc các thông tin dưới đây để trả lời câu hỏi:

1. Trong những năm qua, công tác quản lý, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng được cấp uỷ, chính quyền các cấp, các ban, ngành, đoàn thể quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện và đã đạt được những kết quả tích cực. Đã ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia (Chỉ thị số 03-CT/TU ngày 01 – 02 – 2016 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về lãnh đạo triển khai thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 09 – 01 – 2015 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 04 – 7 – 2016 của Tỉnh uỷ về xây dựng khu vực biên giới vững mạnh toàn diện giai đoạn 2016 – 2020;...), qua đó đã góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia, xây dựng khu vực biên giới của tỉnh hoà bình, ổn định, tăng cường hợp tác với các cơ quan chức năng của nước láng giềng, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế, văn hoá – xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh ở khu vực biên giới. Bên cạnh đó, Đảng bộ và chính quyền Cao Bằng còn chú trọng xây dựng khu vực biên giới vững mạnh toàn diện. Về chính trị, xây dựng được “thể trận lòng dân” vững chắc. Xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể nhân dân trong sạch, vững mạnh, gắn bó mật thiết với nhân dân các dân tộc vùng biên giới, tạo ra “vùng đệm” vững mạnh có khả năng bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh biên giới quốc gia. Về kinh tế – xã hội, có chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, biện pháp phát triển kinh tế – xã hội để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, đồng thời xây dựng tiềm lực tại chỗ phục vụ yêu cầu quản lý, bảo vệ biên giới. Về quốc phòng, an ninh, có chiến lược xây dựng kinh tế – xã hội gắn với củng cố quốc phòng, an ninh để giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.

2. Xác định việc giữ vững chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng. Những năm qua, Bộ đội Biên phòng Cao Bằng đã phát huy tốt vai trò là lực lượng chuyên trách, chủ trì trong công tác quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới, tích cực tham mưu cho các cấp uỷ đảng, chính quyền và các ban ngành, đoàn thể tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai các chủ trương, giải pháp huy động mọi nguồn lực để quản lý, xây dựng và bảo vệ biên giới, giữ vững an ninh trật tự. Phát động phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia, xây dựng biên giới hoà bình, ổn định và phát triển. Trong đó, chú trọng vận động quần chúng nhân dân ở khu vực biên giới tham gia tự quản đường biên, mốc giới; bảo vệ an ninh trật tự khu vực biên giới. Truyền truyền, giáo dục cho quần chúng nắm vững đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là văn bản pháp luật về biên giới. Giáo dục ý thức về độc lập dân tộc, tinh thần yêu nước, truyền thống của dân tộc và ý thức cảnh giác cách mạng,... Hướng dẫn cho quần chúng nắm chắc vị trí, dấu hiệu đường biên, mốc giới; biết cách phát hiện, báo tin cho bộ đội biên phòng, chính quyền địa phương, cơ quan tổ chức khi dấu hiệu đường biên giới và mốc giới bị thay đổi, bị mất, bị phá hoại,... Tổ chức cho quần chúng học tập cách thức đấu tranh chống lấn chiếm biên giới, đấu tranh với các hành vi vi phạm và tội phạm. Huy động quần chúng tham gia đấu tranh bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ, biên giới quốc gia khi

cần thiết. Tích cực giúp đỡ lực lượng nông cốt, chuyên trách về tinh thần, vật chất để hoàn thành nhiệm vụ quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia. Tổ chức cho các xã, bản biên giới cam kết tự quản đoạn biên giới, mốc giới thuộc đất đai của xã, bản mình; có ý thức quản lý, bảo vệ đường biên, mốc giới như giữ gìn ranh giới ruộng đất, núi rừng của xã, của bản mình.



Hình 7.5. Cán bộ, chiến sĩ Đồn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế Tà Lùng phối hợp với các lực lượng địa phương tuần tra đường biên, mốc giới

(Nguồn: baocaobang.vn)



1. Đảng bộ và nhân dân Cao Bằng đã thực hiện những biện pháp nào để xây dựng, quản lý và bảo vệ biên giới quốc gia?
2. Hãy nêu những biện pháp mà bộ đội biên phòng Cao Bằng đã thực hiện để bảo vệ biên giới quốc gia.

4 Trách nhiệm của công dân và học sinh Cao Bằng trong việc tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia

Em hãy đọc các thông tin dưới đây để trả lời câu hỏi:

1. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định: “Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của công dân. Công dân phải thực hiện nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân (Điều 45)”. Luật Biên giới quốc gia năm 2003 xác định: “Xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, khu vực biên giới là sự nghiệp của toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý. Nhà nước và nhân dân thực hiện kết hợp phát triển kinh tế – xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại (Điều 10)”. Mọi công dân Việt Nam có trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, xây dựng khu vực biên giới, giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới.

2. Để góp phần xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị và phát triển, đồng thời thực hiện các văn kiện biên giới trên đất liền Việt Nam – Trung Quốc, nhân dân Cao Bằng cần phải:

1/ Không ngừng nâng cao ý thức trách nhiệm trong bảo vệ đường biên, mốc giới; nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, kiên quyết đấu tranh với những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực cơ hội, thù địch nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, xuyên tạc đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước; 2/ Tích cực tham gia các buổi nói chuyện, phổ biến giáo dục pháp luật do địa phương và Đồn Biên phòng tổ chức để tìm hiểu, nắm vững và chấp hành nghiêm Hiệp ước biên giới đất liền Việt Nam – Trung Quốc năm 1999, Nghị định thư phân giới cắm mốc, Hiệp định về quy chế quản lí biên giới, Hiệp định về cửa khẩu và quy chế quản lí cửa khẩu biên giới trên đất liền Việt Nam – Trung Quốc và các văn bản khác có liên quan; 3/ Tích cực tham gia và vận động mọi người chấp hành nghiêm các quy định của Luật Biên giới, Hiệp định biên giới, các quy định của địa phương về an ninh trật tự, cư trú, ra vào và hoạt động ở khu vực biên giới; tích cực tham gia các hoạt động, phong trào bảo vệ đường biên giới quốc gia, mốc quốc giới; 4/ Không xuất, nhập cảnh trái phép, không buôn lậu, tiếp tay cho hoạt động buôn lậu; không mua bán, vận chuyển, sử dụng và tàng trữ các chất ma tuý, chất gây nghiện; không mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí, chất nổ; không buôn bán người đặc biệt là phụ nữ, trẻ em qua biên giới,... 5/ Khi phát hiện những hành vi vi phạm chủ quyền lãnh thổ, tài nguyên môi trường, lợi ích quốc gia hoặc những thay đổi của dấu hiệu đường biên giới quốc gia, mốc quốc giới phải báo ngay cho trưởng xóm, bản, chính quyền xã và Đồn Biên phòng để kịp thời giải quyết; 6/ Tích cực tham gia phát triển kinh tế, xã hội; gắn với sản xuất, canh tác nông lâm nghiệp trên biên giới với bảo vệ đường biên, mốc quốc giới; luôn đoàn kết và giúp đỡ cán bộ, chiến sĩ Bộ đội Biên phòng trong thực hiện nhiệm vụ;...

3. Học sinh Cao Bằng cần phải: 1/ Tìm hiểu các văn kiện pháp lí biên giới trên đất liền với các nước láng giềng; 2/ Tích cực tham gia các tổ chức tự quản ở địa phương và phối kết hợp với Bộ đội Biên phòng thường xuyên tuần tra khu vực biên giới; 3/ Tham gia các hoạt động ngoại khoá, tham quan hệ thống đường biên, cột mốc, nghe giới thiệu về lịch sử hình thành cột mốc, truyền thống đấu tranh giữ gìn từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc của các thế hệ cha anh; 4/ Tích cực học tập kiến thức quốc phòng, an ninh, sẵn sàng nhận và hoàn thành các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh khi chính quyền địa phương huy động, động viên. 5/ Tích cực tham gia các phong trào của Đoàn Thanh niên tình nguyện hướng về vùng sâu, vùng xa, biên giới;...



1. Theo em, công dân có trách nhiệm gì trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia?
2. Người dân ở địa phương em đã làm gì để góp phần quản lí, bảo vệ biên giới với Trung Quốc?
3. Hãy kể về những việc em đã và sẽ làm để góp phần bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia.



1. Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào dưới đây? Vì sao?

a. Hành vi xâm canh, xâm cư ở khu vực biên giới không ảnh hưởng tới việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia.

b. Xê dịch, phá hoại mốc giới làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia.

c. Thực hiện chính sách xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, ổn định lâu dài với các nước láng giềng là biện pháp bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia.

d. Đàm phán trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ là biện pháp duy nhất trong việc giải quyết các tranh chấp liên quan tới biên giới quốc gia.

e. Bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia chỉ cần thực hiện khi đất nước xảy ra chiến tranh.

2. Em có nhận xét gì về hành vi, việc làm của các nhân vật trong những tình huống dưới đây?

a. Người dân trong bản của N tích cực tham gia cùng lực lượng bộ đội biên phòng trực chốt chặn, kiểm soát xuất nhập cảnh trái phép trên biên giới nhằm đảm bảo giữ vững an ninh trên địa bàn.

b. H cùng các bạn trong lớp tích cực tuyên truyền, vận động người thân, nhân dân trong thôn xóm nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật về biên giới quốc gia.

c. Mặc dù được người thân can ngăn nhưng ông V vẫn tiếp tay cho một số đối tượng xuất nhập cảnh trái phép qua biên giới trong khi tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp.

d. Y thường lấy lí do bận học để từ chối tham gia tuần tra khu vực biên giới cùng với đội tự quản của bản.

e. Chi hội Phụ nữ của bản X nhận bảo vệ đường biên, cột mốc biên trong bản và thường xuyên phân công hội viên của mình tuần tra ở những khu vực này.

g. Anh B đăng kí tham gia đội tự quản đường biên giới ở xóm nhưng mỗi khi tới lịch tuần tra của mình thì anh lại viện lí do để được vắng mặt.

3. Xử lí tình huống

a. Nhân ngày truyền thống Bộ đội Biên phòng và ngày Biên phòng toàn dân, lớp của M tổ chức thăm và tặng quà các cán bộ, chiến sĩ đồn biên phòng đóng trên địa bàn nhưng một số bạn tỏ thái độ không muốn tham gia vì ngại phải vào khu vực vùng núi hiểm trở.

Nếu là thành viên lớp của M, em sẽ làm gì để các bạn cùng tham gia hoạt động này?

b. Mỗi khi cùng gia đình vào khu rừng được Nhà nước giao để canh tác, trồng trọt, anh A thường thấy một nhóm người vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới quốc gia nhưng không báo với cơ quan có thẩm quyền biết vì sợ bị trả thù.

Nếu ở trong tình huống của anh A, em sẽ làm gì?

c. Vào giờ học môn Giáo dục Quốc phòng – An ninh, H thường mang sách báo ra đọc. Thấy vậy, bạn cùng bàn góp ý, nhắc nhở thì H tỏ vẻ khó chịu và nói rằng: “Bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia là trách nhiệm của bộ đội biên phòng”.

Nếu chứng kiến tình huống này, em sẽ khuyên H điều gì?

4. Em hãy nêu những việc mà học sinh nên làm hoặc không nên làm để góp phần bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia ở tỉnh Cao Bằng.



1. Em hãy cùng nhóm học tập lập và thực hiện kế hoạch tham quan, học tập tại đồn biên phòng đóng ở địa phương để tìm hiểu về vai trò của đồn biên phòng trong công tác bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia.

Gợi ý nội dung:

a. Chuẩn bị cho hoạt động tham quan

- Tìm hiểu và xác định đồn biên phòng sẽ tham quan.
- Thảo luận để xác định những việc cần chuẩn bị cho hoạt động tham quan.
- Xây dựng kế hoạch tham quan:
 - + Mục đích, yêu cầu;
 - + Địa điểm, thời gian;
 - + Nội dung cần tìm hiểu;
 - + Biện pháp thực hiện;
 - + Phân công nhiệm vụ;
 - + Dự kiến nội dung, hình thức trình bày kết quả hoạt động tham quan.

b. Tham quan một đồn biên phòng đóng trên địa bàn ở địa phương

– Nghe đại diện đồn biên phòng giới thiệu về lịch sử hình thành và phát triển; cơ cấu tổ chức; chức năng, nhiệm vụ, vị trí và vai trò của đồn biên phòng đối với sự nghiệp bảo vệ biên giới quốc gia, bảo vệ Tổ quốc.

– Trong quá trình tham quan, chú ý quan sát, ghi chép và thực hiện nhiệm vụ được phân công.

c. Thiết kế và trình bày báo cáo kết quả tham quan

– Tập hợp kết quả thực hiện các nhiệm vụ được phân công của các thành viên trong nhóm.

– Cùng các bạn thiết kế báo cáo kết quả tham quan của nhóm theo nội dung, hình thức đã dự định trong kế hoạch.

– Phân công nhiệm vụ trình bày và hỗ trợ trình bày kết quả tham quan của nhóm.

– Trình bày kết quả tham quan của nhóm với các bạn trong lớp và thầy, cô giáo.

– Nhận xét, đánh giá kết quả tham quan của các nhóm.

2. Em hãy viết bài tuyên truyền về các biện pháp bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia ở địa phương em.

Sau chủ đề này, em sẽ:

- Hiểu được khái niệm thế nào là nếp sống văn minh, tôn trọng kỉ cương, pháp luật.
- Hiểu được quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang ở tỉnh Cao Bằng.
- Biết được hành vi ứng xử và hành vi thực hiện nếp sống văn minh.
- Nâng cao được ý thức thực hiện nếp sống văn minh, tôn trọng kỉ cương, pháp luật, sống và làm việc theo pháp luật.
- Nắm được yêu cầu của việc thực hiện Luật Phòng, chống ma túy; Luật Giao thông đường bộ; Luật Phòng, chống buôn bán người; Luật An ninh mạng; Luật Phòng, chống tác hại của rượu bia;... những tác động của các luật đó đối với đời sống của cộng đồng.



Em hãy tìm ra thông điệp về nếp sống văn minh, tôn trọng kỉ cương, pháp luật qua những bức ảnh sau:



Hình 8.1. Người dân vệ sinh nơi ở, bảo vệ cảnh quan môi trường sạch đẹp



Hình 8.2. Bộ đội biên phòng vận động người dân phá bỏ cây thuốc phiện



Hình 8.3. Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc ở huyện Nguyên Bình là dịp để nhân dân giao lưu văn hoá văn nghệ, chia sẻ kinh nghiệm và gắn kết cộng đồng



Hình 8.4. Phòng Cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Cao Bằng tổ chức tuyên truyền Luật Giao thông đường bộ cho cán bộ, giáo viên và học sinh nhà trường.



Ở địa phương em có những hoạt động như trên không? Những việc làm đó mang lại lợi ích gì?



1 Khái niệm nếp sống văn minh, tôn trọng kỉ cương, pháp luật và một số hoạt động xây dựng nếp sống văn minh, tôn trọng kỉ cương, pháp luật trong các cộng đồng dân cư ở Cao Bằng

Nếp sống là cách thức sống (ăn, mặc, ở, sinh hoạt, ứng xử, giao tiếp) trong quan hệ thường ngày giữa các cá nhân trong gia đình và cộng đồng. Nếp sống văn minh, tôn trọng kỉ cương, pháp luật là nếp sống dựa trên hiểu biết khoa học, đặt con người thích ứng với các điều kiện của tự nhiên và xã hội, mỗi cá nhân có quan hệ hài hoà với các cá nhân khác và với cộng đồng mình chung sống.

Thông tin 1:

Trong những năm qua, các cấp chính quyền tỉnh Cao Bằng đã ban hành các quy định để xây dựng nếp sống văn minh, tôn trọng kỉ cương, pháp luật. Cụ thể:

a. *Chấp hành nghiêm pháp luật:* thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật; các hộ gia đình không lấn chiếm vỉa hè, lòng đường vào mục đích riêng; để ô tô, xe máy, xe đạp đúng quy định;...

b. *Nội bộ gia đình* thực hiện nếp sống văn minh: đoàn kết yêu thương nhau, trên thuận dưới hoà; mọi người trong gia đình chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật; quan tâm việc học tập của mọi thành viên trong gia đình;...

c. *Ngăn nắp, vệ sinh:* Sắp xếp ngăn nắp, gọn gàng các đồ dùng cá nhân và của gia đình; chăm sóc nơi ở và sinh hoạt gọn gàng, vệ sinh; thực hiện thu gom rác vào túi đựng rác và đổ rác đúng quy định.

d. Có quan hệ thân thiện trong khu dân cư; không làm ảnh hưởng đến các gia đình xung quanh; quan tâm, giúp đỡ hàng xóm láng giềng khi cần thiết.

e. *Hoạt động cộng đồng*: treo cờ và trang trí đẹp vào những ngày lễ, ngày Tết; tương thân tương ái, “lá lành đùm lá rách” sẵn sàng giúp đỡ người nghèo và nơi bị thiên tai; kịp thời hỗ trợ cứu giúp khi có hoả hoạn hoặc tai nạn xảy ra; đóng góp vào các hoạt động chung của địa bàn dân cư và các hoạt động công cộng theo khả năng; thực hiện xếp hàng khi có nhiều người cùng tham gia một hoạt động chung; cư xử văn minh, lịch sự với mọi người; cảm ơn khi được giúp, xin lỗi khi làm phiền người khác; ăn mặc lịch sự khi ra đường và ở nơi công cộng.

Thông tin 2:

Thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”, tỉnh Cao Bằng đặc biệt quan tâm đến phát triển đời sống kinh tế gia đình, xây dựng cơ sở hạ tầng, từng bước nâng cao đời sống kinh tế, xoá đói giảm nghèo. Thông qua nhiều hình thức như hỗ trợ vốn vay, hỗ trợ giống, chuyển giao công nghệ, khoa học kỹ thuật, đào tạo nghề,... đã tạo điều kiện để người dân phát triển kinh tế. Tại các thôn, bản, tổ, khu phố đăng kí xây dựng danh hiệu thôn, bản, tổ, khu phố văn hoá. Bộ mặt thôn, bản, tổ, khu phố thay đổi rõ rệt, đường làng, ngõ xóm khang trang, sạch đẹp, tỉ lệ bê tông hoá đường nông thôn, kiên cố hoá kênh mương nội đồng tăng lên hàng năm từ nguồn kinh phí đóng góp của người dân và hỗ trợ của nhà nước. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân từng bước được cải thiện.

Việc thực hiện các phong trào góp phần nâng cao nhận thức của toàn xã hội về vai trò của văn hoá đối với sự phát triển hiện nay; vai trò của hệ thống chính trị trong xây dựng đời sống văn hoá được phát huy; thực hiện chủ trương xã hội hoá văn hoá có hiệu quả, tác động tích cực đến phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội ở địa phương. Trong 10 năm thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, đến nay, toàn tỉnh có 16 xã đạt tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hoá, đạt 9,04%, tăng 9,04% so với năm 2011, tăng 7,91% so với năm 2015; 113 xã đạt tiêu chí số 16 về văn hoá, đạt 63,84%, tăng 55,96% so với năm 2011, tăng 45,20% so với năm 2015.

(Theo *baocaobang.vn*)

Thông tin 3:

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” trên địa bàn huyện Nguyên Bình được thực hiện đồng bộ, hiệu quả; có sức lan toả mạnh mẽ trong cộng đồng, được người dân đồng tình hưởng ứng. Nhờ đó, đời sống văn hoá, tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao, sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc được phát huy.



Hình 8.5. Phong trào văn hoá, văn nghệ ở huyện Nguyên Bình phát triển, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân

Tập trung xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở, các khu dân cư thường xuyên chú trọng công tác xây dựng gia đình văn hoá; tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình và vận động người dân tham gia thực hiện xây dựng gia đình văn hoá, ấm no, hạnh phúc, bình đẳng, tiến bộ; tổ chức các hội thi, tọa đàm nhân các ngày lễ, Tết; Mặt trận tổ quốc các cấp hướng dẫn các xã, xóm, tổ dân phố tổ chức tốt Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc và nhân rộng các mô hình, câu lạc bộ phòng, chống bạo lực gia đình,... Từ đó, nhiều giá trị văn hoá truyền thống được bảo tồn, phát huy, đời sống kinh tế ổn định, có bước phát triển. Năm 2020, số hộ dân đạt danh hiệu gia đình văn hoá là 7 797 gia đình, chiếm 85,83%. Có 446 người đạt danh hiệu người tốt, việc tốt trong phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”. Họ là những điển hình trong việc thực hiện tốt nếp sống văn minh, trong phong trào xây dựng nông thôn mới,...

(Theo *baocaobang.vn*)



1. Em hiểu thế nào là nếp sống văn minh, tôn trọng kỉ cương, pháp luật?
2. Tỉnh Cao Bằng đã có những quy định gì trong việc nếp sống văn minh, tôn trọng kỉ cương, pháp luật?
3. Em hãy nêu kết quả các hoạt động trong phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” ở Cao Bằng.
4. Em hãy chia sẻ một số hoạt động thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” ở địa phương em.

2 Quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội ở tỉnh Cao Bằng

Ngày 30/9/2014 Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng đã ban hành Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Cụ thể:

– Thực hiện việc cưới, việc tang, lễ hội trang trọng, lành mạnh, tiết kiệm, văn minh, phù hợp với thuần phong mỹ tục của dân tộc; tuyệt đối chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; cấm lợi dụng việc cưới, việc tang và lễ hội để trục lợi; cấm kinh doanh, tàng trữ, buôn bán, sử dụng văn hoá phẩm cấm lưu hành; cấm các hoạt động mê tín dị đoan như xem số, xem bói, gọi hồn, yểm bùa, trừ tà và các hình thức mê tín dị đoan khác; quá trình tổ chức, tham gia việc cưới, việc tang và lễ hội không gây mất an ninh trật tự, cản trở giao thông và các hoạt động công cộng; không đốt pháo nổ, giữ vệ sinh môi trường, xử lý chất thải đúng quy định, phòng chống dịch bệnh, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; không sử dụng thời gian làm việc và phương tiện của cơ quan để đi dự lễ cưới, lễ hội; tôn trọng sự yên tĩnh của cộng đồng; không mở nhạc lớn trong đám cưới, không cử nhạc trong đám tang sau 22 giờ đêm và trước 6 giờ sáng.

– Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới phải được tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, pháp luật về đăng ký quản lý hộ tịch và các quy định liên quan. Các lễ thức, thủ tục mang tính phong tục, tập quán như chạm ngõ, lễ hỏi, xin dâu cần được tổ chức đơn giản, gọn nhẹ, tránh phô trương, hình thức, không nặng nề về đòi hỏi lễ vật; lễ cưới cần được tổ chức tiết kiệm, lành mạnh, trang trọng, vui tươi, phù hợp với thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc,...

– Thực hiện nếp sống văn minh trong việc tang phải được tổ chức theo quy định của pháp luật về đăng ký và quản lý hộ tịch, bảo vệ môi trường, y tế, các quy định pháp luật khác có liên quan và những quy định trong hương ước, quy ước xóm, tổ dân phố,... Các nghi thức cúng ba ngày, bảy ngày, bốn chín ngày, một trăm ngày, giỗ đầu, giỗ hết, cải tang chỉ thực hiện trong ngày và trong nội bộ gia đình, dòng họ,... Tổ chức lễ tang chu đáo, trang nghiêm, tiết kiệm, phù hợp với tập quán truyền thống, văn hoá dân tộc và hoàn cảnh gia đình người qua đời; sử dụng nhạc tang phù hợp; việc phúng viếng phải đảm bảo văn minh;...



Hình 8.6. Đám cưới được tổ chức theo nếp sống mới với tinh thần văn minh, tiết kiệm



Hình 8.7. Lễ rước dâu của người Dao đỏ ở huyện Nguyễn Bình



EM CÓ BIẾT?

Là một xóm có nhiều dân tộc cùng sinh sống, gồm: Tày, Nùng, Dao, Sán Chỉ với 63 hộ dân, nhưng nhiều năm nay, ở xóm Nà Xiêm, xã Bảo Toàn (Bảo Lạc) việc cưới, việc tang đều được thực hiện theo nếp sống mới. Ông Nông Văn Tấn, Trưởng xóm Nà Xiêm cho biết: “Trước đây, nhà nào có việc cưới hoặc tang đều rất tốn kém. Trong đám cưới, chỉ tính việc trả lễ, lại mặt họ hàng cũng mất khoảng 5 – 7 con lợn to, chưa kể việc thách cưới đưa cho nhà gái và cỗ bàn ăn uống 4 – 5 ngày. Nhiều gia đình sau khi nhà có việc cưới, việc tang xong phải trả nợ gần chục năm không hết. Từ ngày thực hiện nếp sống văn minh và được tuyên truyền về việc thực hiện văn minh trong việc cưới, việc tang, đồng bào đã hiểu và bỏ dần các thủ tục lạc hậu, tệ thách cưới đã không còn, việc trả lễ, lại mặt cho anh em họ hàng cũng đã giảm hẳn, chỉ mang tính chất lễ nghĩa chứ không nặng về lễ vật như trước đây. Đối với dân tộc ít người như dân tộc Mông, Dao, luôn thực hiện nghiêm túc Quy ước nếp sống văn hoá dân tộc. Các hủ tục như bón cơm cho người chết, để xác lâu ngày trong nhà, tổ chức ăn uống linh đình tốn kém, đưa người chết ra đồng,... đã dần được loại bỏ”.

(Theo baocaobang.vn)



1. Em hãy nêu các quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội.
2. Việc thực hiện nếp sống văn minh đã đem lại những thay đổi gì trong việc cưới, việc tang ở xóm Nà Xiêm?

3 Thực hiện pháp luật ở Cao Bằng

a. Luật Phòng chống ma túy

Luật Phòng, chống ma túy quy định về phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh chống tệ nạn ma túy; kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy; trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức trong phòng, chống ma túy.

Thông tin 1: Ngày 13/8/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng đã phối hợp với Cơ sở cai nghiện ma túy (trực thuộc Sở Lao động – Thương binh xã hội tỉnh Cao Bằng) tổ chức các buổi tuyên truyền pháp luật về phòng, chống ma túy cho 102 học viên đang thực hiện việc cai nghiện tự nguyện và bắt buộc.

Tại các buổi tuyên truyền, các học viên cơ sở cai nghiện đã được báo cáo viên Viện Kiểm sát nhân dân thành phố thông báo khái quát về tình hình tệ nạn ma túy trên địa bàn toàn tỉnh nói chung và thành phố nói riêng; một số nội dung cơ bản của các văn bản, quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy; thông tin về thực trạng buôn bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy, chất gây nghiện; hệ lụy từ việc sử dụng, buôn bán ma túy và chất gây nghiện cũng như những tác hại khôn lường của các dạng ma túy; phương thức thủ đoạn của tội phạm ma túy; phương thức điều trị và cai nghiện ma túy hiện nay;...



Hình 8.8. Cán bộ Viện Kiểm sát nhân dân thành phố tuyên truyền phòng chống ma túy tại công trường lao động xóm Nà Roát, xã Bạch Đằng, huyện Hoà An

Thông tin 2: Vào lúc 21 giờ 30 phút, ngày 27/3/2022, tại khu vực Quảng trường, thuộc tổ 2, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, Công an tỉnh Cao Bằng đã bắt quả tang đối tượng L.Đ.T, trú tại tổ dân phố 2, thị trấn Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Tang vật thu giữ là 05 bánh heroine, có khối lượng 1.761,19 gam.



1. Nêu những điều em biết về Luật Phòng, chống ma túy.
2. Ở thông tin 1, việc tuyên truyền pháp luật về phòng, chống ma túy có tác dụng gì?
3. Nêu tác động đối với cá nhân và xã hội của việc bắt giữ đối tượng mua bán trái phép chất ma túy ở thông tin 2.

b. Luật Giao thông đường bộ và Luật Phòng chống tác hại của rượu, bia

Luật Giao thông đường bộ quy định quy tắc giao thông đường bộ; các điều kiện bảo đảm an toàn giao thông đường bộ của kết cấu hạ tầng, phương tiện và người tham gia giao thông đường bộ, hoạt động vận tải đường bộ. Để tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, đề cao ý thức trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm bảo đảm giao thông đường bộ thông suốt, trật tự, an toàn, thuận lợi, phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân và sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia quy định mỗi tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ: được sống trong môi trường không chịu ảnh hưởng bởi tác hại của rượu, bia; được cung cấp thông tin phù hợp, khoa học, chính xác, khách quan, đầy đủ về rượu, bia, nguồn gốc, chất lượng và tác hại của rượu, bia; phản ánh hoặc tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống tác hại của rượu, bia; tố cáo việc cơ quan, người có thẩm quyền không xử lý hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống tác hại của rượu, bia; tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống tác hại của rượu, bia.



Hình 8.9. Lực lượng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Cao Bằng tăng cường bố trí tổ kiểm tra đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông



Hình 8.10. Đại diện học sinh ở các khối của trường Tiểu học Hợp Giang (Thành phố) ký cam kết thực hiện Luật Giao thông đường bộ

Thông tin: Ngày 14/12/2020 Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia và Nghị định số 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ. Theo đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị các sở, ban, ngành, tổ chức, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, Thành phố triển khai, quán triệt tới cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan, chiến sĩ, sinh viên, người lao động và nhân dân tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn quản lý thực hiện nghiêm túc các nội dung của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia và Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ, đặc biệt tuyên truyền, vận động người dân thực hiện nghiêm “Đã uống rượu, bia không lái xe”.

Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan báo chí tăng cường thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông phổ biến nội dung của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia và Nghị định số 100/2019/NĐ-CP, vận động nhân dân thực hiện quy định “Đã uống rượu, bia không lái xe”. Lực lượng Công an tỉnh, các huyện, Thành phố đẩy mạnh công tác tuần tra, kiểm tra, xử lý nghiêm người điều khiển phương tiện giao thông vi phạm nồng độ cồn, kết hợp chặt chẽ giữa công tác cưỡng chế và tuyên truyền để nâng cao hiệu quả; bảo đảm đủ trang thiết bị, vật dụng cho lực lượng chức năng kiểm tra, xử lý vi phạm nồng độ cồn.



1. Em hãy nêu tác dụng của Luật Giao thông đường bộ và Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia.
2. Ủy ban nhân dân tỉnh, lực lượng công an và các trường học ở tỉnh Cao Bằng đã có những hoạt động gì để Luật Giao thông đường bộ và Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia đi vào cuộc sống. Nêu tác dụng của những hoạt động đó.

c. Luật Phòng, chống buôn bán người

Luật Phòng, chống buôn bán người quy định việc phòng ngừa, phát hiện, xử lý hành vi mua bán người và các hành vi khác vi phạm pháp luật về phòng, chống mua bán người; tiếp nhận, xác minh, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân; hợp tác quốc tế trong phòng, chống mua bán người; trách nhiệm của Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương trong phòng, chống mua bán người.

Thông tin: Ngày 18/3/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng mở phiên sơ thẩm xét xử bị cáo Đ.M.P (trú tại Thôn Phiêng, thị trấn Tính Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng) về tội “Mua bán người dưới 16 tuổi”. Đ.M.P nhận mức án 12 năm tù giam cho tội danh mua bán người dưới 16 tuổi.

Theo cáo trạng, trong thời gian đi làm thuê ở Trung Quốc, Đ.M.P có quen biết S.T.X (quê quán Yên Minh, tỉnh Hà Giang). S.T.X hứa sẽ trả tiền công cho Đ.M.P nếu về Việt Nam tìm được phụ nữ bán sang Trung Quốc.

Khoảng tháng 5/2018, thông qua Facebook, Đ.M.P làm quen với Đ.M.C. (SN 2003, trú tại huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng). Biết Đ.M.C. đang có nhu cầu tìm việc làm nên Đ.M.P nói

đổi là có thể giúp Đ.M.C. xin việc trong công ty ở Việt Nam. Tuy nhiên, khi đón Đ.M.C. tại huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng, Đ.M.P đưa nạn nhân đến khu vực biên giới thuộc xóm Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang để vượt biên sang Trung Quốc rồi về ở nhà S.T.X tại tỉnh Vân Nam. Tại đây, Đ.M.C. bị bán cho một đôi nam nữ người Trung Quốc với giá 40.000 Nhân dân tệ, Đ.M.P được nhận 1.000 Nhân dân tệ. Thời điểm này, nạn nhân Đ.M.C. chưa tròn 15 tuổi.

Đến ngày 18/7/2021, Đ.M.C. bỏ trốn về Việt Nam và tố cáo Đ.M.P. Căn cứ hành vi phạm tội của bị cáo, Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng tuyên phạt bị cáo Đ.M.P 12 năm tù giam về tội mua bán người dưới 16 tuổi.

(Theo baocaobang.vn)



1. Nêu những điều em biết về Luật Phòng, chống buôn bán người.
2. Việc bắt giữ và xét xử đối tượng Đ.M.P có tác dụng gì?

d. Luật An ninh mạng

Luật An ninh mạng quy định những nội dung cơ bản về an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia; phòng ngừa, xử lý hành vi xâm phạm an ninh mạng; triển khai hoạt động bảo vệ an ninh mạng và quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Thông tin: Thời gian qua, tình hình tội phạm sử dụng mạng Internet, mạng viễn thông trên địa bàn tỉnh Cao Bằng diễn biến phức tạp. Để chủ động phòng ngừa, ngăn chặn hoạt động tội phạm sử dụng mạng Internet, mạng viễn thông, giảm thiểu thiệt hại về kinh tế cho người dân, góp phần đảm bảo tình hình an ninh trật tự tại địa phương, Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Cao Bằng thông báo phương thức, thủ đoạn của một số loại tội phạm như sau:

– Giả danh các nhà mạng gọi điện thông báo số thuê bao điện thoại của người bị hại đã trúng thưởng tài sản có giá trị lớn, để nhận được tài sản đó phải mất phí, nếu đồng ý thì mua thẻ cào nạp vào số tài khoản mà các đối tượng lừa đảo cung cấp, khi người bị hại đóng tiền vào để nhận thưởng thì các đối tượng chặn liên lạc và chiếm đoạt số tiền đó.

– Giả danh là cán bộ ngân hàng gọi điện thông báo có người chuyển tiền vào tài khoản nhưng do bị lỗi nên chưa chuyển được hoặc thông báo phần mềm chuyển tiền Internet Banking của khách hàng bị lỗi,... nên yêu cầu khách hàng cung cấp mã số thẻ và mã OTP để kiểm tra. Các đối tượng sử dụng thông tin đó để truy cập vào tài khoản và rút tiền của người bị hại.

– Giả danh công an, toà án gọi điện thông báo người dân có liên quan đến vụ án hoặc xử phạt nguội vi phạm giao thông, yêu cầu chuyển tiền vào tài khoản mà các đối tượng lừa đảo đưa ra để phục vụ công tác điều tra, xử lý.

– Tuyển cộng tác viên xử lý đơn hàng cho các sàn thương mại điện tử để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

– Tạo các tài khoản mạng xã hội ảo như: zalo, facebook,... để đăng bán vật liệu xây dựng, các dụng cụ y tế chống dịch,... Sau đó yêu cầu người bị hại đặt cọc hoặc thanh toán đầy đủ số tiền theo thoả thuận mua bán, khi nhận được tiền các đối tượng chặn liên hệ và chiếm đoạt số tiền đã nhận được.

– ...



1. Nêu những điều em biết về Luật An ninh mạng.
2. Việc Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Cao Bằng thông báo phương thức, thủ đoạn của một số loại tội phạm có tác dụng gì?

4 Xây dựng nếp sống văn minh, tôn trọng kỉ cương, pháp luật cho học sinh ở tỉnh Cao Bằng

Xây dựng nếp sống văn minh, tôn trọng kỉ cương, pháp luật cho học sinh ở tỉnh Cao Bằng được cụ thể hoá qua các biểu hiện ứng xử với đồ vật, cảnh quan trong nhà trường, với thầy cô giáo, cán bộ nhân viên trường học và với bạn bè. Trong gia đình, nếp sống văn minh thể hiện qua cách giao tiếp, ứng xử với người thân. Ngoài xã hội, nếp sống văn minh thể hiện ở lời nói, cử chỉ, hành vi,... nơi công cộng, với những người xung quanh.



Hình 8.11. Lễ phép với thầy cô giáo

Trong những năm qua, các trường học của tỉnh Cao Bằng đã đẩy mạnh việc giáo dục nếp sống văn minh, tôn trọng pháp luật cho học sinh bằng nhiều hoạt động như: tuyên truyền nâng cao nhận thức về pháp luật xây dựng văn hoá ứng xử trong và ngoài nhà trường; giáo dục nếp sống văn minh qua các môn học và hoạt động giáo dục; tăng cường sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội,... Việc giáo dục nếp sống văn minh, tôn trọng kỉ cương, pháp luật cho học sinh góp phần xây dựng môi trường học tập, sinh hoạt lành mạnh, thân thiện, có văn hoá trong gia đình, nhà trường và xã hội. Mặt khác, giáo dục nếp sống văn minh giúp mỗi học sinh phát triển năng lực, hoàn thiện nhân cách, trở thành những

con người biết tuân thủ pháp luật, sống nhân ái, có trách nhiệm, trung thực, đoàn kết và sáng tạo.



Em hãy nêu ý nghĩa của việc giáo dục nếp sống văn minh, tôn trọng kỉ cương, pháp luật cho học sinh ở tỉnh Cao Bằng.



1. Những hành vi nào dưới đây thể hiện nếp sống văn minh, tôn trọng kỉ cương, pháp luật?

- a. Đi xe trong trường.
- b. Biết cảm ơn và xin lỗi đúng lúc.
- c. Ngôn ngữ trong sáng, cử chỉ thân thiện, đúng mực.
- d. Dùng thử ma túy khi bạn bè rủ rê.
- e. Báo công an khi thấy có hành vi buôn bán người.
- g. Tổ chức đám cưới, đám tang trang trọng, tiết kiệm.
- h. Không uống rượu, bia khi tham gia giao thông.
- i. Lễ phép, tôn trọng và vâng lời thầy, cô giáo, kính trọng người lớn tuổi.
- k. Quan tâm, giúp đỡ mọi người trong học tập và cuộc sống.
- l. Giao tiếp với bạn bè cởi mở, chân tình.
- m. Giữ gìn vệ sinh đường làng, lối xóm.
- n. Rủ rê, lôi kéo bạn bè đánh bạc.

2. Những ý kiến, việc làm dưới đây là đúng hay sai? Vì sao?

- a. Xây dựng nếp sống văn hoá ở cộng đồng dân cư góp phần làm cho cuộc sống bình yên, hạnh phúc, bảo vệ và phát huy truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc.
- b. Học sinh chỉ cần học tốt, không cần tham gia những hoạt động xây dựng nếp sống văn minh ở cộng đồng dân cư.
- c. Tuyên truyền, vận động bạn bè, người thân đấu tranh chống lại những hủ tục trong việc ma chay, cưới xin.
- d. Muốn có nếp sống văn hoá, phải có trang phục đẹp.
- e. Ở xóm H có rất nhiều gia đình chăn nuôi gia súc, gia cầm. Mọi người thường thả rông gia súc, gia cầm khiến đường làng, ngõ xóm luôn bẩn và hôi.

g. Nhân dịp kỉ niệm Quốc khánh mừng 2 tháng 9, mọi nhà trong bản đều treo cờ Tổ quốc trước nhà. Riêng nhà T không treo vì cho rằng việc làm này mất thời gian và không có ý nghĩa gì.

h. Thấy bà cụ hàng xóm sống một mình, G thường sang giúp đỡ những việc lật vật và trò chuyện cùng bà.

i. P thường vượt đèn đỏ khi không nhìn thấy cảnh sát giao thông.

k. Ngày cuối tuần, V thường tham gia dọn vệ sinh đường làng, ngõ xóm cùng với mọi người trong thôn xóm.

3. Đọc các tình huống dưới đây và trả lời câu hỏi:

Tình huống 1. Trong ngôi nhà dột nát, tạm bợ, không có gì đáng giá, anh Giàng A N., chủ nhân của ngôi nhà thuộc hộ nghèo đang chờ được hỗ trợ từ chương trình hỗ trợ nhà tạm, nhà dột nát của tỉnh. Vợ chồng Giàng A N. và Hầu Thị G. đã sinh được 4 người con. Con gái cả sinh năm 2012, khi đó, chị G. mới được 16 tuổi. Và cứ thế, lần lượt 3 người con tiếp theo ra đời vào các năm 2013, 2015, 2020. Từ khi lấy chồng, chị G. chỉ ở nhà, sinh con và không có thời gian đi làm đồng áng. Ngôi trong căn nhà dột nát, ôm con trên tay, chị G. chia sẻ về cuộc sống nghèo khổ, bữa no bữa đói. Nhìn các con ăn cơm chan nước lã, chị ghen ngào nhưng bất lực vì bản thân cũng không biết làm gì để cuộc sống tốt hơn.

Em có nhận xét gì về việc kết hôn của Giàng A N. và Hầu Thị G.? Việc kết hôn như vậy có ảnh hưởng như thế nào tới Giàng A N. và Hầu Thị G. nói riêng và nếp sống văn minh trong cộng đồng dân cư nói chung?

Tình huống 2. Gần đây, trong khu T ở, một số thanh niên thường tụ tập hút thuốc, đánh bài ăn tiền cho tới khuya rồi phóng xe đua nhau về, tuyết còi ầm ĩ khắp xóm.

Em có suy nghĩ gì về vấn đề trên? Theo em, các cơ quan chức năng địa phương cần phải làm gì để giải quyết vấn đề đó? Em có trách nhiệm như thế nào trong việc xây dựng nếp sống văn hoá ở khu dân cư mình đang sinh sống?

Tình huống 3. Lớp Q hôm nay được đến thăm bảo tàng Cao Bằng, cả lớp rất háo hức. Trong lúc tham quan, một số bạn trêu chọc nhau, cười đùa ầm ĩ. Lớp trưởng nhắc nhở nhưng những bạn đó không đồng tình vì nghĩ rằng được ra ngoài trải nghiệm phải vui chơi hết mình, không cần trật tự như trong lớp học.

Em có đồng ý với ý kiến đó không? Nếu là thành viên lớp Q, em sẽ làm gì?

Tình huống 4. Buổi sáng, bà S ra chuồng gà để cho gà ăn thì thấy mất 1 con. Bà S rất tức giận, liền đứng ra ngoài cổng chửi rửa những lời tục tĩu, khó nghe vì không biết ai đã lấy cắp gà của bà.

Em đồng ý với hành động của bà S không? Vì sao?

4. Đưa ra lời khuyên cho bạn

a. Khi tham quan công viên hồ Bản Viết, một số bạn trong lớp em khắc tên mình vào thân cây để làm kỉ niệm.

b. Thấy hai người trong xóm cãi nhau, một bạn đã lấy điện thoại quay lại và định đưa lên mạng xã hội.

c. Trong một buổi sinh hoạt ở nhà văn hoá xã, một bạn ngồi cạnh em vừa ăn bím bím vừa nói chuyện điện thoại rất to.

5. Hãy chia sẻ về những việc em đã làm để góp phần xây dựng nếp sống văn hoá ở nơi em cư trú và học tập.



1. Em hãy suy ngẫm về những hành vi, việc làm của mình xem những việc làm nào đúng, việc làm nào sai trong việc xây dựng nếp sống văn minh, tôn trọng kỉ cương, pháp luật ở cộng đồng. Trong đó, hành vi nào em muốn thay đổi? Hãy lập kế hoạch để thay đổi hành vi đó.

2. Em hãy cùng bạn lên kế hoạch tổ chức một buổi tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho người dân về xây dựng nếp sống văn minh, tôn trọng kỉ cương, pháp luật theo gợi ý sau:

– Thời gian tổ chức

– Địa điểm

– Đối tượng tuyên truyền

– Nội dung: Nêu rõ tầm quan trọng của nếp sống văn minh và việc tôn trọng kỉ cương pháp luật; tác hại của việc vi phạm pháp luật và nếp sống văn minh.

– Người thực hiện

– Người hỗ trợ

– Cơ sở vật chất cần thiết

3. Tìm hiểu, kể về một tấm gương tích cực tham gia các phong trào xây dựng nếp sống văn minh ở địa phương (xã/phường/thị trấn) nơi em cư trú. Em rút ra bài học gì từ tấm gương đó?

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Tổ chức và chịu trách nhiệm bản thảo:

Phó Tổng biên tập NGUYỄN VĂN TÙNG
Giám đốc Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội PHẠM THỊ HỒNG
Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục TRẦN MINH QUỐC

Biên tập nội dung:

...

Thiết kế sách:

NGUYỄN THÀNH TRUNG

Sửa bản in:

...

Chế bản:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Bản quyền thuộc Dự án Giáo dục Trung học phổ thông khu vực khó khăn nhất, giai đoạn 2 –
Bộ Giáo dục và Đào tạo

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TỈNH CAO BẰNG LỚP 10

Mã số:

In bản (QĐ in số.....), khổ 19 × 26,5 cm

In tại Công ty cổ phần in

.....

Số ĐKXB: ...-2022/CXBIPH/...-.../GD

Số QĐXB:/QĐ-GD ngày tháng năm ...

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm ...

Mã số ISBN: 978-604-0-...-...